

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:

Tên gói thầu: “Nâng cấp Trang thông tin điện tử ngành Thuế (website) đáp ứng quy định về việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng”

Chủ đầu tư: Cục Thuế

Phạm vi triển khai của gói thầu: Cục Thuế.

Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày

B. Mục tiêu công việc:

Nâng cấp Trang thông tin điện tử ngành Thuế (website) đáp ứng quy định về việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng theo yêu cầu chi tiết nêu tại điểm C chương V của E-HSMT.

C. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

I. Yêu cầu về tính năng của phần mềm

I.1. Văn bản nghiệp vụ đáp ứng

Các văn bản nghiệp vụ đáp ứng nâng cấp trang thông tin điện tử:

- Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ về việc Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;
- Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc Quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;
- Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

Các văn bản nghiệp vụ quản lý thuế có liên quan:

- Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội: Luật Quản lý thuế
- Luật số 108/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội: Luật Quản lý thuế.
- Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;
- Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính Quy định về đăng ký thuế;
- Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/09/2021 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thi hành một số điều của luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-

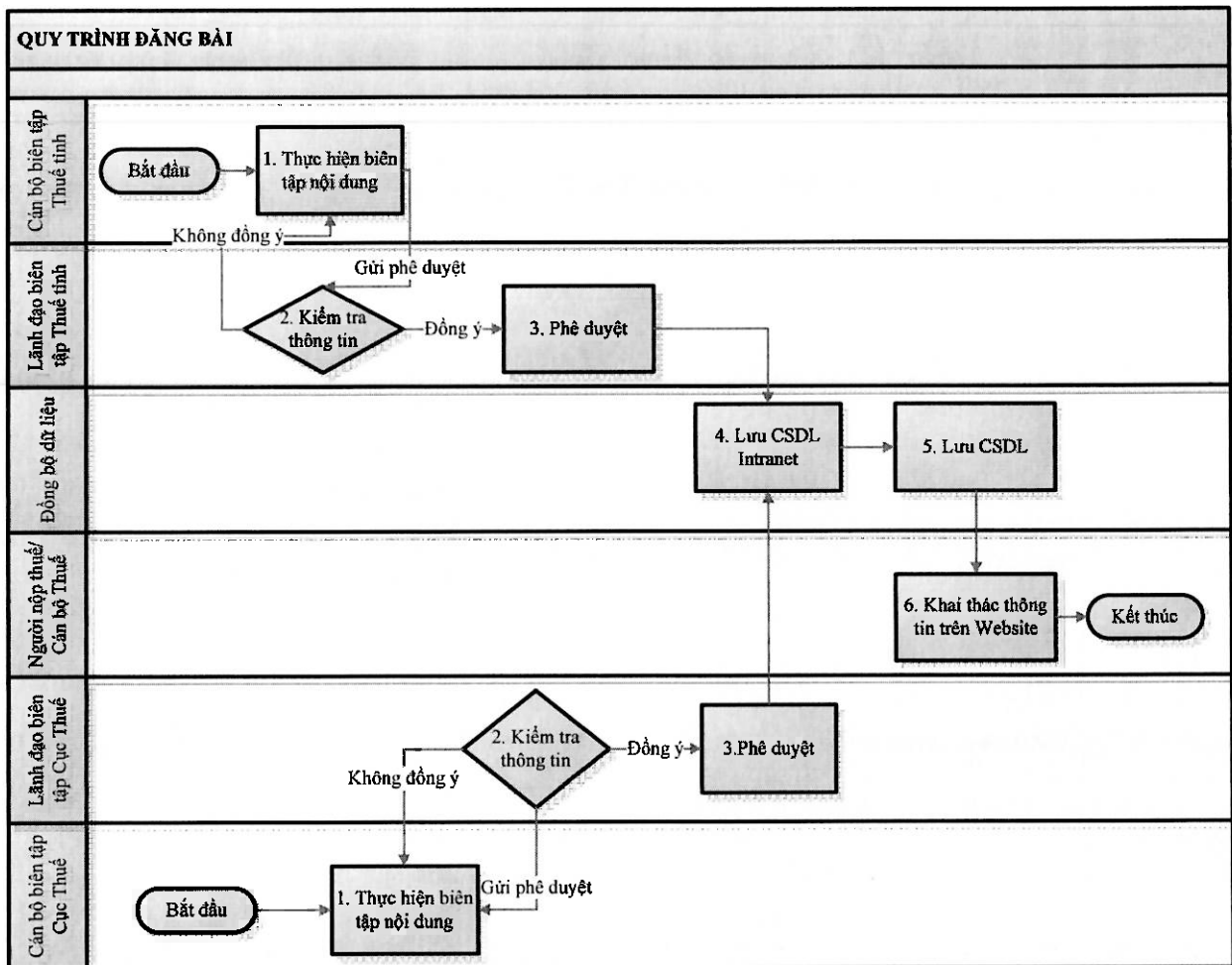
CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý thuế;

- Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 15/07/2020 quy định hồ sơ và trình tự, thủ tục xử lý nợ theo nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội;
- Thông tư 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh;
- Thông tư 10/2021/TT-BTC hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14;
- Thông tư 19/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;
- Thông tư 31/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế;
- Thông tư 06/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/6/2019 về quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Quyết định số 748/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Cục Thuế về việc ban hành quy trình công khai thông tin của Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán trên trang thông tin điện tử ngành Thuế;
- Quyết định số 751/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Cục Thuế về việc ban hành quy trình cưỡng chế nợ thuế;
- Quyết định số 750/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Cục Thuế về việc ban hành Quy trình lựa chọn doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh và quy trình thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế của ngân hàng;

I.2. Yêu cầu về tính năng: Website có tính năng đáp ứng các quy trình nghiệp vụ theo các văn bản quy định nêu trên và đáp ứng:

1. Việc nâng cấp các chức năng ứng dụng đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ của dự án tuân thủ theo các quy trình nghiệp vụ hiện hành.

a. Quy trình đăng tin bài:

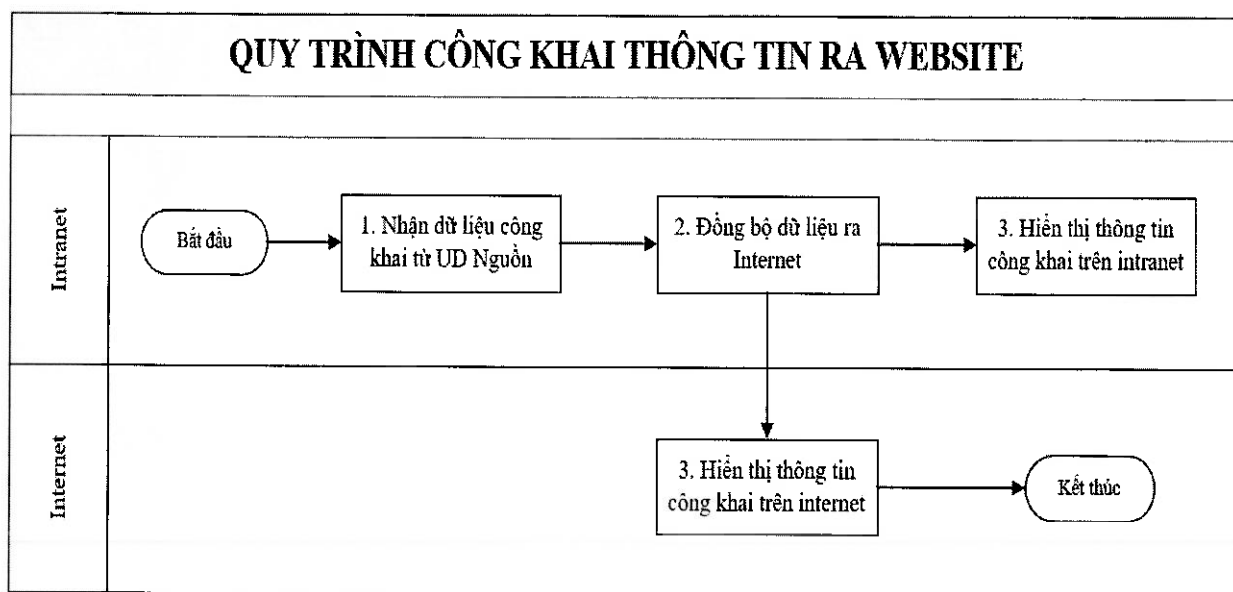


Mô tả Quy trình:

STT	Tên bước	Người thực hiện	Mô tả các bước quy trình
1	Thực hiện biên tập nội dung	Cán bộ biên tập Cục Thuế Cán bộ biên tập Thuế Tỉnh/Tp	Đăng nhập vào hệ thống website, vào chức năng cần biên tập, thực hiện biên tập nội dung.
2	Kiểm tra thông tin	Lãnh đạo Cục Thuế Lãnh đạo Thuế Tỉnh/Tp	Kiểm tra thông tin được biên tập.

STT	Tên bước	Người thực hiện	Mô tả các bước quy trình
3	Phê duyệt	Lãnh đạo Cục Thuế Lãnh đạo Thuế Tỉnh/Tp	Với các thông tin biên tập được đồng ý, lãnh đạo sẽ thực hiện phê duyệt bài viết.
4	Lưu cơ sở dữ liệu Intranet	Hệ thống	Lưu trữ toàn bộ dữ liệu bài viết được biên tập, phê duyệt trên hệ thống Website Intranet
5	Lưu cơ sở dữ liệu Internet	Hệ thống	Lưu trữ toàn bộ dữ liệu bài viết được đồng bộ từ hệ thống Website Intranet
6	Khai thác thông tin trên website	Người nộp Thuế Cán bộ Thuế	Khai thác thông tin được cung cấp trên nền tảng Internet.

b. Quy trình công khai thông tin:



Mô tả Quy trình:

TT	Bước thực hiện	Người thực hiện	Mô tả
1.	Nhận dữ liệu công khai từ ứng dụng nguồn	Intranet	Hệ thống Intranet tự động nhận các dữ liệu công khai từ ứng dụng nguồn TMS, lưu vào CSDL quản lý

TT	Bước thực hiện	Người thực hiện	Mô tả
2.	Hiển thị thông tin công khai trên Intranet	Intranet	Dữ liệu công khai sau khi được duyệt sẽ hiển thị trên Intranet
3.	Đồng bộ dữ liệu	Intranet	Hệ thống sẽ tự động đồng bộ dữ liệu qua trục ESB sang hệ thống dữ liệu Internet phục vụ công khai.
4.	Hiển thị thông tin công khai trên Internet	Internet	Dữ liệu công khai sau khi được đồng bộ sẽ hiển thị trên Internet

2. Yêu cầu sơ bộ chức năng cần có của ứng dụng

2.1 Các yêu cầu đáp ứng theo Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/06/2022 của Chính phủ

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
1	Điểm d, điều 8, Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: d) Cho phép đánh giá hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng, bao gồm đánh giá về giao diện, nội dung, chất lượng, sự hỗ trợ của cơ quan nhà nước.	- Thiết kế giao diện trang chủ trang/Cổng TTĐT Cục Thuế (Website) đáp ứng thay đổi theo thời gian và sự kiện ngành thuế. - Có chức năng để đơn vị nghiệp vụ thay đổi giao diện trang chủ.	Nâng cấp mở rộng chức năng ứng dụng đáp ứng: - Nâng cấp thay đổi giao diện trang chủ. - Nâng cấp bổ sung chức năng quản trị giao diện trang chủ.
2	Khoản 1, điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: đ) Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước e) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức của cán bộ, công chức làm đầu mối liên hệ: Đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng	Thiết kế bố cục thông tin giới thiệu	Nâng cấp mở rộng chức năng ứng dụng đáp ứng: - Nâng cấp chức năng "Tổ chức bộ máy" ngành thuế, gồm: Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; (thông tin về sơ đồ, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc). - Nâng cấp chức năng "Địa chỉ Cơ quan Thuế" gồm thông tin: địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước; họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử chính thức của cán bộ, công chức làm đầu

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
	cục, Cục và cơ quan tương đương, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải bảo đảm có các thông tin về sơ đồ, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị trực thuộc; tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan; tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ quan.		mối liên hệ. - Nâng cấp chức năng "Lịch sử phát triển" ngành thuế gồm các thông tin: tóm lược quá trình hình thành và phát triển của cơ quan; tiểu sử tóm tắt và nhiệm vụ đảm nhiệm của lãnh đạo cơ quan. (Lãnh đạo Cục Thuế; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Sơ đồ tổ chức bộ máy). - Nâng cấp bổ sung chức năng "Chiến lược - Đề án" để đăng tải thông tin: Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước (Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, nghiên cứu khoa học, sáng kiến của ngành thuế).
3	Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: d) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước	Thiết kế bố cục thông tin Tin tức – Sự kiện	Nâng cấp mở rộng chức năng ứng dụng đáp ứng: - Nâng cấp chức năng "Tin tức - Sự kiện" cho phép hiển thị tin tức - sự kiện theo chủ đề chi tiết (chuỗi sự kiện); theo tiêu điểm để đưa các tin bài-sự kiện được nhiều

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
			người quan tâm. - Nâng cấp chức năng bổ sung tìm kiếm cho phép người xem tìm kiếm các tin đã đăng tải. - Nâng cấp bổ sung chức năng tin tức về "Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên" - Nâng cấp bổ sung chức năng tin tức về "Nghiên cứu khoa học và sáng kiến". - Nâng cấp bổ sung "Tin tức hoạt động Cơ quan thuế các cấp".
4	Điểm a, khoản 1, Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: a) Văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý hành chính thuộc thẩm quyền ban hành hoặc được giao chủ trì soạn thảo, trong đó nêu rõ: hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về, cung cấp công cụ tìm kiếm văn bản. Việc cung cấp thông tin văn bản quy phạm pháp luật tuân thủ các quy định của pháp luật và bảo đảm đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật hoặc Công báo Chính phủ nước	Thiết kế bố cục "Hệ thống văn bản"	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp chức năng "Văn bản pháp luật" đáp ứng đầy đủ các thông tin về hình thức văn bản, thẩm quyền ban hành, số ký hiệu, ngày ban hành, ngày hiệu lực, trích yếu, tệp văn bản cho phép tải về, ... - Nâng cấp bổ sung chức năng thông tin "Giới thiệu điểm mới văn bản pháp luật thuế". - Nâng cấp bổ sung chức năng thông tin "Hướng dẫn thực hiện pháp luật thuế". - Nâng cấp bổ sung chức năng thông tin "Bảng giá, căn cứ tính thuế".

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
	Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		- Nâng cấp bổ sung chức năng "Lấy ý kiến dự thảo văn bản" gồm thông tin hiển thị văn bản đã và đang lấy ý kiến. - Nâng cấp bổ sung chức năng thông tin "Giáo dục phổ biến pháp luật". - Nâng cấp bổ sung chức năng "Tìm kiếm văn bản nâng cao" cho phép tra cứu theo loại văn bản, sắc thuế và đối tượng cần nâng cấp do việc tra cứu không tìm kiếm được trừ tra theo số hiệu văn bản.
5	Điều 1 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP 1. Nghị định này quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.	Thiết kế bố cục Cổng dịch vụ	Đặt link trên Cổng thông tin cho phép người dùng khi chọn vào nút chức năng Dịch vụ công sẽ điều hướng sang Cổng dịch vụ công ngành thuế.
7	Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: d) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh	Thiết kế bố cục "Thông báo của cơ quan Thuế"	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp bổ sung "Thông tin báo chí" bao gồm: hiển thị các thông cáo báo chí - Nâng cấp bổ sung thông tin "Báo cáo,

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
	vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước đ) Thông tin về danh mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, các nguồn vốn vay theo quy định của pháp luật i) Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải công bố công khai.		thống kê". Bao gồm hiển thị số liệu, công khai số thu ngân sách. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Mua sắm công". Bao gồm hiển thị mời thầu, chào hàng cạnh tranh. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Tuyển dụng công chức".
8	Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: d) Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước i) Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải công bố công khai	Thiết kế bố cục thông tin "Đa phương tiện	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp bổ sung "Điểm tin hoạt động". Bao gồm: tin hoạt động bằng video, audio, ảnh, đồ họa. - Nâng cấp thông tin "Thuế và Đời sống". Bao gồm video chương trình Thuế và Đời sống. - Nâng cấp thông tin "Thuế Nhà nước". Bao gồm video Thuế Nhà nước.
9	Điểm b, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: b) Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên	Thiết kế bố cục "Thuế Quốc tế"	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp bổ sung thông tin "Hoạt động hợp tác quốc tế". - Nâng cấp bổ sung thông tin "Kinh nghiệm quốc tế về thuế"
10	Điểm đ, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP:	Thiết kế bố cục "Ý kiến bạn đọc"	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp bổ sung thông tin "Phản ánh,

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
	đ) Công khai toàn bộ các thông tin tương tác với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật		kiến nghị". Đề hiện thị cần vào các thông tin Xác thực theo số điện thoại, MST, tài khoản mạng xã hội. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Góp ý, đánh giá chất lượng Cổng TTĐT". Đề hiện thị cần vào các thông tin Xác thực theo số điện thoại, MST, tài khoản mạng xã hội.
11	Điểm 4 Điều 5 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: 4. Tổ chức, cá nhân có quyền chọn lựa kênh do cơ quan nhà nước cung cấp để truy cập, sử dụng thông tin của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và có trách nhiệm tuân thủ các quy định trong việc sử dụng thông tin trên môi trường mạng.	Sắp xếp, thiết kế nằm trong "Nội bộ"	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp thông tin "Quy trình, quy chế". Hiện thị thông tin nằm trong Hệ thống Văn bản. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Thông báo, văn bản chỉ đạo, chương trình công tác" bao gồm chương trình công tác của LDC; Thông báo văn bản chỉ đạo của cơ quan thuế. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Điểm báo" bao gồm hiện thị điểm báo bằng tin, audio, video. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Lấy ý kiến góp ý văn bản nội bộ". - Nâng cấp bổ sung thông tin "Gửi báo

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
			cáo" bao gồm hiển thị các báo cáo theo nhóm chủ đề, đơn vị. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Hướng dẫn sử dụng ứng dụng của cơ quan thuế". - Nâng cấp bổ sung thông tin "Làm việc trên ứng dụng" thực hiện theo phân quyền. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Trao đổi thông tin với cơ quan, tổ chức liên quan" Bao gồm hiển thị thông tin trao đổi giữa cơ quan thuế với ngân hàng nhà nước, NHSTM, đăng kiểm, đăng ký nhà đất, công an.
12	Điểm b khoản 1, Điều 7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: b) Cung cấp đầy đủ, chính xác các đường liên kết đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước khác có liên quan	Thiết kế bố cục liên kết	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp thông tin liên kết các trang Cổng thông tin CP, Cổng TTĐT Bộ Tài chính, Công dịch vụ công quốc gia. - Nâng cấp thông tin liên kết 34 trang thông tin điện tử Thuế Tỉnh/TP. - Nâng cấp bổ sung thông tin liên kết Cổng TTĐT dành cho NCCNN. - Nâng cấp bổ sung thông tin liên kết các Báo/Tạp chí thuộc Bộ Tài chính.
13	Điểm d, khoản 1, Điều 7 Nghị định số	Thiết kế bố cục footer	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng:

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghịệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
	42/2022/NĐ-CP: c) Cung cấp chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi tin bài		- Nâng cấp thông tin Ban Biên tập gồm người đại diện, điện thoại, email.
14	Điểm đ, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: đ) Công khai toàn bộ các thông tin tương tác với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật	Thiết kế chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi thông tin	Nâng cấp mở rộng chức năng tìm kiếm, in ấn, lưu trữ (tải về) trong từng thông tin trên
15	Điểm a, khoản 1, Điều 7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: a) Chức năng tra cứu, tìm kiếm thông tin cho phép tìm kiếm được đầy đủ và chính xác nội dung thông tin, tin, bài cần tìm hiện có theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Thiết kế chức năng "Tìm kiếm"	Nâng cấp chức năng tìm kiếm thông tin chung trên Trang chủ (Tra cứu, hiển thị)
16	Khoản 2, Điều 7 Nghị định số 42/2022/NĐ-CP: 2. Cung cấp thông tin bằng tiếng nước ngoài a) Cơ quan nhà nước phải bảo đảm cung cấp các thông tin bằng tiếng Anh gồm: Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó và của từng đơn vị trực thuộc; thông tin liên hệ của cán bộ, công chức có thẩm quyền, bao gồm họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử chính thức. b) Khuyến khích cơ quan nhà nước đăng tải các	Thiết kế giao diện trang chủ trang/Cổng TTĐT TCT bằng (Website) Tiếng Anh đáp ứng thay đổi theo thời gian và sự kiện ngành thuế. - Có chức năng để đơn vị nghiệp vụ thay đổi giao diện trang chủ	Nâng cấp mở rộng chức năng ứng dụng đáp ứng: - Nâng cấp thay đổi giao diện trang chủ. - Nâng cấp bổ sung chức năng quản trị giao diện trang chủ.

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghịệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
	mục thông tin khác bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác. c) Các mục thông tin quy định tại điểm a, điểm b của khoản 2 Điều này phải được cập nhật kịp thời khi có thay đổi.	Thiết kế bố cục thông tin giới thiệu	Nâng cấp mở rộng chức năng ứng dụng đáp ứng: - Nâng cấp bổ sung chức năng tổ chức bộ máy ngành thuế, gồm các thông tin: Lãnh đạo Cục Thuế; Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; Sơ đồ tổ chức bộ máy. - Nâng cấp chức năng lịch sử, truyền thống ngành thuế.
		Thiết kế bố cục tin tức - sự kiện	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp bổ sung thông tin "Hoạt động hợp tác quốc tế". - Nâng cấp bổ sung thông tin "Kinh nghiệm quốc tế về thuế".
		Thiết kế bố cục "Hệ thống văn bản"	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp chức năng văn bản pháp luật. Nâng cấp bổ sung chức năng tìm kiếm nâng cao văn bản. - Nâng cấp bổ sung thông tin "Giới thiệu điểm mới văn bản pháp luật thuế". - Nâng cấp bổ sung thông tin "Hướng dẫn thực hiện pháp luật thuế".
		Thiết kế chức năng in ấn và lưu trữ cho mỗi thông tin	Nâng cấp mở rộng chức năng tìm kiếm, in ấn, lưu trữ (tài về) trong từng thông tin trên
		Thiết kế chức năng "Tìm kiếm"	Nâng cấp chức năng tìm kiếm thông tin chung trên Trang chủ (Tra cứu, hiển thị)

STT	Nội dung nghiệp vụ/chính sách/yêu cầu ảnh hưởng	Nghiệp vụ cho các yêu cầu cần tin học hóa	Nội dung nâng cấp
		Thiết kế bố cục liên kết	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp thông tin liên kết các trang Cổng thông tin CP, Cổng TTĐT Bộ Tài chính, Công dịch vụ công quốc gia. - Nâng cấp thông tin liên kết 34 trang thông tin điện tử Thuế Tỉnh/Tp - Nâng cấp bổ sung thông tin liên kết Cổng TTĐT dành cho NCCNN. - Nâng cấp bổ sung thông tin liên kết các Báo/Tạp chí thuộc BTC.
		Thiết kế bố cục footer	Nâng cấp mở rộng chức năng đáp ứng: - Nâng cấp thông tin Ban Biên tập gồm người đại diện, điện thoại, email,...

2.2 Các yêu cầu nâng cấp chức năng theo Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023, bao gồm:

Yêu cầu về chức năng đối với cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi áp dụng yêu cầu
1. Phân hệ quản trị			
1.1 Chức năng quản trị trang thành phần			
1.1.1	Chức năng tạo trang thành phần	Cho phép người sử dụng tạo các trang thông tin điện tử, quản lý các trang thông tin điện tử, cho phép quản trị các trang thành phần này theo nhu cầu và phân quyền cho từng cơ quan, đơn vị.	Cổng thông tin điện tử
1.1.2	Khả năng tùy biến và cá nhân hóa	Hỗ trợ tùy chỉnh giao diện của các trang thành phần. Chức năng cho phép tùy chỉnh riêng biệt với từng trang thành phần theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị	Cổng thông tin điện tử
1.1.3	Phân quyền người sử dụng	Hỗ trợ phân quyền người sử dụng theo từng chức năng hoặc nhóm chức năng, theo từng trang thành phần.	Cổng thông tin điện tử
1.2 Nhóm chức năng quản trị, cấu hình			
1.2.1	Quản trị người sử dụng	Cho phép người sử dụng đăng ký tài khoản hoặc người quản trị cấp tài khoản cho người sử dụng. Lưu trữ các thông tin dưới dạng hồ sơ người sử dụng, cấp quyền sử dụng theo vai trò và báo cáo hoạt động của từng người sử dụng, cung cấp chức năng đăng nhập một lần (SSO) cho các hệ thống trực thuộc.	Cổng thông tin điện tử
1.2.2	Cấu hình các thành phần của hệ thống	Cho phép người sử dụng có thể sửa đổi, cập nhật thông tin các nội dung cơ bản trên giao diện (Ví dụ: Hình ảnh, Logo, thông tin địa chỉ, số điện thoại, cơ quan quản lý...).	- Cổng thông tin điện tử - Trang thông tin điện tử
1.2.3	Quản lý danh sách mô-đun	Cho phép người sử dụng cài đặt, sửa, xóa các Mô-đun (Modules) chức năng. Hệ thống hỗ trợ việc tích hợp và quản trị các Mô-đun chức năng riêng biệt nhằm nâng cấp và mở rộng khả năng hiện có (extensions/ add-on...).	- Cổng thông tin điện tử - Trang thông tin điện tử
1.2.4	Quản lý Eventlog – Nhật ký	Hỗ trợ lưu trữ các sự kiện (event log) diễn ra trong toàn bộ hệ thống để phục vụ theo	- Cổng thông tin điện tử

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi áp dụng yêu cầu
	theo dõi sự kiện	dõi, giám sát và có phương án giải quyết nhanh nhất khi hệ thống gặp sự cố.	-Trang thông tin điện tử
1.2.5	Tương thích với thiết bị di động	Tương thích với các thiết bị di động, tự động co giãn hiển thị theo màn hình thiết bị. Cho phép tự động phân biệt và nhận diện các thiết bị để hiển thị phù hợp.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
1.2.6	Quản trị ngôn ngữ	Cho phép quản trị ngôn ngữ trên giao diện.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
1.3 Nhóm chức năng hệ thống			
1.3.1	Quản trị mẫu giao diện	Hệ thống hỗ trợ xây dựng các mẫu giao diện sẵn có, bao gồm cấu trúc, bố cục, màu sắc, ... các mẫu giao diện được sử dụng để áp dụng vào các trang thành phần một cách nhanh chóng.	Cổng thông tin điện tử
1.3.2	Sao lưu và phục hồi dữ liệu	Cung cấp công cụ cho thực hiện sao lưu định kỳ, sao lưu đột xuất và cho phép phục hồi dữ liệu theo phiên bản đã được lưu trữ khi cần thiết hoặc khi có sự cố xảy ra.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
1.3.3	Quản lý danh mục dùng chung	Cho phép tạo lập, quản lý các danh mục cho người sử dụng, ví dụ: danh mục loại văn bản, lĩnh vực, cơ quan, phòng ban, chức danh và các danh mục khác. Cho phép kết nối với hệ thống Danh mục dùng chung để quản lý các danh mục phổ biến.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
2. Phân hệ tin tức			
2.1. Quản trị tin, bài viết			
2.1.1	Quản trị Tin tức	Hệ thống cho phép thực hiện một số hoạt động chính như: - Quản trị chuyên mục: Tạo và quản trị các nhóm chuyên mục nội dung nhằm mục đích phân loại, tìm kiếm, chỉnh sửa; - Quản trị Biểu ngữ (Banner), Đầu trang, Chân trang: Cho phép người sử dụng tự chủ động thêm mới, cập nhật, sửa, xóa thông tin trên các thành phần này;	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi áp dụng yêu cầu
		- Quản trị thông tin phản hồi bài viết: Các bài viết hiển thị trên cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử cho phép người đọc phản hồi thông tin, bình luận dưới mỗi bài viết; - Quản trị tin tức: Cho phép người sử dụng quản trị hệ thống tin tức của cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử. Có thể thêm mới, cập nhập, sửa, xóa và duyệt hiển thị tin tức trên trang. Cho phép linh động quản lý tin tức theo quy trình có thể cấu hình được; - Quản trị liên hệ: Cho phép đăng tải các thông tin liên hệ; - Quản trị liên kết trang: Tăng khả năng mở rộng và liên kết thông tin của hệ thống với các cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử bên ngoài. Cho phép quản trị danh sách các trang liên kết.	
2.1.2	Quản trị tin, bài theo quy trình	Quản trị các nội dung thông tin theo các phân loại khác nhau (category) để phân loại thông tin và bài viết trên cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử, đồng thời cho phép định nghĩa một quy trình biên tập và xuất bản nội dung thông tin.	- Cổng thông tin điện tử - Trang thông tin điện tử
2.1.3	Thống kê tin, bài	Hỗ trợ thống kê bài viết theo trang, thời gian. Thống kê tin, bài đã đăng tải, hỗ trợ báo cáo thống kê số lượng tin bài đã đưa theo chuyên mục, cho phép cho xuất báo cáo thống kê ra định dạng Excel hoặc PDF. Hỗ trợ tìm kiếm tin, bài đã đăng lên các chuyên mục theo thời gian. Cho phép người sử dụng đăng tải các tin, bài theo dòng sự kiện, trình bày thông tin theo dạng infographic.	- Cổng thông tin điện tử - Trang thông tin điện tử
2.2 Quản trị tiện ích			
2.2.1	Cung cấp các tiện ích phổ biến hỗ trợ cho hoạt động khai	Cung cấp một số tiện ích phổ biến cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử (ví dụ: Bình chọn, Quản trị truyền thông, Hình ảnh quảng cáo, Hỏi đáp, ...)	- Cổng thông tin điện tử - Trang thông tin điện tử

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi áp dụng yêu cầu
	thác thông tin và tương tác với người xem		
2.2.2	Đăng nhập SSO	Hỗ trợ đăng nhập một lần và cho phép liên kết đến các hệ thống SSO khác (ví dụ: VNeID, PostID...). Cung cấp dịch vụ đăng nhập SSO cho các trang thành phần.	Cổng thông tin điện tử
2.2.3	Hỗ trợ khả năng tìm kiếm	Hỗ trợ tìm kiếm theo chuẩn Unicode TCVN 6909:2001 và tìm kiếm nâng cao theo tiêu đề tin, bài; theo nội dung trong tin, bài hoặc các từ khóa liên quan đến tin, bài.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
2.2.4	Cung cấp khả năng gắn khảo sát của Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến	Cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử cần sử dụng hoặc kết nối đến Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến để tạo và đăng tải các khảo sát lên giao diện của hệ thống.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
2.3 Chức năng tiện ích			
2.3.1	Quản lý hỏi đáp	Cung cấp dịch vụ hỏi và đáp trực tuyến giữa chính quyền và người dân.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
2.3.2	Sơ đồ tổ chức	Hỗ trợ hiển thị sơ đồ bộ máy đơn vị theo dạng cây danh sách.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
2.3.3	Quản trị thư viện hình ảnh, đa phương tiện	Cho phép người sử dụng có thể quản trị các nội dung đa phương tiện như hình ảnh, âm thanh, ...	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
		Cho phép người quản trị có thể phê duyệt các thư viện hình ảnh.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử
2.4 Hiện thị nội dung thông tin			
2.4.1	Cung cấp nội dung thông tin	- Cho phép người sử dụng có thể hiển thị và cấu hình danh sách tin nổi bật. - Cho phép người sử dụng có thể hiển thị và cấu hình danh sách tin mới.	- Cổng thông tin điện tử -Trang thông tin điện tử

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phạm vi áp dụng yêu cầu
		- Cho phép hiển thị danh sách menu chuyên mục. - Tự động hiển thị tin tức theo chuyên mục.	

2.3 Danh sách yêu cầu chức năng hệ thống:

Mã tham chiếu	Mã loại chức năng	Loại chức năng nâng cấp/mở rộng và triển khai (Yêu cầu triển khai tham chiếu tại A3)	Mô tả xử lý	Số lần nâng cấp/mở rộng và triển khai
	(1)	(2)	(3)	(4)
A1	Yêu cầu chức năng			
A1.1	F1	Nhập dữ liệu		74
			Nhập/Nhận thông tin (từ file có cấu trúc hoặc phi cấu trúc) và lưu vào CSDL	
			Tổng hợp/Hiển thị dữ liệu sẵn có lên màn hình giao diện	
A1.2	F16	Tra cứu dữ liệu		72
			Nhập tham số tra cứu, tổng hợp dữ liệu và hiển thị danh sách kết quả tra cứu lên màn hình	
			Xem chi tiết/In/Kết xuất kết quả tra cứu	
A1.3	F17	Hiển thị thông tin trên Website		76
			Hiển thị thông tin (bài viết/chuyên mục/...)	
			Phóng to/thu nhỏ/phân trang/đọc thông tin hiển thị	

3. Yêu cầu phi chức năng

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
A2	Yêu cầu phi chức năng
A2.1	Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu
A2.1-1	Yêu cầu về môi trường nền tảng: - Môi trường máy chủ cài đặt CSDL sử dụng hệ điều hành Linux.

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
	- Hệ quản trị CSDL: Oracle phiên bản 19c trở lên (hoặc tương đương). - Có độ sẵn sàng cao (HA) cho CSDL. - Ngôn ngữ lập trình java hoặc tương đương - Nền tảng HCL Digital Experience 9.5 trở lên hoặc tương đương
A2.1-2	Khả năng mở rộng của hệ thống: - Có khả năng hiệu chỉnh tài nguyên để tăng hiệu suất xử lý của hệ thống CSDL. - Có khả năng mở rộng khả năng lưu trữ (Storage) của CSDL. - Yêu cầu về thiết kế cho phân vùng dữ liệu: Lưu trữ các loại dữ liệu theo các phân vùng (tablespace) khác nhau.
A2.2	Yêu cầu về an toàn thông tin
A2.2-1	Xác thực người dùng: - Có cơ chế xác thực người sử dụng và người quản trị ứng dụng bằng tài khoản và mật khẩu. - Thông tin mật khẩu có lưu trữ phải được mã hóa. - Có chức năng thiết lập cấu hình ứng dụng để đảm bảo an toàn mật khẩu người sử dụng, bao gồm các yêu cầu sau: + Đặt mật khẩu mới khi đăng nhập lần đầu sử dụng mật khẩu mặc định. + Độ dài mật khẩu tối thiểu. + Thời gian yêu cầu thay đổi mật khẩu. + Hạn chế số lần đăng nhập sai trong khoảng thời gian nhất định với tài khoản nhất định; + Vô hiệu hóa tài khoản trong một khoảng thời gian nếu đăng nhập sai nhiều lần vượt số lần quy định.
A2.2-2	Kiểm soát truy cập: - Thiết lập giới hạn thời gian chờ (timeout) để đóng phiên kết nối khi ứng dụng không nhận được yêu cầu từ người dùng. - Có chức năng phân quyền truy cập, quản trị, sử dụng tài nguyên khác nhau của ứng dụng với người dùng/nhóm người dùng
A2.2-3	An toàn ứng dụng và mã nguồn: - Kiểm soát dữ liệu đầu vào (đối với các chức năng nhập dữ liệu từ người dùng, nhận dữ liệu từ các hệ thống ngoài cơ quan thuế). - Bảo vệ ứng dụng chống lại những dạng tấn công phổ biến: SQL Injection, OS command injection, RFI, LFI, Xpath injection, XSS, CSRF (đối với các chức năng nhập dữ liệu từ người dùng, nhận dữ liệu từ các hệ thống ngoài cơ quan thuế). - Phải có cơ chế kiểm tra định dạng file, dung lượng file với các chức năng ứng dụng cho phép tải file (upload file) .
A2.2-4	Nhật ký ứng dụng: - Ghi nhật ký ứng dụng bao gồm những thông tin cơ bản sau: + Thông tin truy cập ứng dụng (tài khoản truy cập, thời gian truy cập, địa

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
	chỉ truy cập) + Thông tin các lỗi phát sinh trong quá trình hoạt động. + Thông tin thay đổi cấu hình ứng dụng. - Quản lý và lưu trữ nhật ký trên hệ thống
A2.2-5	Bảo mật thông tin liên lạc: - Mã hóa thông tin, dữ liệu nhạy cảm (bắt buộc phải mã hóa) trước khi truyền đưa, trao đổi qua môi trường mạng. - Sử dụng chữ ký số với các dữ liệu bắt buộc theo quy định khi trao đổi thông tin. - Sử dụng giao thức HTTPs khi cung cấp giao diện cho người dùng, cho kết nối các hệ thống từ bên ngoài cơ quan Thuế.
A2.2-6	Yêu cầu về sao lưu, phục hồi dữ liệu: Thực hiện theo cơ chế sao lưu của Cục Thuế
A2.2-7	Lưu trữ: Tuân thủ về lưu trữ dữ liệu theo quy định của pháp luật về lưu trữ, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và pháp luật khác có liên quan.
A2.3	Các yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, độ phức tạp xử lý của các chức năng phần mềm
A2.3-1	Yêu cầu hệ thống tự động đăng xuất khỏi hệ thống trong thời gian 20 phút nếu người dùng không sử dụng hệ thống.
A2.3-2	Yêu cầu hệ thống thực hiện ghi dữ liệu sau khi người dùng nhập đầy đủ dữ liệu đầu vào trên giao diện chức năng và thực hiện ghi dữ liệu trong khoảng thời gian tối đa là 25 giây.
A2.3-3	Yêu cầu hệ thống hiển thị dữ liệu sau khi người dùng nhập đầy đủ dữ liệu tra cứu và thực hiện tra cứu dữ liệu trong khoảng thời gian tối đa là 25 giây đối với kết quả ≤ 500 bản ghi.
A2.3-4	Yêu cầu hệ thống hiển thị dữ liệu báo cáo sau khi người dùng nhập đầy đủ tham số in/kết xuất và thực hiện in/kết xuất báo cáo trong khoảng thời gian tối đa là 2,5 phút đối với kết quả ≤ 1000 bản ghi.
A2.4	Các yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng
A2.4-1	Yêu cầu về kiến trúc nền tảng hạ tầng ứng dụng - Cho phép cài đặt trong hệ thống mạng có phân vùng bảo mật nhiều lớp. - Phần mềm ứng dụng được triển khai trên phiên bản hệ điều hành mới và được cập nhật các bản vá tại thời điểm nâng cấp. - Phần mềm ứng dụng phải được phát triển trên nền tảng middleware mới.

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
	- Phần mềm ứng dụng sử dụng Framework phiên bản mới.
A2.4-2	Yêu cầu thông số triển khai, cài đặt ứng dụng: - Phân tích và cập nhật mô hình thiết kế hệ thống - Cập nhật thông số chi tiết máy chủ (bao gồm thông số phần cứng, cấu hình network, thông số hệ điều hành, cấu hình ứng dụng trên máy chủ) - Cập nhật thông số thiết bị kết nối, định tuyến, cân bằng tải - Cập nhật thông số cấu hình hệ thống theo dõi quản trị tập trung - Cập nhật thông số phần mềm cài đặt. - Trang thông tin điện tử cài đặt trên môi trường chính và môi trường dự phòng bảo đảm duy trì hoạt động an toàn, liên tục và khắc phục khi có sự cố xảy ra, trừ những trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.
A2.4-3	Yêu cầu về vận hành, theo dõi ứng dụng (cập nhật bổ sung cho các nội dung đáp ứng yêu cầu nâng cấp, mở rộng): - Cập nhật checklist kiểm tra hoạt động của ứng dụng (ứng dụng, cơ sở dữ liệu, an toàn thông tin, hạ tầng kỹ thuật) - Cập nhật quy trình thực hiện, tần suất thực hiện, ngưỡng cảnh báo cho các checklist
A2.5	Các ràng buộc đối với hệ thống gồm: ràng buộc môi trường, sự phụ thuộc vào hệ thống nền tảng
A2.5-1	Yêu cầu hiệu năng tải trang dành cho trải nghiệm người sử dụng theo Thông tư 22/2023/TT-BTTTT, cụ thể: Hiệu năng tải trang dành cho trải nghiệm người sử dụng khi chịu tải trong điều kiện môi trường thực hiện có băng thông tối thiểu 100Mbps: - Thời gian hiển thị nội dung đầu tiên: Là thời gian mà người sử dụng phải đợi để nhìn thấy nội dung đầu tiên trên cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử sau khi trang bắt đầu được tải. Yêu cầu dưới 3 giây. Khuyến khích đáp ứng thời gian nhỏ hơn tùy theo tình hình thực tiễn. - Thời gian hiển thị nội dung lâu nhất: Là thời gian mà trình duyệt cần để hiển thị phần nội dung lớn nhất của cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử (có thể là một hình ảnh, video, ...). Yêu cầu dưới 4 giây. Khuyến khích đáp ứng thời gian nhỏ hơn tùy theo tình hình thực tiễn. - Thời gian tải nội dung: Là thời gian mà cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử cần để hiển thị đầy đủ nội dung trên màn hình. Yêu cầu dưới 5,8 giây. Khuyến khích đáp ứng thời gian nhỏ hơn tùy theo tình hình thực tiễn. - Thời gian đáp ứng: Là thời gian mà cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử cần để xử lý mỗi tác vụ (request) trong quá trình tải trang. Yêu cầu dưới 0,6 giây. Khuyến khích đáp ứng thời gian nhỏ hơn tùy theo tình hình thực tiễn.

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
A2.5-2	Yêu cầu về hiệu năng của hệ thống theo Thông tư 22/2023/TT-BTTTT, cụ thể: - Thời gian phản hồi trung bình: Hệ thống có thời gian phản hồi trung bình dưới 2,5 giây đối với mỗi luồng công việc chính riêng rẽ và không bao gồm các luồng mang tính chất thống kê, báo cáo (thời gian phản hồi được tính từ khi người sử dụng gửi yêu cầu đáp ứng tới hệ thống cho đến khi nhận được dữ liệu phản hồi từ hệ thống). - Thời gian phản hồi chậm nhất: Hệ thống có thời gian phản hồi chậm nhất dưới 30 giây đối với toàn bộ các thao tác trên toàn trang. - Truy cập đồng thời: Hệ thống có khả năng đáp ứng ít nhất 500 truy cập đồng thời hoặc theo yêu cầu cụ thể. - Số người sử dụng hoạt động đồng thời: Hệ thống có khả năng đáp ứng số người sử dụng hoạt động đồng thời (có thực hiện các tác vụ khác nhau phát sinh yêu cầu gửi đến hệ thống) ít nhất bằng 100 truy cập đồng thời (Mức độ hoạt động tương tự người sử dụng đã sử dụng thành thạo hệ thống).
A2.6	Yêu cầu về quy định kỹ thuật đối với cổng thông tin điện tử
A2.6-1	Yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 và DNSSEC: thành phần webserver lắng nghe được các kết nối qua mạng IPv6, tương thích DNSSEC. Triển khai HTTPS sử dụng giao thức TLS v1.2 trở lên với các bộ mã hóa an toàn trong xác thực người sử dụng và truyền nhận các thông tin nhạy cảm (thông tin cá nhân, thông tin thanh toán).
A2.6-2	Cho phép xem trực tiếp trên trình duyệt các tệp đính kèm với một số định dạng phổ biến (ví dụ: .doc, .docx, .xls, .xlsx, .rtf, .pdf)
A2.6-3	Áp dụng tiêu chuẩn WCAG tối thiểu là phiên bản 2.0
A2.6-4	Yêu cầu về quy định kết nối phục vụ công tác giám sát, đo lường, đánh giá
A2.6-4.1	Hệ thống cho phép thu thập dữ liệu và kết nối tới hệ thống EMC của Bộ Thông tin và truyền thông phục vụ công tác giám sát, đo lường và đánh giá
A2.6-4.2	Danh sách dữ liệu thu thập, giám sát trong kết nối với hệ thống EMC theo Thông tư 22/2023/TT-BTTTT bao gồm: - Lượt truy cập (Visit) - Lượt xem trang (Page View) - Người sử dụng (Visitor) - Tỷ lệ thoát (Bounce Rate) Các chỉ số thu thập khác: Hit, Session, Avg. Session Duration, Organic search, Referral, Direct,...

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
A2.6-5	Yêu cầu về dữ liệu đặc tả phục vụ theo dõi, quản lý việc cung cấp và hiệu quả sử dụng thông tin theo Thông tư 22/2023/TT-BTTTT
A2.6-5.1	Yếu tố dữ liệu đặc tả: Hệ thống phải hỗ trợ đầy đủ các yếu tố dữ liệu đặc tả theo chuẩn, bao gồm: Bắt buộc: Tiêu đề (Title), Người tạo (Creator), Thời gian (Date), Cơ quan ban hành (Publisher), Mô tả (Description), Định danh (Identifier) Khuyến nghị: Ngôn ngữ (Language), Nguồn (Source), Người cộng tác (Contributor), Chủ đề (Subject) Tùy chọn: Phạm vi (Coverage), Dạng (Type), Định dạng (Format), Quan hệ (Relation), Các quyền (Rights)
A2.6-5.2	Quy định đối với thuộc tính nội dung của yếu tố dữ liệu đặc tả: - Không được để trống các yếu tố dữ liệu đặc tả bắt buộc - Thể hiện bằng tiếng Việt, sử dụng bộ mã TCVN 6909:2001 - Nội dung phải ngắn gọn, rõ nghĩa, đúng bản chất thông tin Trường hợp có nhiều giá trị, các giá trị được phân tách bằng dấu “;”
A2.6-5.3	Thông tin bắt buộc áp dụng dữ liệu đặc tả: Dữ liệu đặc tả phải được tạo lập và sử dụng tối thiểu đối với: - Trang chủ cổng thông tin điện tử - Trang giới thiệu cơ quan chủ quản - Toàn bộ tin, bài - Các trang thông tin thành phần
A2.6-5.4	Tạo lập, lưu trữ, cập nhật dữ liệu đặc tả: - Dữ liệu đặc tả được tạo lập bằng một hoặc kết hợp các phương thức: + Chèn trực tiếp trong mã nguồn HTML/XML + Sử dụng công cụ tạo lập đặc tả tích hợp trong hệ thống + Sử dụng công cụ tạo đặc tả tự động - Dữ liệu đặc tả được lưu trữ: + Trực tiếp trong mã nguồn trang thông tin hoặc + Trong kho dữ liệu/hệ quản trị CSDL - Dữ liệu đặc tả được cập nhật: Khi nội dung thông tin thay đổi, dữ liệu đặc tả phải được kiểm tra và cập nhật ngay
A2.6-5.5	Kết nối và đồng bộ dữ liệu đặc tả với hệ thống EMC: - Hệ thống phải bảo đảm khả năng thu thập, chuẩn hóa và kết nối dữ liệu đặc tả tới Hệ thống EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông - Các yếu tố dữ liệu đặc tả phải tuân thủ chuẩn Dublin Core (DC) với cú pháp: + HTML <meta name="DC.*" ...> + XML <DC:Element>

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
A2.7	Các yêu cầu về ràng buộc xử lý logic đối với việc nhập (hay chuyển đổi) dữ liệu thông qua sử dụng các ô nhập liệu do giao diện chương trình cung cấp
A2.7-1	Các ô nhập phải hiển thị dấu thông báo ô nhập là bắt buộc hoặc tùy chọn nhập dữ liệu cho người dùng.
A2.7-2	Thứ tự các ô nhập tuân theo đúng logic của dữ liệu cần nhập, người dùng hoàn toàn có thể sử dụng bàn phím (không cần chuột) để di chuyển tới các ô nhập này.
A2.7-3	Đối với các ô nhập có dữ liệu cố định như: danh mục, ngày tháng, danh sách cụ thể,... cần hỗ trợ hiển thị danh sách để người dùng chọn mà không cần nhập.
A2.7-4	Đối với phân hệ Portal, cần hỗ trợ các trình duyệt thông dụng hiện hành (Internet Explorer, Firefox, Chrome, Edge, Safari)
A2.7-5	Yêu cầu hệ thống hiển thị mã lỗi theo danh sách mã lỗi đã được thống nhất trong tài liệu phân tích yêu cầu nghiệp vụ.
A2.8	Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình
A2.8-1	Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật: - Sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt trên giao diện. Riêng đối với giao diện cho cán bộ quản trị có thể sử dụng tiếng Anh - Các biểu tượng và phím nóng thống nhất trong toàn bộ chương trình. - Font chữ: Sử dụng bộ chữ Unicode chuẩn TCVN6909:2001. - Khuôn dạng hiển thị ngày DD/MM/YYYY hoặc DD.MM.YYYY. - Các trường thể hiện dữ liệu kiểu text căn bên trái. - Các trường thể hiện dữ liệu kiểu số căn bên phải; dùng dấu ‘.’ để ngăn cách giữa hàng triệu và hàng ngàn; dùng dấu ‘,’ để thể hiện phần thập phân. - Số tiền bằng chữ: Linh (cho linh và lẻ); Nghìn (cho nghìn hoặc ngàn). - Các màn hình hỏi đáp điều kiện lọc báo cáo thống nhất với nhau. - Có thông báo về khổ giấy và chiều giấy trước khi in báo cáo. - Giao diện hỗ trợ tối đa sử dụng các chức năng bằng bàn phím máy tính. - Các màn hình nhập và cập nhật dữ liệu về cơ bản thống nhất về các thao tác trên bàn phím cũng như về màu sắc, kiểu chữ. - Ứng dụng cho phép sử dụng phím TAB để di chuyển và tập chung chuột lần lượt (theo thứ tự từ trái sang phải, từ trên xuống dưới) - Nhãn (label) không được viết tắt (trừ một số trường hợp label quá dài hoặc giao diện quá nhiều trường thông tin)
A2.8-2	Yêu cầu về tối ưu hóa giao diện và trải nghiệm người dùng:

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
	- Tối ưu hóa các màn hình nhập liệu theo các tabs tương ứng với các bước thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. - Bảo đảm phương thức thực hiện, ngôn ngữ và bố cục của chương trình đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện. - Xây dựng các trang HTML theo chuẩn responsive. - Tại các khay màn hình nhập của người dùng hiển thị: + Trạng thái của hồ sơ điện tử thực hiện thủ tục hành chính: sử dụng chỉ dẫn bằng hình ảnh, màu sắc để thể hiện các bước đã nhập thông tin, bước hiện tại và các bước tiếp theo. + Cho phép lưu nháp và ghi nhận thông tin hiện tại của hồ sơ điện tử thực hiện thủ tục hành chính - Chỉ cho phép chỉnh sửa thông tin/ xóa file/ upload bổ sung file khi hồ sơ đang ở trạng thái lưu nháp - Lưu vết tất cả các thao tác trên hồ sơ và thông tin chỉnh sửa hồ sơ
A2.8-3	Yêu cầu về các lựa chọn icon: ưu tiên lựa chọn icon hiển thị trực quan trên tất cả thiết bị (PC, Mobile, Tablet), dễ hiểu với tất cả các đối tượng người dùng, đường nét icon thân thiện và đồng bộ với nhận diện thương hiệu ngành Thuế.
A2.8-4	Yêu cầu về thiết kế nút bấm (Buttons): - Phân cấp button theo các mức độ ưu tiên, tập trung nổi bật CTA. - Quy định button trong kích thước, màu sắc button khi ở trong các background khác nhau - Quy định button khi ở trong các trạng thái tương tác với người dùng: default, hover, active, disable
A2.8-5	Yêu cầu về màu sắc giao diện, hình ảnh: - Xác định màu sắc chủ đạo: phân cấp hệ thống màu sắc để sử dụng xuyên suốt, tuân thủ nhận diện thương hiệu ngành Thuế. - Điều chỉnh màu sắc chuẩn trên màn hình thiết bị (RGB), kiểm tra độ chói, độ tương phản tránh gây nhức mắt cho người dùng. - Lựa chọn hình ảnh thể hiện phù hợp với ngôn ngữ thiết kế và tính chất của thủ tục hành chính.
A2.8-6	Yêu cầu về hệ thống lưới (Grid System): - Sử dụng hệ thống lưới trong thiết kế giúp cho việc tổ chức layout, sắp xếp các element, component của hệ thống được logic và trực quan hơn đối với tất cả các kích thước màn hình thiết bị. - Áp dụng các quy chuẩn hệ thống lưới chặt chẽ trong từng màn hình, theo các khoảng cách (spacing unit) nhất định.
A2.8-7	Yêu cầu khoảng trắng và kích thước (Spacing Unit): - Sử dụng Spacing Unit chặt chẽ trong từng element đến component và đến các section để tạo sự thông thoáng, có không gian tương tác tốt cho người dùng, đảm bảo các yếu tố vừa trong từng màn hình.

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
	- Áp dụng kỹ thuật thiết kế đảm bảo các yếu tố chính chỉ chiếm tối đa 80% bản thiết kế nhằm tạo sự thông thoáng. - Đảm bảo kích thước của các element không quá to (gây nhức mắt) và không quá nhỏ (gây khó nhìn, khó đọc)
A2.8-8	Đầu trang bao gồm các thông tin để nhận diện trang thông tin điện tử, một số tiện ích, cũng như thanh điều hướng của trang. Chân trang phải có đầy đủ thông tin về đơn vị quản lý vận hành và chịu trách nhiệm về nội dung, các thông tin tối thiểu cần có gồm: tên đơn vị, người chịu trách nhiệm, địa chỉ, số điện thoại liên hệ, địa chỉ thư điện tử của đơn vị.
A2.8-9	Thanh điều hướng của trang thông tin điện tử sẽ chứa các liên kết hoặc biểu tượng để giúp NNT thuận tiện khi tìm kiếm, truy cập nội dung trên giao diện, truy cập các phần quan trọng của trang thông tin như hiển thị trang chủ, giới thiệu, thông tin hoặc dịch vụ, liên hệ, tài khoản cá nhân và nhiều tính năng khác.
A2.8-10	Trang thông tin điện tử đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế WCAG (Web Content Accessibility Guidelines) để bảo đảm truy cập thuận tiện cho mọi người, bao gồm cả những người khuyết tật.
A2.8-11	Cấu trúc, bố cục trên giao diện trang thông tin điện tử: - Trang thông tin điện tử có nhãn thể hiện việc đã kết nối với Hệ thống EMC và có đường dẫn tại trang chủ đến cổng thông tin điện tử mà trang trực thuộc; - Bảo đảm sự tương đồng về màu sắc, bố cục giữa cổng và các trang thành phần tại giao diện Đầu trang và giao diện Chân trang.
A2.8-12	Tối ưu hóa giao diện ưu tiên thiết bị di động để phục vụ thói quen tra cứu của đại đa số NNT hiện nay.
A2.9	Các định dạng tập tin (tập tin nhập vào hệ thống, tập tin được xuất ra từ hệ thống, tập tin lưu trữ trong hồ sơ điện tử...) tuân thủ theo các định dạng tập tin (về văn bản, hình ảnh...) được quy định tại Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
A2.9-1	Văn bản - (.txt): Định dạng Plain Text (.txt): Dành cho các tài liệu cơ bản không có cấu trúc - (.rtf) v1.8, v1.9.1: Định dạng Rich Text (.rtf) phiên bản 1.8, 1.9.1: Dành cho các tài liệu có thể trao đổi giữa các nền khác nhau - (.docx): Định dạng văn bản Word mở rộng của Microsoft (.docx) - (.pdf) v1.4, v1.5, v1.6, v1.7: Định dạng Portable Document (.pdf) phiên bản 1.4, 1.5, 1.6, 1.7: Dành cho các tài liệu chỉ đọc - (.doc): Định dạng văn bản Word của Microsoft (.doc) (.odt) v1.2: Định dạng Open Document Text (.odt) phiên bản 1.2
A2.9-2	Bảng tính

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
	- (.csv): Định dạng Comma eparated Variable/Delimited (.csv): Dành cho các bảng tính cần trao đổi giữa các ứng dụng khác nhau. - (.xlsx): Định dạng bảng tính Excel mở rộng của Microsoft (.xlsx) - (.xls): Định dạng bảng tính Excel của Microsoft (.xls)v (.ods) v1.2: Định dạng Open Document Spreadsheets (.ods) phiên bản 1.2
A2.9-3	Trình diễn - (.htm): Định dạng Hypertext Document (.htm): cho các trình bày được trao đổi thông qua các loại trình duyệt khác nhau (.pdf): Định dạng Portable Document (.pdf): cho các trình bày lưu dưới dạng chỉ đọc
A2.9-4	Ảnh đồ họa - JPEG: Joint Photographic Expert Group (.jpg) - GIF v89a: Graphic Interchange (.gif) version 89a - TIFF: Tag Image File (.tif) - PNG: Portable Network Graphics (.png)
A2.9-5	Ảnh gắn với tọa độ địa lý GEO TIFF: Tagged Image File Format for GIS applications
A2.9-6	Phim ảnh, âm thanh - MPEG-4: Moving Picture Experts Group-4 - MP3: MPEG-1 Audio Layer 3 - AAC: Advanced Audio Coding
A2.9-7	Hoạt họa GIF v89a: Graphic Interchange (.gif) version 89a
A2.9-8	Chuẩn nội dung cho thiết bị di động WML v2.0: Wireless Markup Language version 2.0
A2.9-9	Bộ ký tự và mã hóa ASCII: American Standard Code for Information Interchange
A2.9-10	Bộ ký tự và mã hóa cho tiếng Việt TCVN 6909:2001: TCVN 6909:2001 “Công nghệ thông tin - Bộ mã ký tự tiếng Việt 16-bit”
A2.9-11	Nén dữ liệu Zip: Zip (.zip)
A2.10	Tuân thủ các quy định về chuẩn nội dung web theo Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
A2.10-1	Chuẩn nội dung Web HTML v4.01: Hypertext Markup Language version 4.01
A2.10-2	Chuẩn nội dung Web mở rộng XHTML v1.1: Extensible Hypertext Markup Language version 1.1
A2.11	Yêu cầu về khả năng kết nối

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
A2.11-1	Đảm bảo khả năng kết nối với Trục truyền tin (ESB) để truyền/nhận thông tin với các ứng dụng xử lý tác nghiệp và ứng dụng Cổng thông tin phục vụ trao đổi và kết nối với các đơn vị, tổ chức bên ngoài (T2B).
A2. 11-2	Chuẩn kết nối ứng dụng cổng thông tin điện tử - JSR 168: Java Specification Requests 168 (Portlet Specification) - JSR286: Java Specification Requests 286 (Portlet Specification) WSRP v1.0: Web Services for Remote Portlets version 1.0
A2.11-3	Trang thông tin điện tử đáp ứng quy định về kết nối phục vụ công tác giám sát, đo lường, đánh giá tại chương III, Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT

4. Yêu cầu về triển khai, bảo hành

Mã tham chiếu	Mô tả xử lý
A3	Yêu cầu về triển khai
A3.1	Phạm vi và hình thức triển khai: - Phạm vi triển khai: Triển khai ứng dụng cho Cục Thuế (môi trường DC, DRC). - Hình thức triển khai: Triển khai trực tiếp tập trung tại Cục Thuế.
A3.2	Chuẩn bị triển khai: - Xây dựng Tài liệu giải pháp triển khai, quy trình triển khai (ứng dụng, cơ sở dữ liệu, an toàn thông tin, hạ tầng kỹ thuật). - Xây dựng gói cài đặt và tài liệu thông số cấu hình (ứng dụng, cơ sở dữ liệu, an toàn thông tin, hạ tầng kỹ thuật). - Kiểm thử và hoàn thiện gói cài đặt (ứng dụng, cơ sở dữ liệu, an toàn thông tin, hạ tầng kỹ thuật).
A3.3	Thực hiện triển khai: - Cài đặt ứng dụng. - Cài đặt cơ sở dữ liệu. - Cài đặt hoặc cấu hình thông số an toàn thông tin. - Cài đặt hoặc cấu hình thông số hạ tầng kỹ thuật. - Kiểm tra tích hợp với các hệ thống liên quan.
A3.4	Yêu cầu về hỗ trợ sau triển khai: Nhà thầu cung cấp dịch vụ hỗ trợ sau triển khai cụ thể như sau: - Quản trị, vận hành ứng dụng: + Quản trị, vận hành hệ thống. + Quản trị, vận hành hệ thống CSDL.

Mã tham chiếu	Mô tả xử lý
	- Quản trị hoạt động người sử dụng ứng dụng; - Kiểm soát đối soát dữ liệu; - Tiếp nhận, kiểm tra và hỗ trợ khai thác chức năng trên ứng dụng; - Lập báo cáo, tài liệu hoặc quy trình hướng dẫn thường gặp; - Lập tài liệu quản trị ứng dụng; - Cung cấp 02 nhân sự hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm trong vòng 01 tháng sau khi triển khai và hoàn thành trước khi nghiệm thu bàn giao.
A4	Yêu cầu về bảo hành
A4.1	Bảo hành trong vòng 12 tháng (đối với các chức năng đã triển khai) kể từ ngày ký Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm, hạng mục của hợp đồng.

5. Các yêu cầu khác

Mã tham chiếu	Mô tả xử lý
A5	Yêu cầu về quản lý chất lượng
A5.1	- Nhà thầu phải đảm bảo chất lượng ứng dụng và cung cấp Báo cáo kết quả kiểm thử ứng dụng trước khi bàn giao cho Chủ đầu tư phục vụ nghiệm thu kiểm thử mức người dùng hoặc vận hành thử. - Nhà thầu chuẩn bị máy trạm phục vụ kiểm thử, vận hành thử.
A6	Yêu cầu về tài liệu, sản phẩm bàn giao
A6.1	Nhà thầu bàn giao toàn bộ sản phẩm, tài liệu cho Chủ đầu tư theo kế hoạch hai bên đã thống nhất bao gồm: - Tài liệu phân tích yêu cầu nghiệp vụ. - Tài liệu thiết kế (bao gồm thiết kế chức năng, thiết kế kỹ thuật, thiết kế cơ sở dữ liệu, thiết kế an toàn thông tin, thiết kế hạ tầng kỹ thuật). - Tài liệu kịch bản kiểm thử (ứng dụng, cơ sở dữ liệu, an toàn thông tin, hạ tầng kỹ thuật). - Tài liệu giải pháp triển khai, quy trình triển khai (ứng dụng, cơ sở

Mã tham chiếu	Mô tả xử lý
	dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật). - Tài liệu thông số và cấu hình (ứng dụng, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật); - Gói cài đặt (ứng dụng, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật) và mã nguồn phần mềm. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng. - Tài liệu quản trị, vận hành ứng dụng, cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật. - Báo cáo kết quả kiểm thử ứng dụng của nhà thầu. Các thay đổi đã thực hiện và các nguyên nhân hoặc cơ sở thay đổi đều được lưu vết trong tài liệu.
A7	Yêu cầu về đào tạo
A7.1	Đào tạo, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng Nhà thầu thực hiện các lớp đào tạo sau: - Lớp 1: Đào tạo chuyển giao quản trị, vận hành hệ thống kỹ thuật Trang thông tin điện tử sau khi nâng cấp. + Hình thức: Đào tạo trực tiếp tại Cục Thuế + Đối tượng: Cán bộ quản trị, vận hành hệ thống + Thời gian: 01 ngày. - Lớp 2: Đào tạo quản trị nội dung, đăng tải thông tin, bài viết trên Trang thông tin điện tử sau khi nâng cấp. + Hình thức: Đào tạo trực tiếp tại Cục Thuế + Đối tượng: Cán bộ quản trị, vận hành hệ thống, cán bộ biên tập nội dung đăng tải Trang thông tin điện tử + Thời gian: 01 ngày. Đối với các lớp đào tạo, Nhà thầu thực hiện - Chuẩn bị tài liệu (bài giảng, hướng dẫn sử dụng) - Bố trí 01 giảng viên chính và 02 trợ giảng.

Mã tham chiếu	Mô tả xử lý
	- Xây dựng video/clip hướng dẫn sử dụng các chức năng quản trị nội dung cho cán bộ thuế và các chức năng khai thác thông tin cho người nộp thuế.

6. Yêu cầu về năng lực kinh nghiệm của nhân sự tham gia triển khai dịch vụ

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
B1	Tổng số nhân sự tham gia nâng cấp, mở rộng và triển khai ứng dụng: 16 nhân sự (<i>Nhà thầu cam kết cung cấp nhân sự tham gia gói thầu đáp ứng yêu cầu trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và kèm theo các tài liệu để chứng minh</i>) Trong đó: - Có 01 nhân sự quản trị hợp đồng - Có 13 nhân sự tham gia phân tích, thiết kế giao diện, thiết kế hệ thống, lập trình, kiểm thử, triển khai - Có 02 nhân sự tham gia hỗ trợ sau triển khai
B2	Quản trị hợp đồng: - Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành theo quy định về bằng cấp tại mục Ghi chú. - Có 05 năm (60 tháng) kinh nghiệm. - Kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương tự: Đã tham gia quản trị 01 dự án/hợp đồng phát triển hoặc nâng cấp hoặc triển khai phần mềm ứng dụng CNTT (chứng minh bằng hợp đồng hoặc các tài liệu tương đương)
B3	Nhân sự phân tích, thiết kế giao diện, thiết kế hệ thống, lập trình, kiểm thử, triển khai: - Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành theo quy định về bằng cấp tại mục Ghi chú. - Có trên 03 năm (trên 36 tháng) kinh nghiệm. - Trong đó, 01 trưởng nhóm có 04 năm (48 tháng) kinh nghiệm và có kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương tự là đã tham gia 01 dự án/hợp đồng ở vị trí phân tích hoặc thiết kế hệ thống hoặc lập trình hoặc kiểm thử phần mềm ứng dụng CNTT (chứng minh bằng hợp đồng hoặc các tài liệu tương đương).

Mã tham chiếu	Mô tả yêu cầu
B4	Nhân sự hỗ trợ sau triển khai: - Tốt nghiệp đại học một trong các chuyên ngành theo quy định về bằng cấp tại mục Ghi chú. - Có 01 năm (12 tháng) kinh nghiệm. - Trong đó, 01 trường nhóm có 02 năm (24 tháng) kinh nghiệm và có kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương tự là đã tham gia 01 dự án/hợp đồng ở vị trí triển khai phần mềm ứng dụng CNTT (chứng minh bằng hợp đồng hoặc các tài liệu tương đương).

Ghi chú:

- **Năm kinh nghiệm:** Là tổng số năm (1 năm = 12 tháng) nhân sự đã làm việc được tính từ ngày tốt nghiệp Đại học đến ngày nhà thầu gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng

- **Quy định về bằng cấp:**

+ Trên văn bằng tốt nghiệp thể hiện nhân sự có trình độ cử nhân/kỹ sư hoặc tốt nghiệp đại học một trong các ngành/chuyên ngành sau: Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Tin học; Tin học ứng dụng; Công nghệ phần mềm; Kỹ thuật phần mềm; Máy tính; Trí tuệ nhân tạo; An toàn thông tin; An toàn không gian số; An ninh mạng; Kỹ thuật mạng; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Hệ thống nhúng thông minh và IoT; Điện tử; Viễn thông; Kỹ thuật điện tử viễn thông; Vô tuyến điện và thông tin liên lạc; Điện tử tin học; Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật cơ điện tử; Robot và hệ thống điều khiển thông minh; Robot và Trí tuệ nhân tạo; Kỹ thuật vi điện tử và Công nghệ nano; Chuyển đổi số; Toán tin; Toán tin ứng dụng; Toán ứng dụng; Khoa học dữ liệu; Khoa học tính toán; Hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin quản lý; Quản lý hệ thống thông tin; Sư phạm tin học; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Truyền thông và mạng máy tính; Công nghệ truyền thông; Truyền thông đa phương tiện; Xử lý thông tin truyền thông.

+ Trường hợp bằng cấp không thể hiện thông tin theo yêu cầu, nhà thầu cung cấp văn bản xác nhận của cơ sở đào tạo về việc ngành/chuyên ngành nêu tại văn bằng của nhân sự tương đương với một trong các ngành/chuyên ngành được liệt kê trên thì chủ đầu tư xem xét chấp thuận.

- **Kinh nghiệm làm việc ở vị trí tương tự:** Được chứng minh bằng các hợp đồng hoặc các tài liệu tương đương mà nhân sự tham gia đã hoàn thành tại vị trí làm việc tương tự tính đến trước ngày nhà thầu gửi công văn cử nhân sự tham gia thực hiện hợp đồng

D. Hiện trạng ứng dụng

I. Hiện trạng Trang thông tin điện tử ngành Thuế (Website)

1. Tên ứng dụng: Trang thông tin điện tử ngành Thuế

2. Tên tắt ứng dụng: Website**3. Phiên bản ứng dụng: 1.0****4. Nội dung ứng dụng:**

Trang thông tin điện tử ngành Thuế là hệ thống được Cục Thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các đơn vị Thuế Tỉnh/Thành phố nhằm đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền tới người nộp thuế, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ cung cấp ra internet nhiều loại thông tin từ hệ thống ứng dụng tác nghiệp của ngành Thuế.

- Hỗ trợ cung cấp chức năng tìm kiếm toàn văn bản/tin bài.

- Hỗ trợ quản lý việc công bố, tải xuống các file văn bản, dữ liệu, các gói nâng cấp phần mềm.

5. Các văn bản nghiệp vụ đáp ứng

- Quyết định số 748/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành quy trình công khai thông tin của Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán trên trang thông tin điện tử ngành Thuế;

- Quyết định số 751/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành quy trình cưỡng chế nợ thuế;

- Quyết định số 750/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình lựa chọn doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh và quy trình thanh toán, hoàn trả số tiền thuế đã ứng trước, tiền phí dịch vụ hoàn thuế của ngân hàng.

- Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

- Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 18/3/2014 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2014-2015;

- Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2016-2017, định hướng đến năm 2020;

- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/09/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

- Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế TNCN, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNCN

- Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế;

- Thông tư 51/2017/TT-BTC ngày 19/05/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 117/2012/TT-BTC ngày 19/07/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn hành nghề dịch vụ làm thủ tục về Thuế.

- Thông tư 87/2018/TT-BTC ngày 27/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về cường chế thi hành quyết định hành chính thuế.

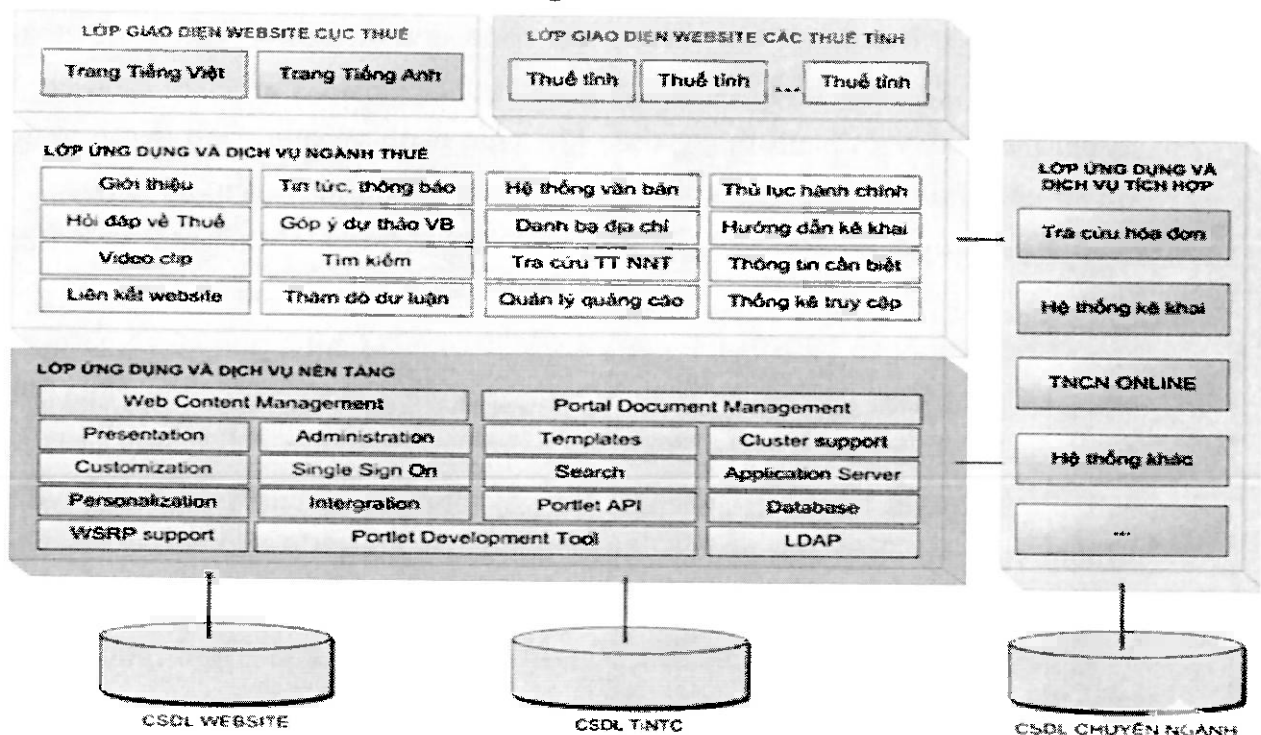
- Quyết định số 1043/QĐ-BTC ngày 05/06/2017 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục TTHC có thể thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích thuộc phạm vi chức năng quản lý của Nhà nước.

6. Môi trường phát triển:

- Công cụ lập trình: Java
- Hệ quản trị CSDL: Oracle Database 11g R2
- Công nghệ khác: Oracle Database Link, Websphere Application Server 8.5 (nay là HCL WebSphere/HCL edition)

7. Mô hình hệ thống:

7.1. Mô hình kiến trúc hệ thống



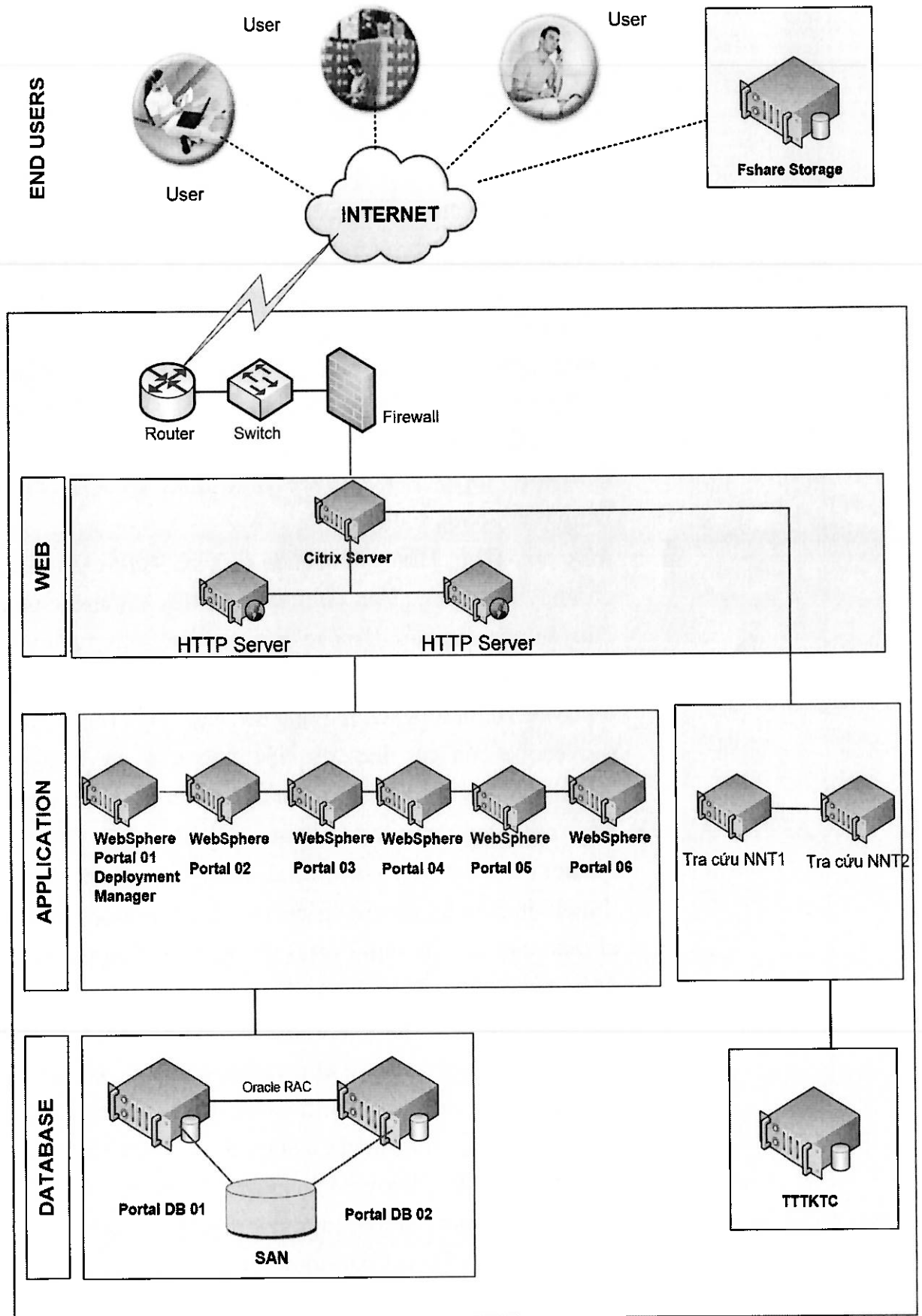
Lớp giao diện

Lớp giao diện là nơi tổ hợp và kết xuất dữ liệu tạo thành trang web để trả về trình duyệt web của người sử dụng. Đối với hệ thống website của ngành Thuế. Lớp giao diện được phân thành lớp giao diện của website ngành Thuế và lớp giao diện website của từng Thuế Tỉnh/Thành phố.

Lớp ứng dụng và dịch vụ ngành thuế	Lớp ứng dụng và dịch vụ ngành thuế được xây dựng và phát triển trên nền tảng Hệ thống quản trị nội dung Web Content Management của phần mềm lõi IBM WebSphere Portal (nay là HCL Web Content Manager). Các ứng dụng và dịch vụ này có nhiệm vụ tiếp nhận và xử lý các yêu cầu thông tin do mình đảm nhận, thực hiện kết nối, truy vấn dữ liệu thông qua phần mềm lõi đến hệ thống CSDL của website, và trả về kết quả xử lý cho người sử dụng thông qua lớp giao diện của website. Các ứng dụng ở đây có thể liệt kê gồm: tin tức, văn bản, hỏi đáp, thủ tục hành chính, video clip, danh bạ địa chỉ cơ quan thuế,...
Lớp ứng dụng và dịch nền tảng	Lớp ứng dụng nền tảng ở đây chính là phần mềm lõi IBM Websphere Portal (nay là HCL Portal). Nhiệm vụ của lớp ứng dụng và dịch vụ nền tảng là cung cấp một bộ khung ứng dụng vững chắc cho việc triển khai các ứng dụng, phát triển mở rộng các ứng dụng trong tương lai, cũng như là một nền tảng cho việc tích hợp, kết nối các ứng dụng khác. Lớp dịch vụ nền tảng cũng đồng thời cung cấp các chức năng quản trị hệ thống, các chức năng xác thực, quản trị người dùng,... cũng như các chức năng đảm bảo an ninh, an toàn bảo mật cho toàn hệ thống.
Cơ sở dữ liệu website và các cơ sở dữ liệu khác	Hệ thống cơ sở dữ liệu của website ngành Thuế được lưu trữ trên hệ thống lưu trữ tập trung SAN. Các hệ thống cơ sở dữ liệu khác được tích hợp lên website qua các chuẩn hay các ứng dụng tích hợp khác.
Các hệ thống được kết nối và tích hợp	Các hệ thống ứng dụng tích hợp tại server như Active Directory, Tra cứu thông tin người nộp thuế, các ứng dụng, website chuyên ngành Thuế được kết nối thông qua hệ website ngành Thuế.

7.2. Mô hình cơ sở dữ liệu:

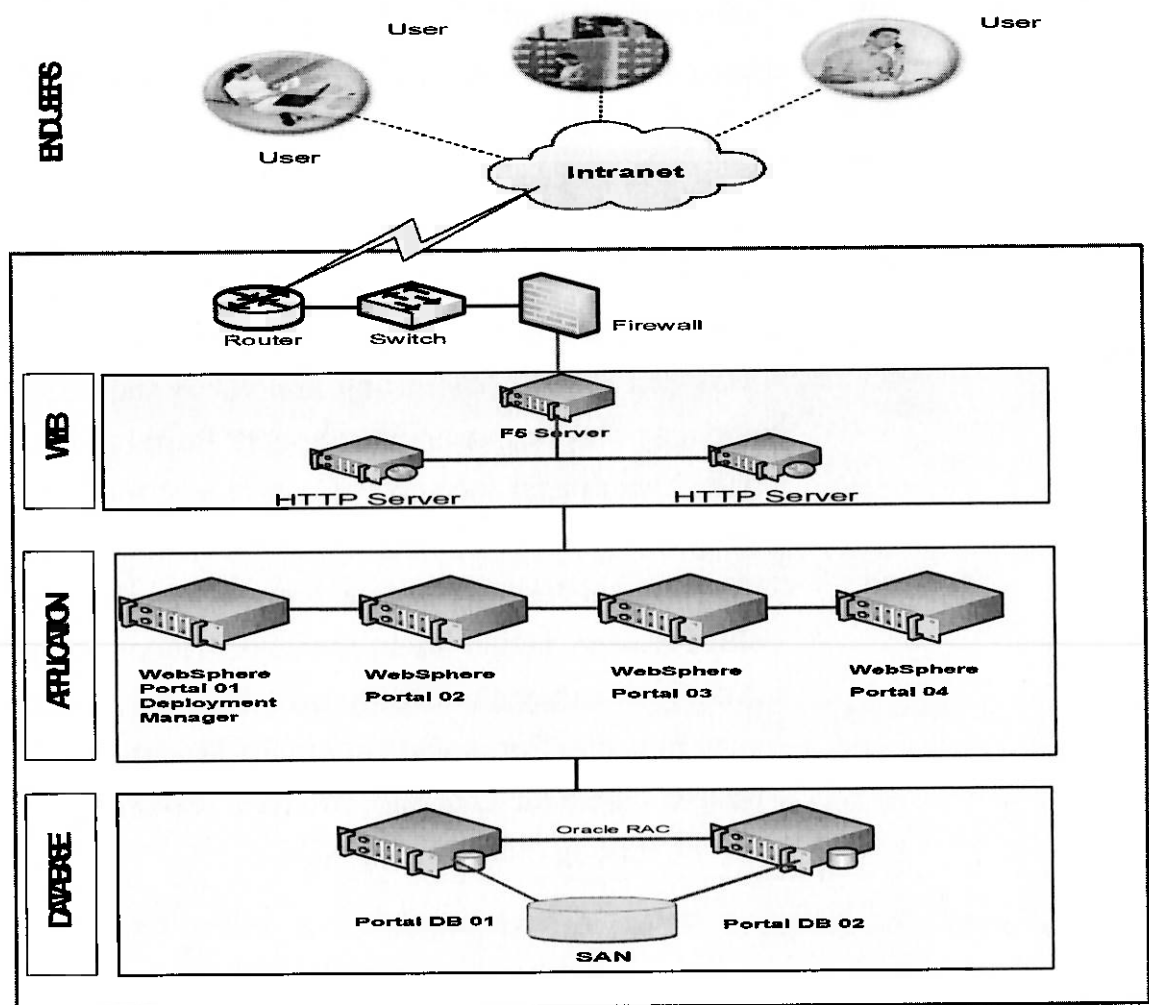
7.3.1. Mô hình triển khai Internet



LỚP HỆ THỐNG	MÔ TẢ
INTERNET	Lớp người sử dụng, khai thác trang thông tin điện tử ngành Thuế thông qua các trình duyệt web (Web Browser). Các đối tượng sử dụng chính gồm: các cá nhân, doanh nghiệp hay các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước truy cập vào hệ thống để khai thác, sử dụng thông tin và các dịch vụ của ngành Thuế.
WEB	WEB vùng gồm các thiết bị mạng, firewall, các máy chủ web là nơi tiếp nhận các yêu cầu gửi đến từ End User và các hệ thống liên quan. Các yêu cầu từ End-User chuyển đến sẽ được web server tiếp nhận và chuyển yêu cầu đến các máy chủ tại tầng APPLICATION. Các thành phần cụ thể: <i>Cân bằng tải (Load Balancer):</i> Sử dụng thiết bị cân bằng tải bằng phần cứng Citrix. <i>Máy chủ Web:</i> Hoạt động theo cơ chế Active-Active, 2 máy chủ này nằm trong khu vực DMZ để tiếp nhận các yêu cầu và chuyển các yêu cầu đến các máy chủ ứng dụng nằm ở lớp sau (phía sau tường lửa). Trong hệ thống này, 2 máy chủ web cũng đồng thời đảm nhận chức năng của các máy chủ cache proxies, giữ cache của các loại dữ liệu tĩnh như các trang HTML, XML, các file tài liệu, âm thanh, hình ảnh, video clip,...
APPLICATION	<i>Máy chủ Deployment Manager:</i> Máy chủ thiết lập và quản lý cluster cho các máy chủ Portal, máy chủ này đồng thời cũng thực hiện điều khiển việc triển khai các ứng dụng (portlet) mới cho tất cả các máy chủ Portal trong cluster do nó quản lý. <i>Máy chủ Portal:</i> Nằm trong khu vực mạng được bảo vệ. Lớp các máy chủ ứng dụng WebSphere Portal (HCL portal) được triển khai cluster theo cơ chế active-active để cùng xử lý song song các yêu cầu gửi đến từ users. Các máy chủ Portal được cấu hình cluster với nhau và được điều khiển, quản lý bởi máy chủ Network Deployment manager. Bằng cơ chế thiết lập và quản lý của máy chủ deployment manager, việc thêm hoặc bổ sung máy chủ Portal vào cluster này được thực hiện dễ dàng chỉ bằng các thao tác khai báo, cấu hình mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống hiện tại.
DATABASE	<i>Máy chủ CSDL Portal:</i> cài đặt cơ sở dữ liệu Oracle 11G Enterprise Edition, 2 máy chủ này được cấu hình theo cơ chế

LỚP HỆ THỐNG	MÔ TẢ
	Active – Active, kết nối SAN, cả hai máy chủ cùng phục vụ tại một thời điểm, trong trường hợp một trong hai máy chủ này gặp sự cố, hệ thống vẫn hoạt động bình thường với máy chủ còn lại trong thời gian chờ khắc phục máy chủ bị sự cố. <i>Máy chủ CSDL TTTKTC:</i> máy chủ lưu trữ cơ sở dữ liệu về mã số thuế cá nhân và mã số thuế doanh nghiệp phục vụ cho các ứng dụng tra cứu được phát triển và tích hợp trên website ngành Thuế. <i>Máy chủ Fstorage:</i> Máy chủ Fstorage của nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ file, cho phép người sử dụng tải về các tài liệu, phần mềm chuyên ngành được đăng tải lên website ngành Thuế.

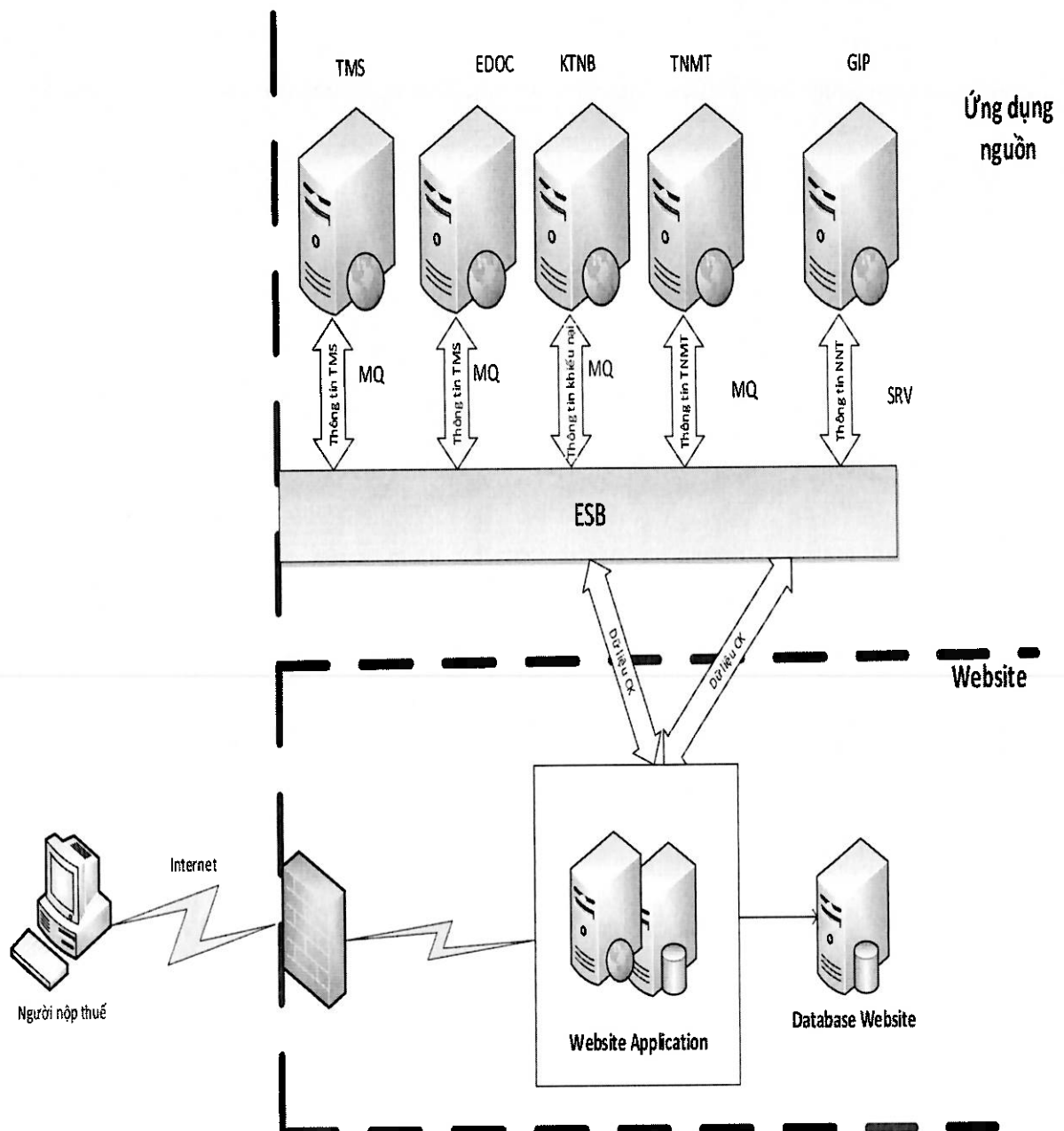
7.3.2. Mô hình triển khai Intranet



Lớp hệ thống	Mô tả
INTRANET	Lớp người sử dụng, khai thác trang thông tin điện tử ngành Thuế thông qua các trình duyệt web (Web Browser).
WEB	WEB vùng gồm các thiết bị mạng, firewall, các máy chủ web là nơi tiếp nhận các yêu cầu gửi đến từ End User và các hệ thống liên quan. Các yêu cầu từ End-User chuyển đến sẽ được web server tiếp nhận và chuyển yêu cầu đến các máy chủ tại tầng APPLICATION. Các thành phần cụ thể: <i>Cân bằng tải (Load Balancer):</i> Sử dụng thiết bị cân bằng tải bằng phần cứng Citrix. <i>Máy chủ Web:</i> Hoạt động theo cơ chế Active-Active, 2 máy chủ này nằm trong khu vực DMZ để tiếp nhận các yêu cầu và chuyển các yêu cầu đến các máy chủ ứng dụng nằm ở lớp sau (phía sau tường lửa). Trong hệ thống này, 2 máy chủ web cũng đồng thời đảm nhận chức năng của các máy chủ cache proxies, giữ cache của các loại dữ liệu tĩnh như các trang HTML, XML, các file tài liệu, âm thanh, hình ảnh, video clip,...
APPLICATION	<i>Máy chủ Deployment Manager:</i> Máy chủ thiết lập và quản lý cluster cho các máy chủ Portal, máy chủ này đồng thời cũng thực hiện điều khiển việc triển khai các ứng dụng (portlet) mới cho tất cả các máy chủ Portal trong cluster do nó quản lý. <i>Máy chủ Portal:</i> Nằm trong khu vực mạng được bảo vệ. Lớp các máy chủ ứng dụng WebSphere Portal (HCL portal) được triển khai cluster theo cơ chế active-active để cùng xử lý song song các yêu cầu gửi đến từ users. Các máy chủ Portal được cấu hình cluster với nhau và được điều khiển, quản lý bởi máy chủ Network Deployment manager. Bằng cơ chế thiết lập và quản lý của máy chủ deployment manager, việc thêm hoặc bổ sung máy chủ Portal vào cluster này được thực hiện dễ dàng chỉ bằng các thao tác khai báo, cấu hình mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống hiện tại.

DATABASE	<i>Máy chủ CSDL Portal:</i> cài đặt cơ sở dữ liệu Oracle 10G Enterprise Edition, 2 máy chủ này được cấu hình theo cơ chế Active – Active, kết nối SAN, cả hai máy chủ cùng phục vụ tại một thời điểm, trong trường hợp một trong hai máy chủ này gặp sự cố, hệ thống vẫn hoạt động bình thường với máy chủ còn lại trong thời gian chờ khắc phục máy chủ bị sự cố. <i>Máy chủ CSDL TTTKTC:</i> máy chủ lưu trữ cơ sở dữ liệu về mã số thuế cá nhân và mã số thuế doanh nghiệp phục vụ cho các ứng dụng tra cứu được phát triển và tích hợp trên website ngành Thuế.
----------	---

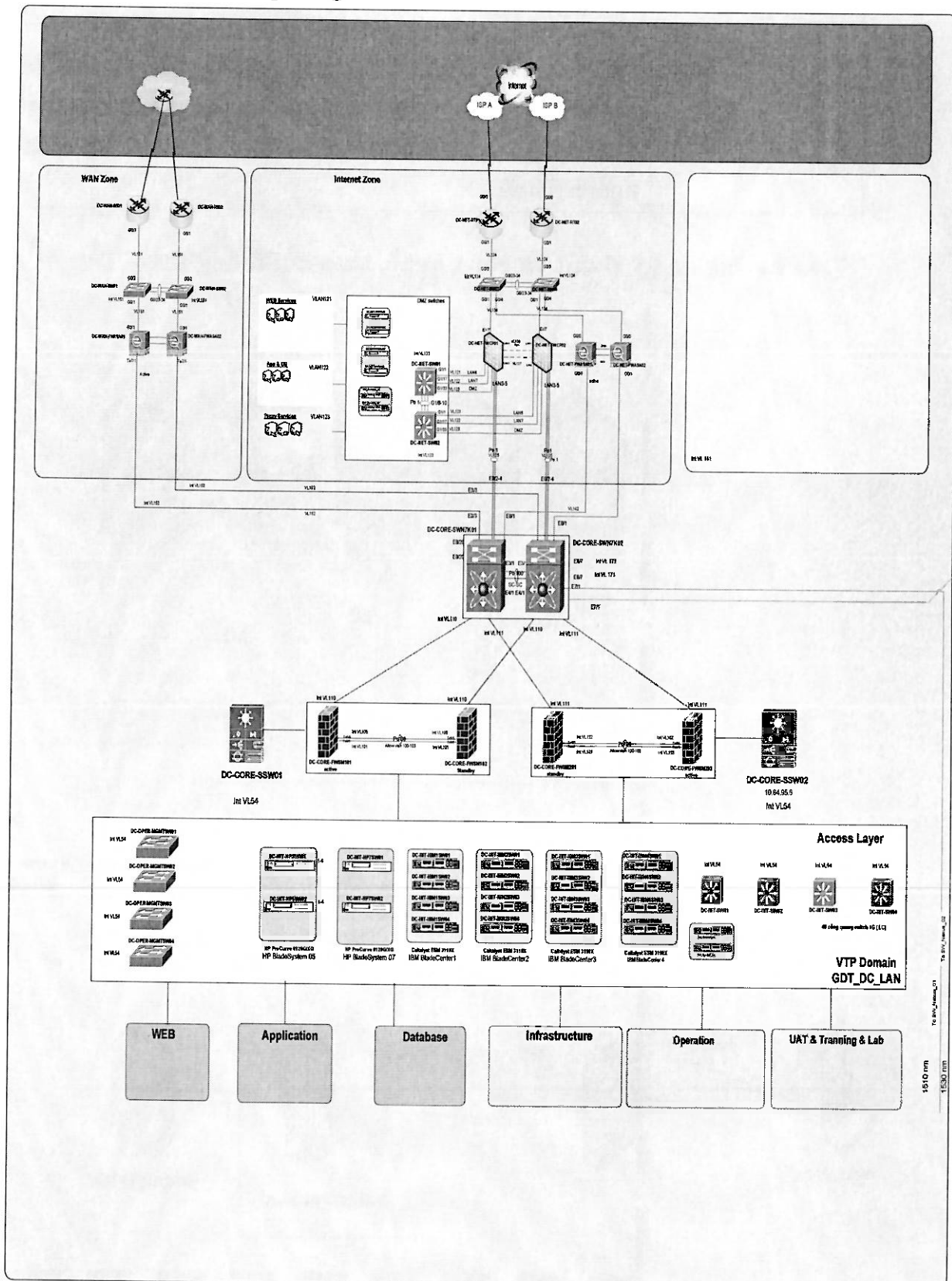
7.4. Phương án kỹ thuật và công nghệ, trao đổi thông tin



Hệ thống website trao đổi thông tin với các hệ thống như Quản lý thuế tập trung (TMS), Kiểm tra nội bộ (KTNB), Quản lý văn bản và điều hành (eDocTC), Quản lý trước bạ-Nhà đất (QLTB-NĐ).

8. Yêu cầu về bảo mật hệ thống Website

8.1. Mô hình mạng tổng thể



Mô hình mạng tổng thể tại DC

8.2. Các giải pháp bảo mật

Các giải pháp an ninh bảo mật triển khai tại Trung tâm dữ liệu:

- Tại Internet module:
 - + Sử dụng 02 thiết bị Check Point để kiểm soát truy cập và ngăn chặn các cuộc tấn công từ Internet và hệ thống;
 - + Sử dụng 01 thiết bị Cisco IronPort làm thiết bị bảo mật cho email chống thư rác và mã độc phát tán qua email;
 - + Microsoft TMG trên máy chủ để kiểm soát các nguy cơ mất an toàn từ truy cập web/mail và để quảng bá web mail (Microsoft Exchange);
 - + Sử dụng phần mềm TrendMicro IWSVA trên máy chủ để ngăn ngừa virus/mã độc hại xâm nhập qua web;
 - + Sử dụng 02 thiết bị Citrix (chạy HA với nhau) với chức năng LoadBalancing và WAF để bảo vệ cho ứng dụng: tracuuhoadon.gdt.gov.vn và ứng dụng: www.gdt.gov.vn;
 - + Sử dụng 01 cặp (02 thiết bị) F5 cung cấp tính năng LoadBalancing và ASM (Application Security Module) để bảo vệ cho ứng dụng kê khai Thuế, Nộp thuế điện tử, TNCN online;
 - + Sử dụng cặp Cisco làm VPN Gateway phục vụ kết nối quản trị cho các quản trị viên tại Cục Thuế;
 - + Remote Desktop Gateway sử dụng cho các cán bộ Cục Thuế và Thuế Tỉnh/Thành phố;
 - + Tại Extranet module (Partner module): sử dụng 02 thiết bị Juniper chạy HA để kiểm soát các kết nối từ bên ngoài vào hệ thống;
 - + Sử dụng 02 ip publish để trở tên miền ngoài vào:
 - kekhaithue.gdt.gov.vn, nhantokhai.gdt.gov.vn,
noptokhai.gdt.gov.vn được trở vào ip 103.9.200.56
 - van.gdt.gov.vn được trở vào ip publish 103.9.200.52
- Tại WAN module:
 - + Sử dụng 02 thiết bị Cisco (FW) tại DC để kiểm soát tại cổng kết nối mạng WAN, cho kết nối từ Cục, Chi cục và các đơn vị thuộc ngành Tài chính như BTC, KBNN, Hải Quan... tới DC;
- Tại Core module
 - + Sử dụng 04 Cisco Firewall Service Module và 02 Cisco ASA Service Module triển khai theo mô hình HA để kiểm soát các kết nối đến các vùng mạng máy chủ DC;
 - + Sử dụng 01 thiết bị Juniper IDP để theo dõi phát hiện xâm nhập trái

phép;

+ Sử dụng 01 cặp (02 thiết bị) F5 chạy LoadBalancing cho các máy chủ ứng dụng nội bộ;

+ Sử dụng phần mềm diệt virus/mã độc Trend Micro Office Scan Corporate Edition (OSCE) để bảo vệ cho các máy chủ và máy trạm trong trung tâm dữ liệu;

+ Sử dụng giải pháp tường lửa chuyên dụng cho CSDL IBM Guardium;

+ Sử dụng giải pháp an ninh cho nền tảng ảo hóa Deep Security của TrendMicro cho một số VMs;

+ Sử dụng giải pháp xác thực mạnh – OTP. Cho các cán bộ quản trị của Cục Thuế và Thuế Tỉnh/Thành phố (tính hợp với hệ thống Remote Desktop Gateway ở Internet Module);

- Tại Management Module:

+ Sử dụng giải pháp Cisco CSM để quản trị tập trung cho các Cisco Firewall Service Module, giải pháp Checkpoint SmartCenter để quản trị tập trung các thiết bị Firewall checkpoint ;

+ Sử dụng 10 thiết bị Juniper UAC, triển khai thành 05 cặp chạy HA để kiểm soát và gán quyền truy cập cho người dùng;

+ Sử dụng phần mềm TrendMicro TMCM để quản trị tập trung các giải pháp ngăn ngừa và chống virus, mã độc của hãng TrendMicro;

- Tại LAN Module (LAN Campus)

+ Sử dụng 02 thiết bị Juniper chạy HA để kiểm soát và bảo vệ cho toàn bộ người dùng;

+ Sử dụng Microsoft TMG làm tính năng proxy và lọc nội dung truy cập Internet;

+ Sử dụng phần mềm diệt virus/mã độc Trend Micro Office Scan bảo vệ các máy trạm;

9. Phạm vi triển khai:

Triển khai hệ thống công thông tin điện tử ngành Thuế trên phạm vi cả nước.

10. Các chức năng ứng dụng

STT	Tên chức năng
A	Danh sách các chức năng trang Cục thuế
1	Giới thiệu
1.1	Lịch sử phát triển
1.2	Tổ chức ngành Thuế
1.3	Địa chỉ cơ quan thuế
2	Tin tức

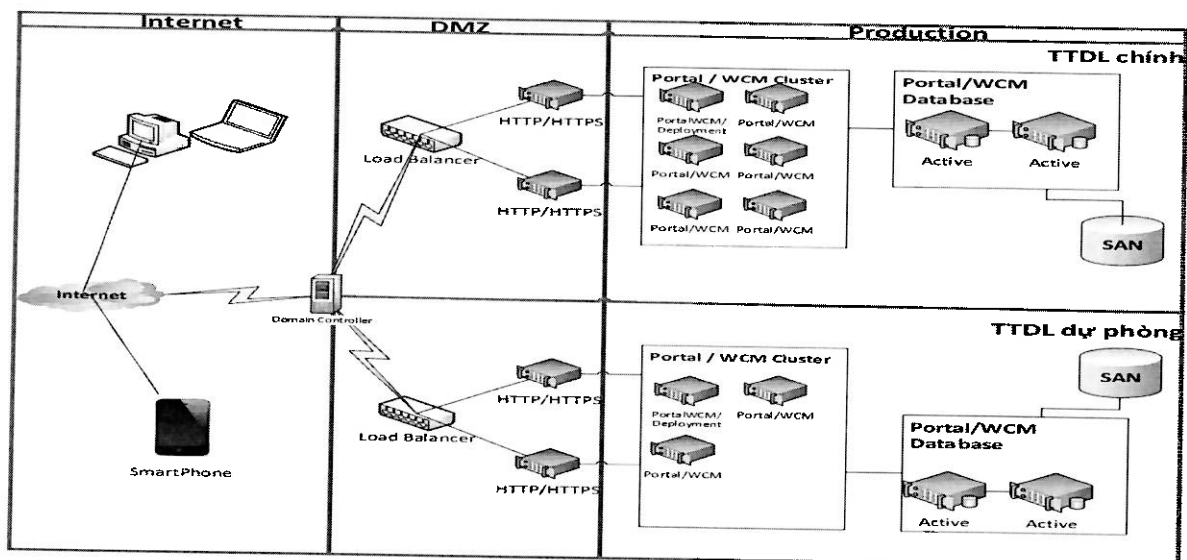
STT	Tên chức năng
2.1	Tin bài về thuế
2.2	Thông tin kinh tế
2.3	Tin từ bộ tài chính
2.4	Thông báo
3	Hệ thống văn bản
3.1	Văn bản pháp quy về thuế
3.2	Văn bản hướng dẫn về thuế
3.3	Văn bản khác
4	Hướng dẫn kê khai thuế
5	Thủ tục hành chính
5.1	Tra cứu CSDL Quốc gia về thủ tục hành chính
5.2	Tra cứu bộ thủ tục hành chính thuế hiện hành
5.3	Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị
6	Dịch vụ công
6.1	Công khai thông tin hộ kinh doanh nộp thuế khoán
6.2	Quyết định cưỡng chế về hóa đơn
6.3	Công khai thông tin văn bản
6.4	DS các DN bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài
7	Hỏi đáp về chính sách thuế mới
8	Quản lý hành nghề dịch vụ thuế
9	Quyết toán thuế TNCN
10	Phổ biến tuyên truyền pháp luật
11	Thuế Quốc tế
12	Lấy ý kiến góp ý cho dự thảo văn bản thuế
13	Tra cứu thông tin người nộp thuế
14	Kê khai thuế qua mạng
15	TNCN online
16	Giao lưu trực tuyến
17	Tìm kiếm toàn văn
18	Liên kết trang cấp Thuế Tỉnh/Thành phố
19	Thư viện ảnh
20	Tiện ích khác
20.1	Video clip
20.2	Banner quảng cáo
20.3	Đăng ký nhận bản tin về thuế

STT	Tên chức năng
20.4	Xuất bản tin theo chuẩn RSS
20.5	Liên kết website
20.6	Thống kê truy cập
20.7	Vấn bản mới trên trang chủ
20.8	Thông báo trên trang chủ
20.9	Đường dây nóng
20.10	Sitemap
21	Hệ thống hỗ trợ thủ tục thuế điện tử
B	Danh sách các chức năng trang Thuế Tỉnh/Thành phố
1	Giới thiệu
1.1	Lịch sử phát triển
1.2	Tổ chức ngành Thuế
1.3	Địa chỉ cơ quan thuế
2	Tin tức
2.1	Tin bài về thuế
2.2	Thông tin kinh tế
2.3	Tin từ bộ tài chính
2.4	Thông báo
3	Hệ thống văn bản
3.1	Văn bản pháp quy về thuế
3.2	Văn bản hướng dẫn về thuế
3.3	Văn bản khác
4	Hướng dẫn kê khai thuế
5	Thủ tục hành chính
5.1	Tra cứu CSDL Quốc gia về thủ tục hành chính
5.2	Tra cứu bộ thủ tục hành chính thuế hiện hành
5.3	Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị
6	Dịch vụ công
6.1	Công khai thông tin hộ kinh doanh nộp thuế khoán
6.2	Quyết định cưỡng chế về hóa đơn
6.3	Công khai thông tin văn bản
6.4	DS các DN bán hàng hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài
7	Hỏi đáp về Thuế
8	Quản lý hành nghề dịch vụ thuế
9	Quyết toán thuế TNCN

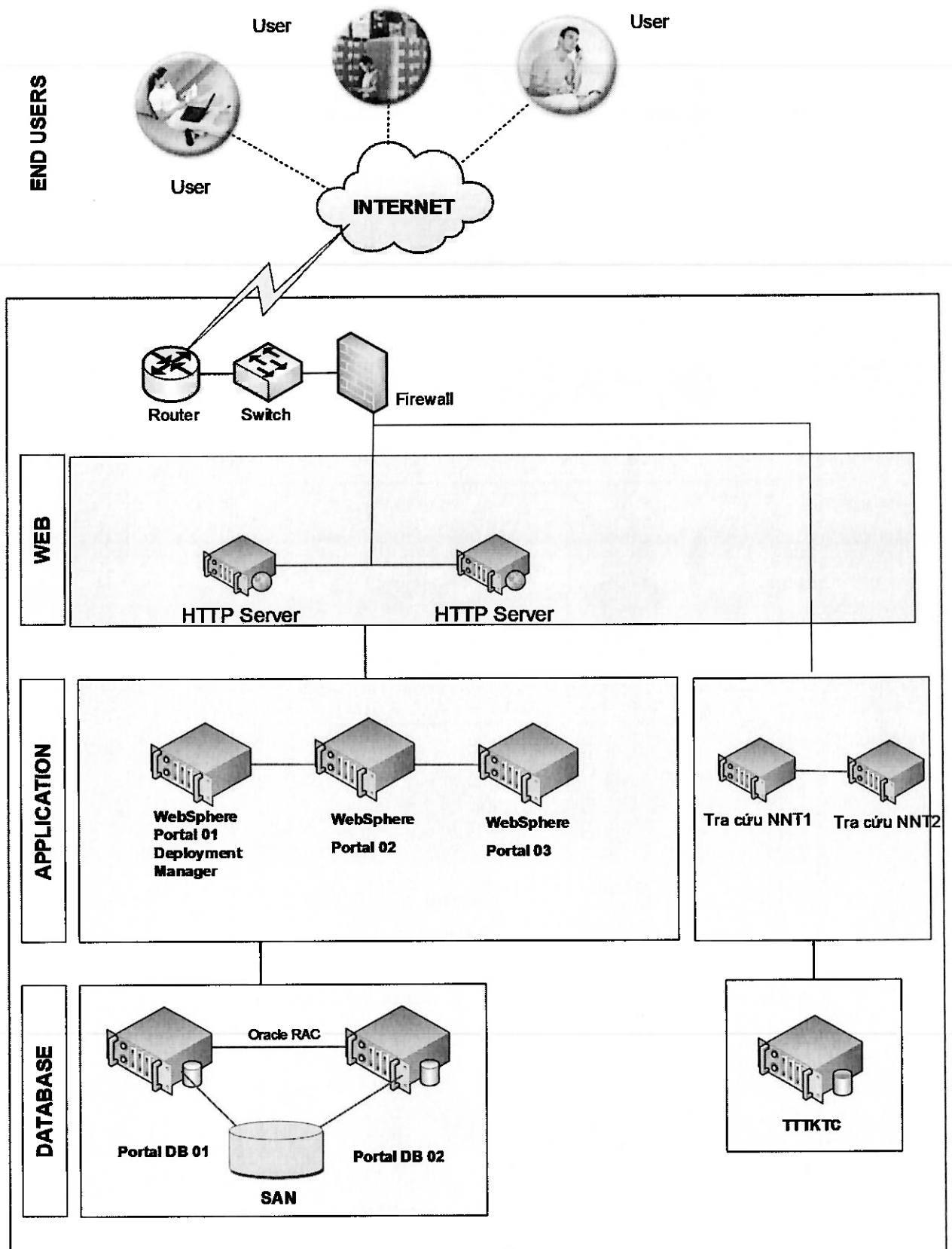
STT	Tên chức năng
10	Phổ biến tuyên truyền pháp luật
11	Thuế Quốc tế
12	Lấy ý kiến góp ý cho dự thảo văn bản thuế
13	Tra cứu thông tin người nộp thuế
14	Kê khai thuế qua mạng
15	TNCN online
16	Giao lưu trực tuyến
17	Tìm kiếm toàn văn
18	Liên kết trang cấp Thuế tỉnh/TP
19	Tra cứu thông tin hóa đơn
20	Lịch làm việc của lãnh đạo
21	Thông tin cần biết
22	Thư viện ảnh
23	Tiện ích khác
23.1	Video clip
23.2	Banner quảng cáo
23.3	Đăng ký nhận bản tin về thuế
23.4	Xuất bản tin theo chuẩn RSS
23.5	Liên kết website
23.6	Thống kê truy cập
23.7	Văn bản mới trên trang chủ
23.8	Thông báo trên trang chủ
23.9	Đường dây nóng
23.10	Sitemap

11. Hệ thống dự phòng (DRC)

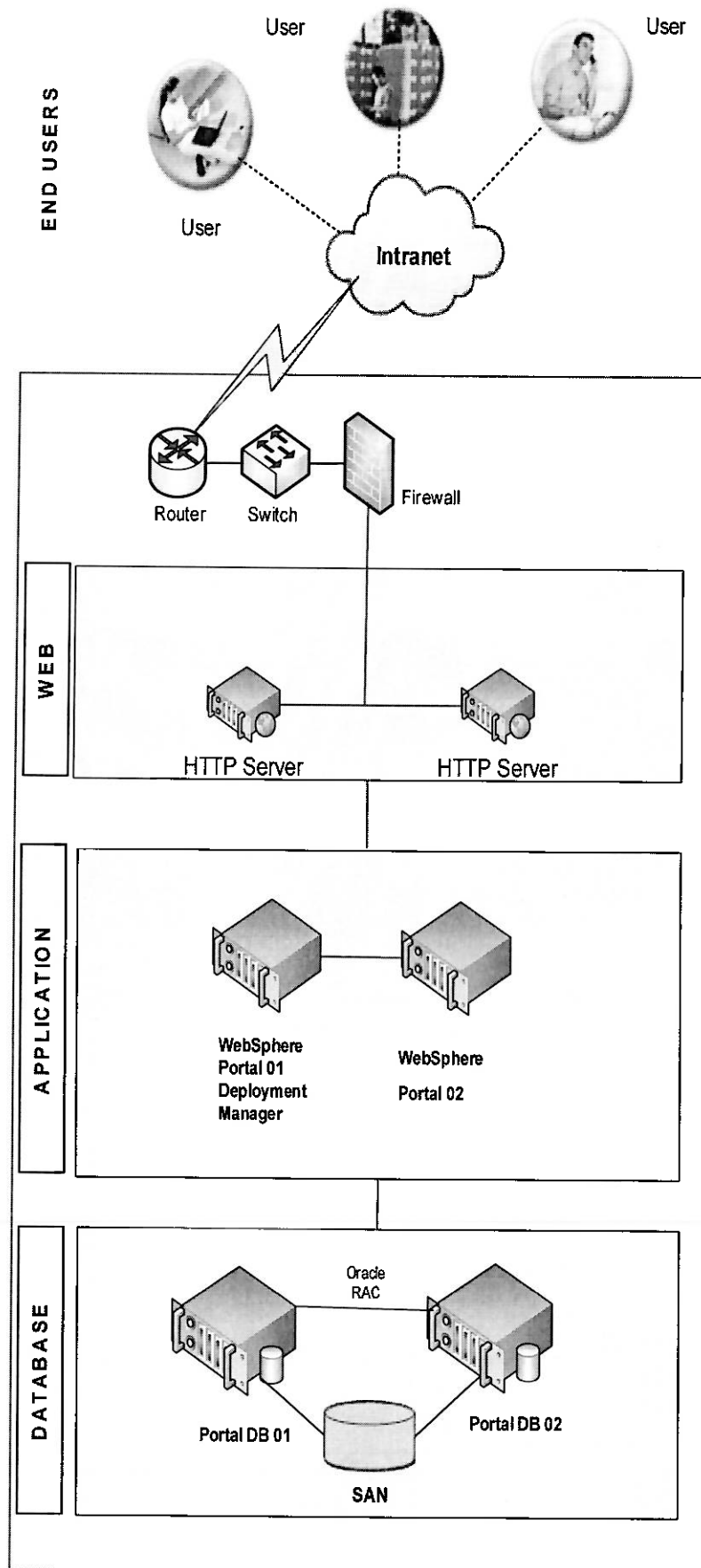
- Mô hình tổng thể



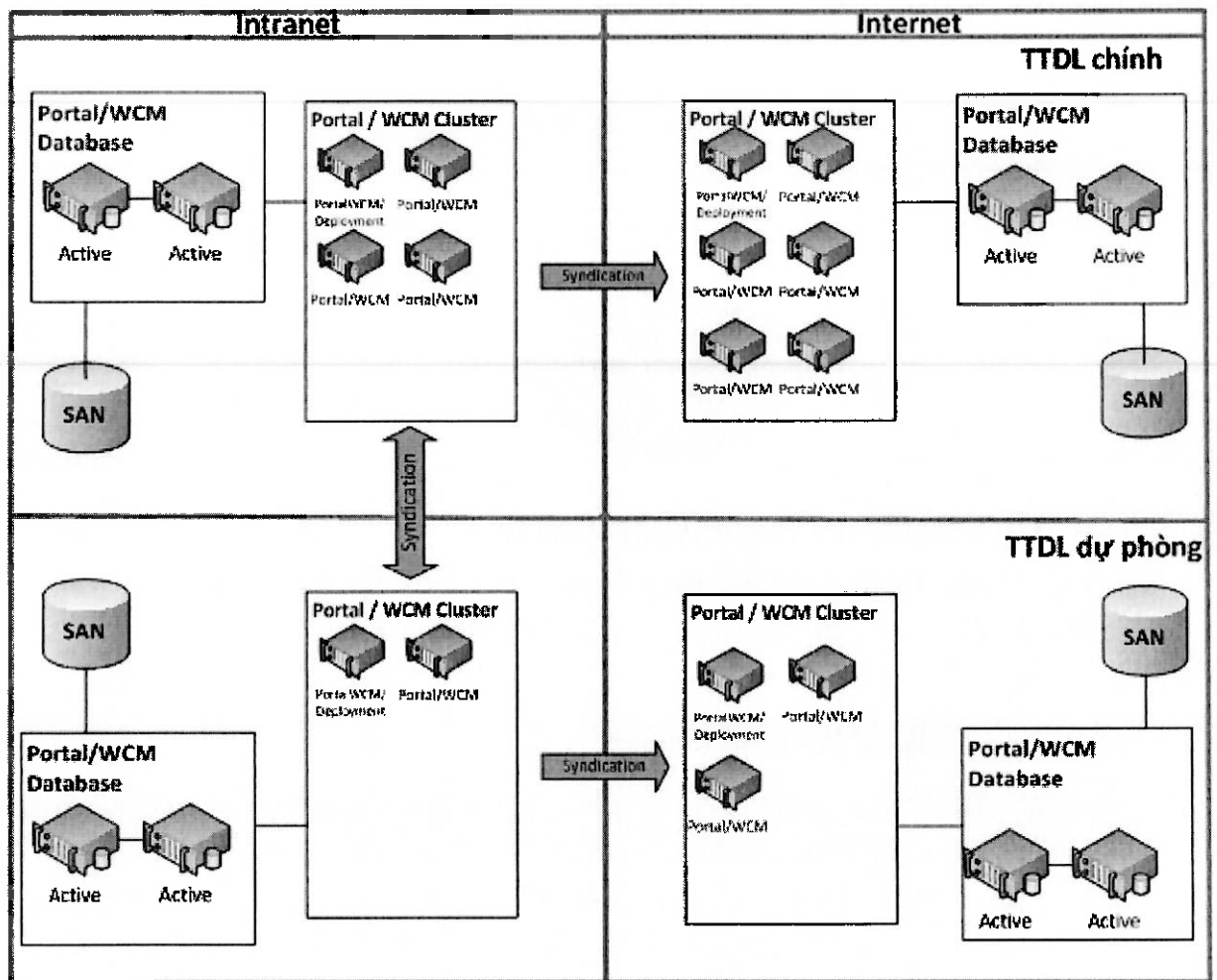
- Mô hình Internet



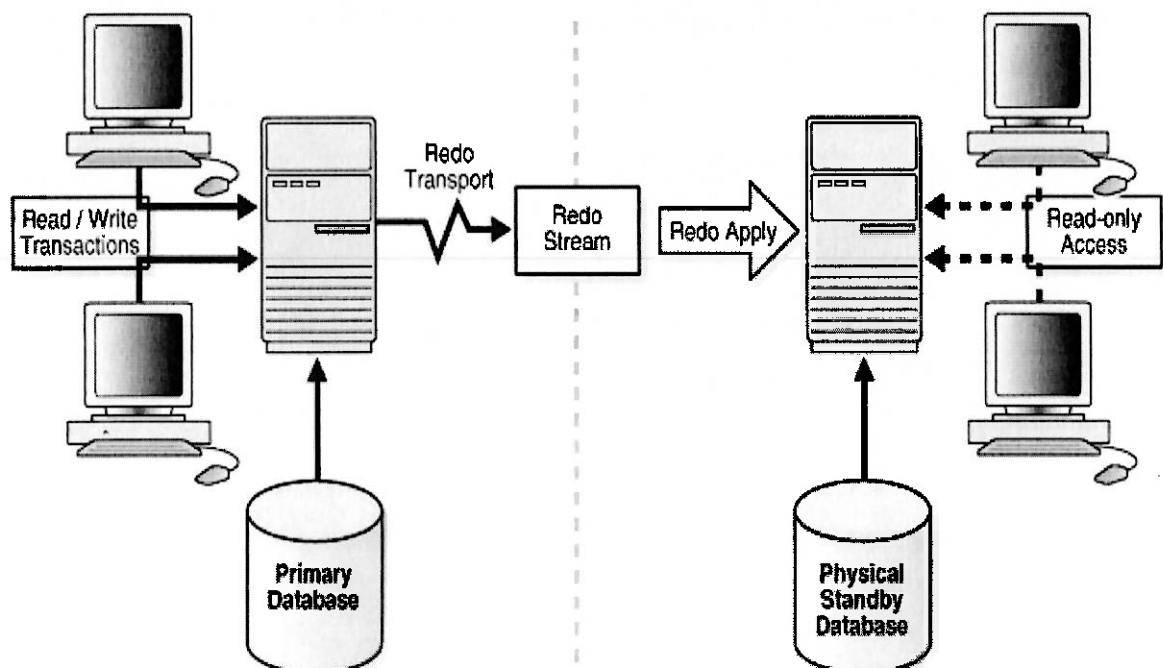
- Mô hình intranet



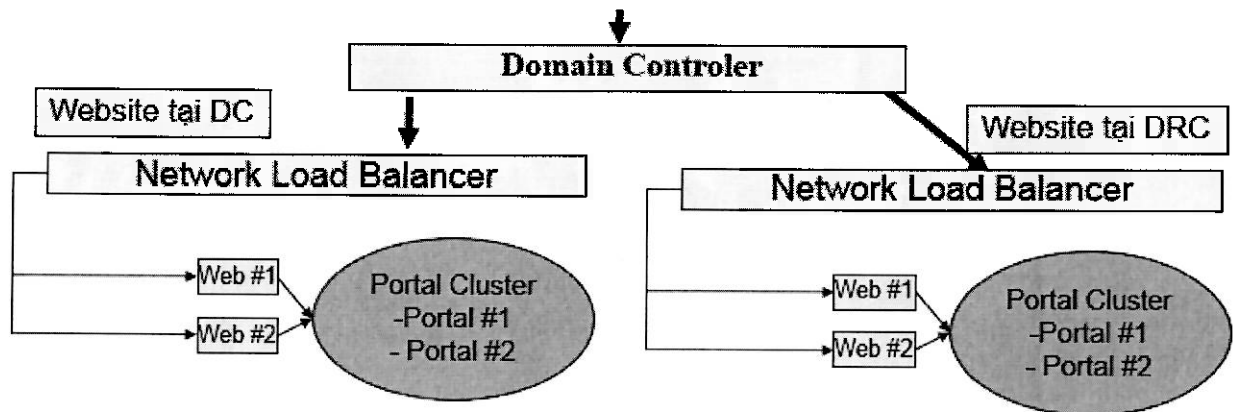
- Mô hình đồng bộ dữ liệu tin bài



- Mô hình đồng bộ dữ liệu trao đổi thông tin với các ứng dụng khác: Sử dụng Dataguard.



- Mô hình chuyển đổi giữa DC và DRC

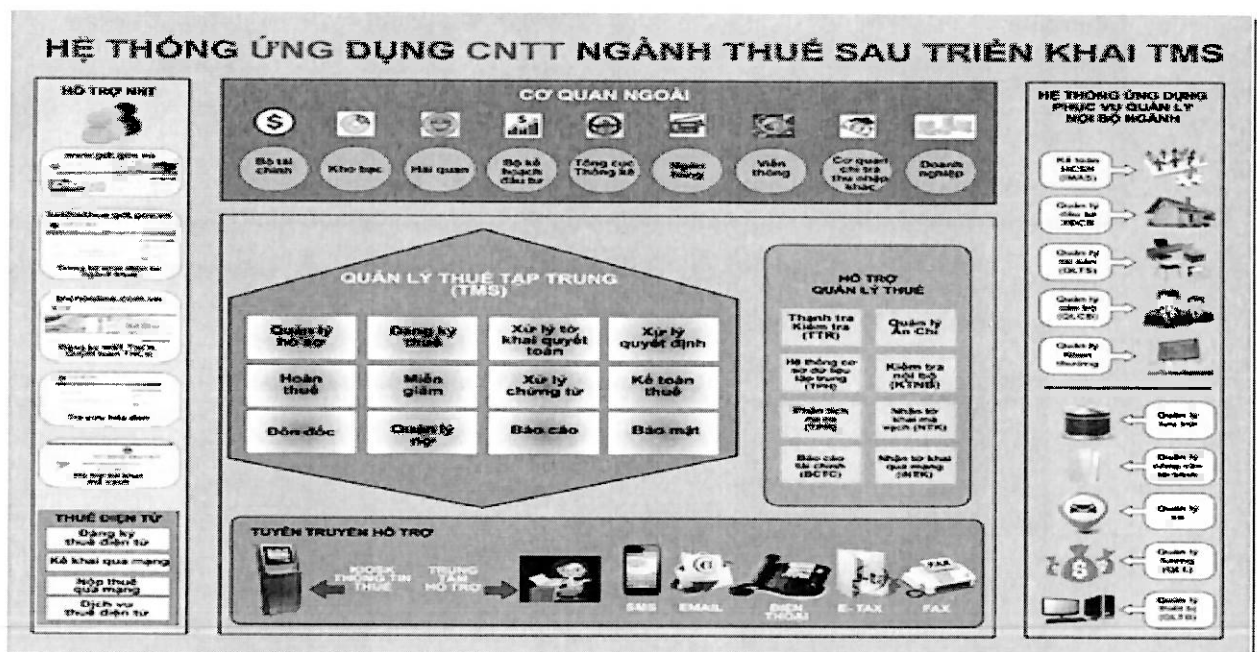


II. Hiện trạng các ứng dụng liên quan

II.1 Hiện trạng tổng thể ứng dụng CNTT hệ thống Thuế

II.1.1 Mô hình tổng thể ứng dụng CNTT hệ thống Thuế

Hệ thống phần mềm ứng dụng hệ thống Thuế được chia thành 4 hệ thống phần mềm ứng dụng chính như sau:



Mô hình hệ thống ứng dụng hệ thống Thuế

II.1.2 Hệ thống các ứng dụng hệ thống Thuế

Hiện tại, Cục Thuế đã phối hợp với Bộ Tài chính để triển khai một loạt các ứng dụng dùng chung trong ngành Tài chính do Bộ Tài chính chủ trì và xây dựng như: Hệ thống Quản lý công văn, tờ trình (eDoc); Ứng dụng Kế toán hành chính sự nghiệp (IMAS); Ứng dụng Quản lý cán bộ (QLCB); Ứng dụng Quản lý tài sản (QLTS);...

Việc triển khai các phần mềm dùng chung về cơ bản đã mang lại lợi ích về tiết kiệm kinh phí đầu tư chung, tuy nhiên về tính hiệu quả trong sử dụng vẫn còn

nhiều khó khăn cần tháo gỡ.

Thống nhất được quy trình quản lý, trình duyệt, xử lý và phát hành văn bản, thiết lập hồ sơ công việc theo văn bản trong nội bộ cơ quan Thuế và Bộ Tài chính. Từng bước tiến tới mục tiêu quản lý văn bản và điều hành 100% trên mạng.

Để hỗ trợ công tác kiểm tra nội bộ ngành Thuế, Cục thuế đã phát triển và triển khai phần mềm ứng dụng tập trung tại Cục hỗ trợ Bộ phận Kiểm tra nội bộ cả 3 cấp thực hiện quy trình Tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo và quy trình Kiểm tra nội bộ; bước đầu ứng dụng CNTT vào phân tích rủi ro lập kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm.

Ngoài ra, Cục Thuế cũng đã xây dựng và triển khai ứng dụng đặc thù dành riêng cho ngành Thuế như: Hệ thống thư điện tử tập trung tại Cục Thuế, trong đó mỗi cán bộ nghiệp vụ được cấp 01 địa chỉ email duy nhất.

II.1.3 Hệ thống ứng dụng trao đổi thông tin với bên ngoài

Để đáp ứng mục tiêu cung cấp thông tin chủ yếu cho hệ thống kho cơ sở dữ liệu thống nhất của ngành Tài chính, đáp ứng việc kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu trong khối các cơ quan Quản lý Nhà nước, Cục Thuế đã xây dựng hệ thống tích hợp truyền tin (ESB), Cổng thông tin phục vụ trao đổi và kết nối với các đơn vị, tổ chức bên ngoài (T2B), có nhiệm vụ kết nối và truyền nhận thông tin với các hệ thống trong nội bộ ngành Thuế cũng như tích hợp thông tin liên quan với các Bộ, ngành: Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục Hải quan, Ngân hàng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- Trao đổi thông tin với Cục Hải quan (trao đổi cấp Cục Thuế).
- Trao đổi thông tin với Kho bạc Nhà nước về thu nộp thuế (trao đổi cấp cục, Cục Thuế).
- Trao đổi thông tin với Cục Thống kê (trao đổi cấp Cục).
- Trao đổi thông tin với Bộ Tài chính về hợp nhất thông tin đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.
- Trao đổi thông tin với cơ quan Tài nguyên môi trường.
- Trao đổi thông tin với Ngân hàng nhằm cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho NNT, tạo thuận lợi tối đa cho NNT

Tất cả các ứng dụng đều chạy trên mạng cục bộ của ngành Thuế (trừ ứng dụng Hỗ trợ kê khai thuế - HTKK phát miễn phí cho doanh nghiệp và các trang Web trên Internet của ngành Thuế).

Các ứng dụng có mối liên kết chặt chẽ với nhau về dữ liệu và quy trình nghiệp vụ, do vậy để triển khai ứng dụng phục vụ công tác quản lý thuế có hiệu quả, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận trong cơ quan thuế.

II.1.4 Hệ thống ứng dụng phục vụ công tác quản lý thuế (đây là hệ thống ứng dụng lõi của hệ thống Thuế)

Hệ thống CNTT ngành Thuế đã có những bước chuyển đổi, nâng cấp và xây dựng mới các ứng dụng phục vụ các quy trình nghiệp vụ thay đổi và quy trình nghiệp vụ mới liên quan tới công tác quản lý thuế. Các hệ thống ứng dụng CNTT đã có khả năng đáp ứng tự động hóa 95% nhu cầu xử lý thông tin quản lý thuế, 100% các chức năng quản lý thuế cải cách được ứng dụng CNTT; Cung cấp dịch vụ kê khai thuế điện tử đạt trên 95% doanh nghiệp, nộp thuế điện tử đạt tối thiểu 90% doanh nghiệp đang hoạt động. Ngành Thuế đã tập trung toàn bộ hệ thống quản trị người dùng các Thuế cơ sở lớn về Cục Thuế; đồng thời đã nâng cấp hệ thống quản lý thuế tập trung TMS hỗ trợ quản lý thuế cho mọi quy trình nghiệp vụ của ngành thuế;

Các ứng dụng quản lý thuế được xây dựng theo chính sách thuế, theo Luật Quản lý thuế, theo các quy trình nghiệp vụ để phục vụ công tác quản lý thuế.

II.1.5 Hệ thống ứng dụng hỗ trợ người nộp thuế

Ngành Thuế đã triển khai mở rộng hệ thống dịch vụ thuế trên mạng như: mở rộng hệ thống gửi tờ khai qua mạng (tiếp nhận cả tờ khai được khai offline), kê khai trực tuyến (online); xây dựng Cổng điện tử trao đổi thông tin về thuế với các Ngân hàng để thực hiện nộp thuế qua mạng (hiện tại đã thực hiện ký kết thỏa thuận hợp tác triển khai dịch vụ với 57 ngân hàng thương mại); kết hợp với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông để triển khai hệ thống hỗ trợ nhắn tin qua điện thoại (SMS); Cổng thông tin điện tử ngành Thuế (Website): website của Cục Thuế, website tra cứu hóa đơn, website tra cứu thông tin NNT và người phụ thuộc, website công khai thông tin NNT, website hỗ trợ đăng ký thuế và thu thập dữ liệu quyết toán thuế TNCN.

II.2 Hiện trạng các ứng dụng liên quan

II.2.1 Hệ thống AD ngành Thuế:

- Hệ thống AD là thành phần của hệ thống thông tin quản lý hành chính nhà nước của Cục Thuế. Hệ thống AD có khả năng quản trị tập trung người dùng (cán bộ thuế, người nộp thuế) cũng như các nguồn tài nguyên trong hệ thống mạng. Hệ thống AD cung cấp xác thực cho cán bộ thuế (CBT) và người nộp thuế (NNT). Hệ thống AD cho NNT, CBT, hóa đơn điện tử có tên miền là gdt.vn ,

tct.vn và tax.vn

- Hệ thống AD có quy mô phục vụ CBT và NNT:
 - + Hệ thống AD CBT: Quản lý hơn 40.000 người sử dụng tại Cục Thuế, Thuế Tỉnh/Thành phố và Thuế cơ sở cả nước.
 - + Hệ thống AD NNT: Quản lý hơn 1.000.000 tài khoản của NNT.
 - + Hệ thống AD HNĐT: Quản lý hơn 1.000.000 tài khoản của NNT.
- Forest tct.vn (AD_CBT): Forest TCT.VN bao gồm các domain: tct.vn, vp.tct.vn, hcm.tct.vn, han.tct.vn, mn.tct.vn, mb.tct.vn. Trong đó, domain tct.vn đóng vai trò là root domain. Các domain vp.tct.vn, hcm.tct.vn, han.tct.vn, mn.tct.vn, mb.tct.vn còn lại là các child domain.
- Forest gdt.vn (AD_NNT): Forest GDT bao gồm các domain gdt.vn và nnt.gdt.vn. Trong đó, domain gdt.vn đóng vai trò là domain root, domain nnt.gdt.vn là child domain.
- Forest Tax.vn (AD_HNĐT): Forest TAX bao gồm các domain tax.vn và tp.tax.vn. Trong đó domain tax.vn đóng vai trò là domain root. Domain tp.tax.vn là child domain.

II.2.2 Hệ thống trực tuyến tin ngành Thuế (trực tích hợp)

- + Trang thông tin điện tử ngành Thuế trao đổi dữ liệu với các hệ thống sau thông qua trực tích hợp: TMS, AD, GIP.
- + TMS: trao đổi dữ liệu cần công khai website như dữ liệu nợ thuế, cưỡng chế nợ, thông tin tạm hoãn xuất cảnh.

II.2.3 Hiện trạng ứng dụng Cổng trao đổi thông tin phục vụ trao đổi thông tin với các đơn vị, tổ chức bên ngoài (T2B)

- **Tên ứng dụng:** Cổng trao đổi thông tin phục vụ trao đổi thông tin với các đơn vị, tổ chức bên ngoài

- **Tên tắt ứng dụng:** T2B

Nội dung ứng dụng:

Hệ thống T2B đóng vai trò cổng tích hợp trao đổi thông tin giữa CQT và các đối tác bên ngoài. Mô hình bao gồm các thành phần sau:

- Các đối tác bên ngoài: Các đối tác trao đổi thông tin với Cục Thuế qua hệ thống T2B Gateway. Các đối tác kết nối trong giai đoạn hiện tại bao gồm: năm nhà T-VAN, một NHTM, Cục Hải Quan, Kho bạc nhà nước, Bộ Công An (Cục CSGT), TPS.

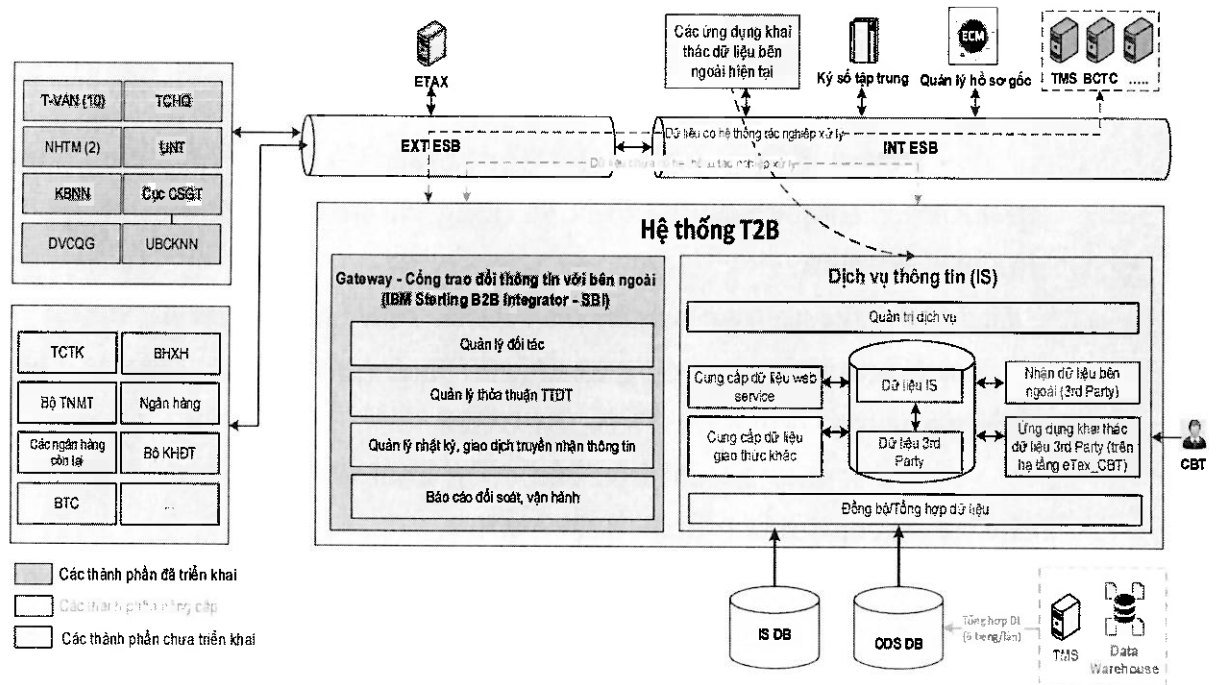
- Hệ thống trực tích hợp Enterprise Service Bus (ESB).

- Hệ thống trực tích hợp Enterprise Service Bus (ESB)

- Thiết bị phân tải Load Balancing Server.
- Các ứng dụng tác nghiệp bên trong Cục Thuế: ETAX, TMS.
- Hệ thống AD.
- Ứng dụng Ký điện tử tập trung: thực hiện việc xác thực chữ ký số trên dữ liệu gửi đến Cục Thuế và thực hiện việc ký điện tử lên những dữ liệu từ Cục Thuế gửi đi.
- Hệ thống cổng trao đổi thông tin với các đối tác bên ngoài ngành thuế (T2B Gateway).

Mô hình hệ thống

(1) Mô hình kiến trúc tổng thể ứng dụng



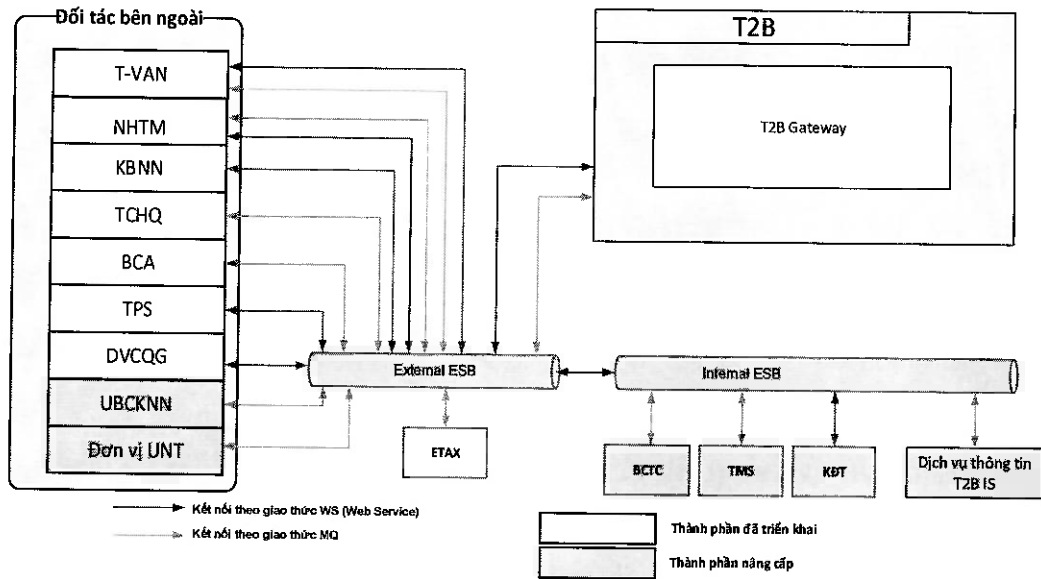
Kiến trúc tổng thể hệ thống T2B bao gồm các phần sau:

1. Đối tác trao đổi bên ngoài:
 - TVAN: Nhận tờ khai, giấy nộp tiền từ T-VAN và phản hồi lại trạng thái xử lý cho T-VAN qua trực tuyến tin (ESB)
 - NHTM: Trao đổi dữ liệu giấy nộp tiền, tờ khai đăng ký, dữ liệu nộp thuế tại quầy/eBanking, truy vấn thông tin đăng ký thuế
 - KBNN: Cung cấp dữ liệu thông tin đăng ký thuế, sổ thuế qua WS
 - DVCQG: Cung cấp dữ liệu thông tin đăng ký thuế, sổ thuế
 - TCHQ: Nhận dữ liệu tờ khai hải quan, danh sách doanh nghiệp xuất nhập khẩu, danh sách doanh nghiệp vi phạm.... Cung cấp thông tin đăng ký thuế

- Cục CSGT: Trao đổi dữ liệu hồ sơ lệ phí trước bạ
 - Các đối tác nâng cấp trao đổi: Bao gồm đơn vị UNT và UBCKNN
2. Các đối tác chưa trao đổi: Bao gồm các đối tác như TCTK, TNMT, BTC, BHXH...
3. Hệ thống T2B: Bao gồm 2 subsystem T2B_Gateway, Dịch vụ thông tin (IS)
- T2B_Gateway: Có nhiệm vụ quản lý thông tin đối tác, thỏa thuận trao đổi thông tin, quản lý truyền nhận dữ liệu với các đối tác bên ngoài và ứng dụng tác nghiệp bên trong ngành thuế.
 - Dịch vụ thông tin (IS): Có nhiệm vụ nhận dữ liệu từ bên ngoài, bóc tách và lưu trữ dữ liệu 3rd party (Dữ liệu chưa có ứng dụng tác nghiệp xử lý). Cung cấp dữ liệu cho các đối tác bên ngoài, ứng dụng khai thác dữ liệu trong TCT.
4. Ứng dụng tác nghiệp:
- ETAX: Ứng dụng tác nghiệp trao đổi dữ liệu với các đối tác bên ngoài như TVAN, NHTM, Cục CSGT qua ứng dụng T2B Gateway.
 - KĐTTT: Hệ thống T2B thực hiện gọi services của ứng dụng ký điện tử tập trung thực hiện xác thực chữ ký số trên dữ liệu nhận từ đối tác bên ngoài, thực hiện ký nhân danh TCT lên các dữ liệu truyền ra
 - TMS: Hệ thống quản lý thuế tập trung thực hiện trao đổi các dữ liệu với đơn vị UNT qua hệ thống T2B
 - BCTC: Ứng dụng báo cáo tài chính thực hiện trao đổi dữ liệu với UBCKNN qua hệ thống T2B.

(2) Mô hình trao đổi thông tin

T2B trao đổi dữ liệu với các ứng dụng trong và ngoài ngành thuế, được mô tả trong sơ đồ dưới đây:



Đánh giá và phân tích hiện trạng ứng dụng

Cổng trao đổi thông tin T2B là ứng dụng phục vụ việc truyền nhận dữ liệu trao đổi thông tin với các đơn vị, tổ chức bên ngoài ngành thuế. Hiện tại ứng dụng T2B đã một phần nào đáp ứng được nhu cầu truyền nhận dữ liệu của ngành thuế. Tuy nhiên, các nguồn dữ liệu cung cấp cho các đơn vị bên ngoài được đồng bộ từ nhiều ứng dụng khác nhau và dữ liệu nhận từ các đơn vị bên ngoài về mỗi loại dữ liệu nhận về một ứng dụng, không tập trung dẫn đến khó khăn trong việc khai thác dữ liệu.

Hệ thống phần mềm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu được xây dựng sẽ nhận dữ liệu từ các ứng dụng tác nghiệp và truyền sang ứng dụng T2B để cung cấp cho các đơn vị bên ngoài, cụ thể:

- Các loại dữ liệu danh mục: Danh mục tờ khai, Danh mục trạng thái mã số thuế, Danh mục loại hình doanh nghiệp;
- Thông tin đăng ký thuế;
- Dữ liệu tờ khai thuế;
- Các loại dữ liệu cần cung cấp cho Cục Hải quan, Ủy ban chứng khoán, Bảo hiểm xã hội theo các quy chế phối hợp;
- Các loại dữ liệu cần cung cấp cho Bộ Công thương theo thỏa thuận phối hợp công tác giữa Bộ Tài chính và Bộ Công thương số 01/TT-BTC-BCT ngày 31/03/2021;
- Các loại dữ liệu cần cung cấp cho Bộ Thông tin và truyền thông theo thỏa thuận phối hợp công tác giữa Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và truyền thông.

Hệ thống phần mềm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu được xây dựng sẽ

nhận các loại dữ liệu sau từ các đơn vị bên ngoài qua ứng dụng T2B phục vụ khai thác dữ liệu hoặc chia sẻ cho các ứng dụng tác nghiệp khác:

- Tài khoản thanh toán, giao dịch qua tài khoản của NNT;
- Các loại dữ liệu nhận về từ Cục Hải quan, Ủy ban chứng khoán, Bảo hiểm xã hội theo các quy chế phối hợp;
- Các loại dữ liệu nhận về từ Bộ Công thương theo thỏa thuận phối hợp công tác giữa Bộ Tài chính và Bộ Công thương số 01/TT-BTC-BCT ngày 31/03/2021;
- Các loại dữ liệu nhận về từ Bộ Thông tin và truyền thông theo thỏa thuận phối hợp công tác giữa Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và truyền thông;
- Các loại dữ liệu nhận về từ các sàn thương mại điện tử: Thông tin của người bán là tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ qua sàn giao dịch TMĐT, Thông tin chi tiết đơn hàng của người bán là tổ chức cung cấp hàng hóa dịch vụ qua sàn TMĐT, Thông tin của người bán là cá nhân cung cấp hàng hóa dịch vụ qua sàn TMĐT, Thông tin chi tiết đơn hàng của người bán là cá nhân cung cấp hàng hóa dịch vụ qua sàn TMĐT;
- Các loại dữ liệu nhận về từ Cục Thống kê.

II.2.4 Hiện trạng ứng dụng kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu (Datahub)

- Phiên bản ứng dụng: 1.0

Nội dung ứng dụng

Hệ thống Kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu ngành Thuế là hệ thống đáp ứng các yêu cầu về tập trung, xử lý, quản lý lưu trữ và là đầu mối chia sẻ dữ liệu của một số loại dữ liệu và danh mục cho hệ thống trong và ngoài ngành Thuế

Các nghiệp vụ ứng dụng đã đáp ứng

- + Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn, chứng từ
- + Thông tư số 18/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính quy định Hệ thống Danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực Tài chính
- + Thông tư số 105/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế
- + Thông tư số 18/2017/TT-BTC quy định hệ thống danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực tài chính
- + Thỏa thuận phối hợp số 01/TT-BTC-BCT ngày 31/03/2021 về việc thỏa thuận phối hợp công tác giữa Bộ Tài chính và Bộ Công thương
- + Quy chế phối hợp số 1999/QCPH-BHXX-TCT ngày 09/07/2021 giữa Tổng cục Thuế và Bảo hiểm xã hội về việc trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế

và cơ quan BHXH

+ Quy chế phối hợp ngày 16/08/2017 quy định về việc phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin giữa Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổng cục Thuế

+ Quy chế phối hợp số 2176A ngày 10/11/2015 giữa Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phối hợp công tác và trao đổi thông tin giữa Tổng cục Thuế và Tổng cục Thống kê

+ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 06/01/2022

+ Công văn số 91/THTK-TK về việc kết nối chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp Bộ Tài chính giai đoạn 1 ngày 01/02/2024

Môi trường phát triển

- Công nghệ sử dụng: framework Spint
- APP: Webphere application server 9
- Hệ quản trị cơ sở dữ liệu: Oracle 19C

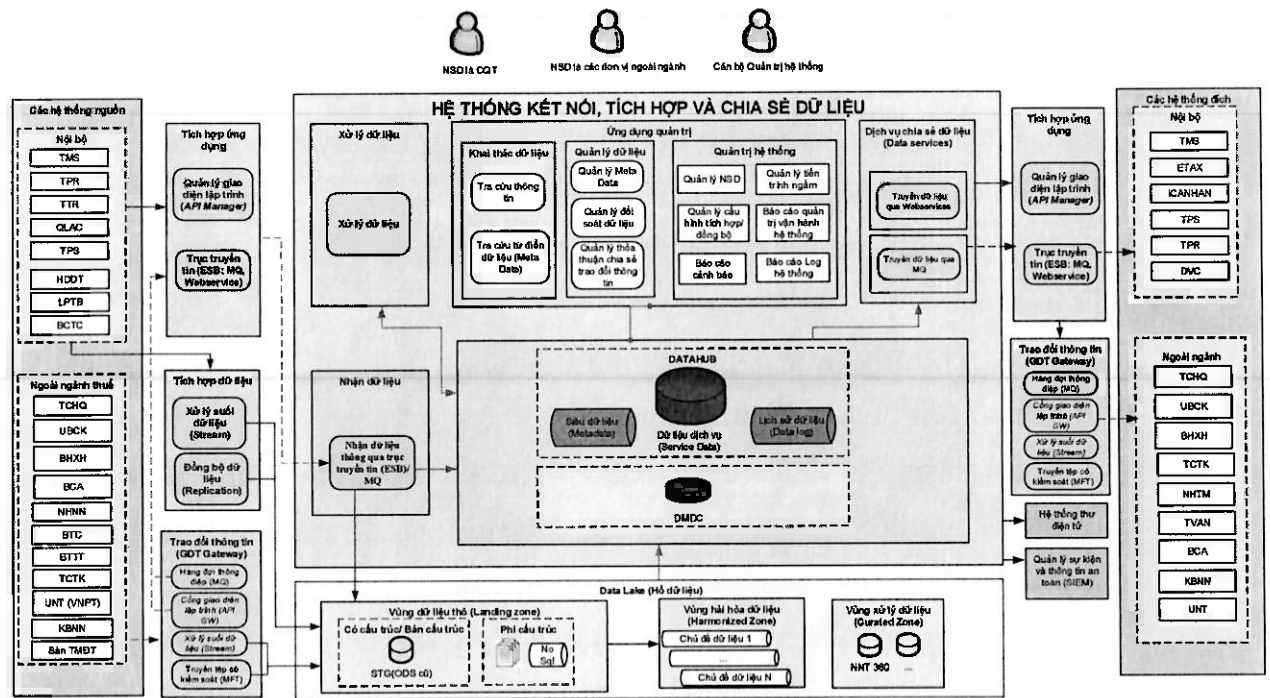
Kiến trúc ứng dụng Datahub:

Về kiến trúc: Ứng dụng DATAHUB được triển khai tập trung tại Cục Thuế, với hệ quản trị CSDL Oracle, là hệ thống kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu dữ liệu với các ứng dụng trong và ngoài ngành Thuế.

Về mặt nghiệp vụ: Cung cấp các dịch vụ về quản lý, chia sẻ dữ liệu: Đăng ký thuế, Tờ khai, Danh mục, Quyết định, Nợ thuế...

Về kết nối trao đổi thông tin: Ứng dụng DATAHUB có kết nối trao đổi thông tin với các ứng dụng trong nội bộ ngành thuế như TMS, BCTC_TC, QLTB-NĐ, ETAX, ESB, T2B, HDDT, ETAX MOBILE, WEBSITE... và kết nối trao đổi thông tin với các ứng dụng ngoài ngành như kết nối với BTC, BHXH VN, UBCKNN, BCT, NHTM để trao đổi thông tin đăng ký thuế, tờ khai, sổ thuế, nợ thuế, quyết định, danh mục, báo cáo tài chính.

Hệ thống phần mềm kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu sẽ được triển khai tập trung tại Cục Thuế với mô hình logic như sau:



Hình 2: Mô hình logic ứng dụng

Các hệ thống nguồn: Bao gồm các hệ thống tác nghiệp nghiệp vụ thực hiện cung cấp dữ liệu nguồn cho hệ thống kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Các hệ thống này được phân thành 2 nhóm chính như sau:

- Các hệ thống trong nội bộ ngành Thuế như TMS, QLAC, TTR, BCTC, WEBSITE...
- Các hệ thống nguồn ngoài TCHQ, UBCK, BHXH, BCA, NHNN, BTC, BTTT, TCTK, UNT, KBNN, Sàn TMĐT,...

Các phương thức thu thập dữ liệu từ hệ thống nguồn: Việc thu thập dữ liệu được thực hiện theo các phương thức (chiến lược) khác nhau phù hợp vào nhu cầu đồng bộ và mức độ ảnh hưởng cho phép tới hệ thống nguồn. Các phương thức thu thập dữ liệu từ hệ thống nguồn gồm có:

- **Tích hợp ứng dụng:** Tích hợp dữ liệu thông qua Quản lý giao diện lập trình (API Manager) hoặc Truyền tải tin (ESB). Dữ liệu qua hệ thống tích hợp ứng dụng sẽ được Hệ thống kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu nhận và lưu trữ vào Hồ Dữ liệu (DataLake) và CSDL của hệ thống kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ mục đích chia sẻ dữ liệu.

- **Tích hợp dữ liệu:** Dữ liệu sẽ được tích hợp theo các phương thức và lưu trữ vào Hồ Dữ liệu (DataLake) như sau:

- + **Phương thức tích hợp Xử lý suối dữ liệu (Streaming/Stream):** Đây là công cụ xử lý tích hợp lượng lớn dữ liệu được lưu trữ dạng phân tán. Dữ liệu này bao gồm cả có cấu trúc và phi cấu trúc. Dữ liệu sẽ được chuyển trực tiếp từ nguồn đến đích.

+ Phương thức Đồng bộ dữ liệu (Replication) được áp dụng khi cần tạo một bản sao dữ liệu từ cơ sở dữ liệu của hệ thống nguồn sang vùng dữ liệu trung gian. Phương thức đồng bộ dữ liệu thường giữ nguyên nội dung và cấu trúc dữ liệu cho các hệ thống nguồn có dữ liệu lớn.

- **Trao đổi thông tin (GDT Gateway):** bao gồm các phương thức tích hợp dữ liệu sau:

+ Phương thức Tích hợp dữ liệu dạng dịch vụ: Dữ liệu giữa các hệ thống được trao đổi qua hệ thống Cổng giao diện lập trình (API Gateway). Tùy thuộc vào khối lượng dữ liệu truyền nhận mà sẽ thực hiện theo cơ chế Webservice hay MQ. Các hệ thống sẽ cung cấp các Webservice để trao đổi thông qua trực ESB hoặc ESB/T2B (nếu là trao đổi ngoài ngành).

+ Phương thức Tích hợp dữ liệu dạng truyền nhận file lớn bao gồm cả file có cấu trúc và phi cấu trúc. Đối với những loại dữ liệu dạng file lớn có cấu trúc hoặc phi cấu trúc thì sẽ sử dụng cơ chế chuyển nhận file (MFT). Các file sẽ được lưu trữ ở vùng tạm của CSDL đích trước khi được xử lý để đọc và lưu trữ vào CSDL SQL hoặc NoSQL.

- **Lưu trữ dữ liệu:** Dữ liệu được lưu trữ vào 2 vùng chính bao gồm:

+ Vùng Hồ Dữ liệu (DataLake) bao gồm 03 vùng: vùng dữ liệu thô (Landing/ Raw (LND)) lưu toàn bộ dữ liệu thô (Raw) từ hệ thống nguồn, vùng hài hòa dữ liệu (Harmonized (HMN)) cung cấp khung nhìn đầy đủ, tích hợp về dữ liệu, vùng tổng hợp dữ liệu (Curated (CRD)) chuẩn bị dữ liệu cho các mục đích sử dụng.

+ Vùng dữ liệu chia sẻ (DataHub): lưu trữ dữ liệu chia sẻ, Metadata để thực hiện lưu trữ các thông tin cấu hình, các thông tin định nghĩa dữ liệu, từ điển dữ liệu của hệ thống và vùng lưu trữ các dữ liệu log của hệ thống nhằm mục đích quản trị tích hợp truyền nhận dữ liệu và phân tích hành vi người dùng.

Các khối chức năng chính của Hệ thống kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu bao gồm:

- **Nhận dữ liệu:** Cung cấp tính năng cho phép nhận dữ liệu từ hệ thống tích hợp hợp ứng dụng thông qua MQ hoặc Webservice vào DataLake và CSDL DataHub.

- **Xử lý dữ liệu:** cung cấp các tính năng chạy ngầm xử lý dữ liệu trước khi chia sẻ cho các ứng dụng hoặc hệ thống bên ngoài.

- **Quản trị dữ liệu:** cung cấp giao diện, tính năng cho phép người dùng khai

thác dữ liệu, quản trị dữ liệu; cung cấp tính năng cho phép cán bộ quản trị quản trị hệ thống.

- **Dịch vụ chia sẻ dữ liệu** (Data Service) cung cấp giao diện tích hợp cho các hệ thống bên ngoài khai thác. Phương thức tích hợp đề xuất là dưới dạng web service, cung cấp các dịch vụ dữ liệu dưới dạng các giao dịch, cho các nhu cầu dữ liệu tức thời, gần với thời gian thực nên cũng cần hạn chế dung lượng nhỏ. Với các nhu cầu tích hợp khai thác dữ liệu lớn (dạng lô), giải pháp dịch vụ dữ liệu đề xuất là sử dụng phương thức ETL để trích xuất dữ liệu và chuyển sang cho phân hệ cần khai thác.

- **Tác nhân của hệ thống:** là các cán bộ của CQT; các hệ thống thực hiện truyền – nhận dữ liệu trong và ngoài ngành thuế qua hệ thống kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

- **Thiết bị truy cập** của người sử dụng bao gồm các các máy tính cá nhân, máy tính để bàn. Phương thức truy cập là thông qua trình duyệt web.

II.2.5 Hiện trạng ứng dụng Quản lý thuế tập trung (TMS)

- Tên ứng dụng: Quản lý thuế tập trung

- Tên tắt ứng dụng: TMS

Nội dung ứng dụng

Ứng dụng Quản lý thuế tập trung là hệ thống quản lý thuế tích hợp cho phép xử lý và quản lý tập trung thông tin quản lý thuế trên phạm vi toàn quốc đáp ứng các nghiệp vụ quản lý thuế. Ứng dụng TMS bao gồm đầy đủ các phân hệ tương ứng với các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế như: Phân hệ Quản lý hồ sơ, Đăng ký thuế, Xử lý tờ khai/quyết toán thuế, Kế toán thuế và Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.

Các văn bản nghiệp vụ đáp ứng

- Luật số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội về Luật quản lý thuế;
- Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;
- Luật số 70/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội sửa sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế TTĐB;
- Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;
- Quyết định số 1544/QĐ-TCT của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Chế độ kế toán thuế nội địa;
- Thông tư số 195/2015/TT-BTC về việc Hướng dẫn thi hành Nghị định

108/2015/NĐ-CP ngày 28/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt;

- Thông tư số 80/2012/TT-BTC ngày 22/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật Quản lý thuế về đăng ký thuế;

- Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

- Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

- Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư 244/2009/TT-BTC);

- Quyết định số 78/2007/QĐ-BTC ngày 18/9/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về chính sách thuế, quản lý thuế và giải quyết các thủ tục hành chính thuế của người nộp thuế theo cơ chế “một cửa”;

- Quyết định số 748/QĐ-TCT ngày 20/04/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình công khai thông tin của Hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán trên trang thông tin điện tử ngành thuế;

- Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình Quản lý nợ;

- Quyết định số 1444/QĐ-TCT ngày 24/10/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình miễn giảm thuế và công văn số 3368/TCT-KK ngày 19/8/2014 của Tổng cục Thuế về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại quy trình miễn giảm thuế ban hành theo Quyết định 1444/QĐ-TCT;

- Quyết định số 879/QĐ -TCT ngày 15/5/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình quản lý kê khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế;

- Quyết định số 905/QĐ-TCT ngày 1/7/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình hoàn thuế ban hành kèm theo và công văn số

3228/TCT-KK ngày 12/8/2014 của Tổng cục Thuế về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại quy trình hoàn thuế 905;

- Quyết định số 2371/QĐ-TCT ngày 18/12/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy trình quản lý thuế đối với hộ kinh doanh;

- Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

- Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

- Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

- Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 28/5/2014 của Bộ Tài chính thuế sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính thuế;

- Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện kế toán nhà nước áp dụng cho Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và nghiệp vụ Kho bạc (TABMIS);

- Thông tư số 32/2014/TT-BTC ngày 11/3/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2011/TT-BTC hướng dẫn quy trình tổ chức phối hợp thu NSNN giữa KBNN và TCT, TCHQ và NH thương mại;

- Thông tư số 32/2009/TT-BTC ngày 19/2/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn qui định về thuế đối với các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo Luật Dầu khí do Bộ Tài chính ban hành;

- Thông tư số 56/2008/TT-BTC ngày 23/6/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kê khai, nộp và quyết toán các khoản thu của Nhà nước quy định tại Điều 18 Quy chế quản lý tài chính của Công ty mẹ - Tập đoàn dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Nghị định số 142/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ;

- Công văn số 4311/TCT-DNL ngày 3/10/2014 của Tổng cục Thuế về việc hướng dẫn khai, nộp thuế đối với doanh nghiệp xổ số;

- Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- Thông tư số 150/2013/TT-BTC ngày 20/10/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lập, quản lý và việc thực hiện hoàn thuế từ quỹ hoàn thuế giá trị gia tăng;
- Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi bổ sung hệ thống MLNS nhà nước;
- Thông tư số 104/2014/TT-BTC ngày 7/8/2014 của Bộ Tài chính bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước ảnh hưởng tới Bộ danh mục Mục lục ngân sách và bộ mẫu biểu Báo cáo kế toán;
- Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế TNCN đối với cá nhân làm việc trong khu kinh tế;
- Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế;
- Thông tư số 21/2016/TT-BTC ngày 02/5/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khai thuế giá trị gia tăng và ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (đối với bộ báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ và dạng rút gọn);
- Thông tư số 84/2016/TT-BTC ngày 17/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa;
- Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;
- Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính quy định về chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tự in trên máy tính;
- Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế GTGT;

- Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;
- Thông tư số 208/2015/TT-BTC ngày 28/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của hội đồng tư vấn thuế xã phường, thị trấn;
- Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN;
- Thông tư số 97/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ, thủ tục miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam;
- Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn hồ sơ, thủ tục miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghị định số 12/2016 của Chính Phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;
- Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thủ tục đăng ký thuế;
- Công văn số 161/TCT-QLN ngày 14/01/2016 của Tổng cục Thuế về việc giao chỉ tiêu thu tiền thuế nợ năm 2016;
- Công văn số 1547/TCT-KK ngày 13/4/2016 của Tổng cục Thuế về việc đơn đốc doanh nghiệp nộp thuế TNDN theo quy định tại Luật Quản lý thuế;
- Công văn số 1036/TCT-TNCN ngày 16/3/2016 của Tổng cục thuế về việc tập trung chỉ đạo công tác triển khai, lập bộ Thuế khoán năm 2016 trên ứng dụng TMS;
- Công văn số 2159/TCT-KK ngày 20/5/2016 của Tổng cục Thuế về việc hướng dẫn thực hiện MLNSNN và sửa đổi chỉ tiêu báo cáo kế toán (theo dõi khoản thu cấp quyền khai thác khoáng sản và hướng dẫn tiền chậm nộp của khoản thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản);
- Công văn số 4446/TCT-KK ngày 26/09/2016 của Tổng cục Thuế về việc bổ sung tiêu mục và chỉ tiêu trên báo cáo thu ngân sách và Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước;
- Công văn số 4254/TCT-KK ngày 16/9/2016 của Tổng cục Thuế về việc

hướng dẫn kê khai và điều chỉnh thuế TTĐB của hàng hóa nhập khẩu bán ra trong nước;

- Công văn số 60269/CT-QLĐ ngày 21/09/2016 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội về việc hỗ trợ quản lý thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

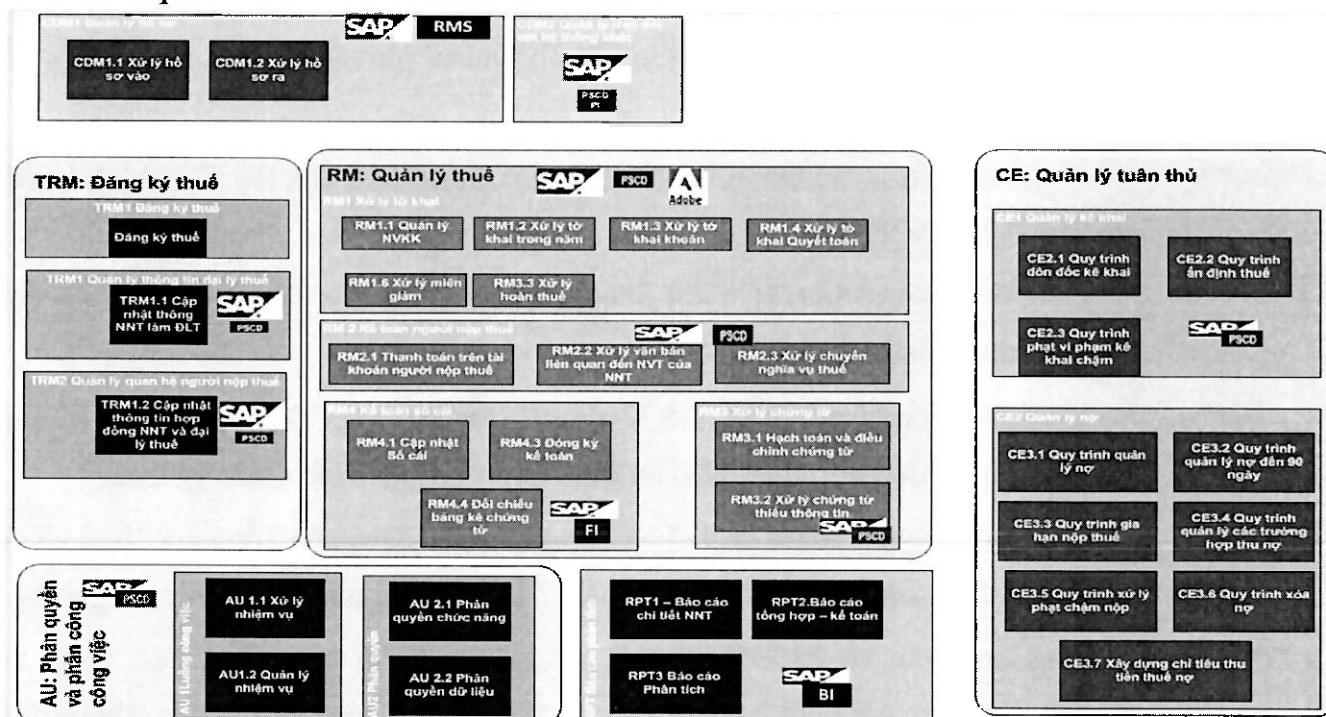
Môi trường phát triển

- Hệ quản trị CSDL (Database): Oracle 11g
- Môi trường phát triển ứng dụng (APP): phần mềm ứng dụng đóng gói của hãng SAP, phiên bản SAP EHP6 (có chỉnh sửa phù hợp nghiệp vụ Quản lý thuế của Việt Nam)

Mô hình hệ thống

(1) Mô hình kiến trúc xử lý nghiệp vụ của hệ thống TMS

Kiến trúc nghiệp vụ quản lý thuế của ứng dụng quản lý thuế tập trung dựa trên giải pháp SAP TRM được thiết kế theo các tiêu chuẩn quy trình quốc tế của ngành Thuế, sẽ mang lại giải pháp hoàn hảo và toàn diện cho Cục Thuế. Thiết kế kiến trúc xử lý nghiệp vụ quản lý thuế trên hệ thống quản lý thuế tập trung gồm các thành phần sau:



(2) Mô tả các nghiệp vụ quản lý thuế

Quản lý hồ sơ

Bao gồm các chức năng nghiệp vụ quản lý hồ sơ văn bản đến của NNT qua các kênh khác nhau. Các chức năng cơ bản bao gồm:

- Tiếp nhận thông tin hồ sơ.
- Kiểm tra tính hợp lệ các thủ tục, văn bản của bộ hồ sơ.

- Ghi nhận phiếu hẹn theo quy định của các loại hồ sơ.
- Chuyển hồ sơ của của NNT cho các bộ phận xử lý.
- Theo dõi việc xử lý của các bộ phận liên quan và trả kết quả xử lý cho NNT.

Đăng ký thuế

Thành phần nghiệp vụ Đăng ký thuế được thiết kế và xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu quy trình nghiệp vụ quản lý đăng ký thuế, bao gồm:

- Quản lý toàn diện và nhất quán thông tin về NNT bao gồm các thông tin định danh, các thông tin về mối quan hệ, địa chỉ, thông tin tài chính, vốn, thu nhập, trạng thái hoạt động kinh doanh, thay đổi thông tin, ...

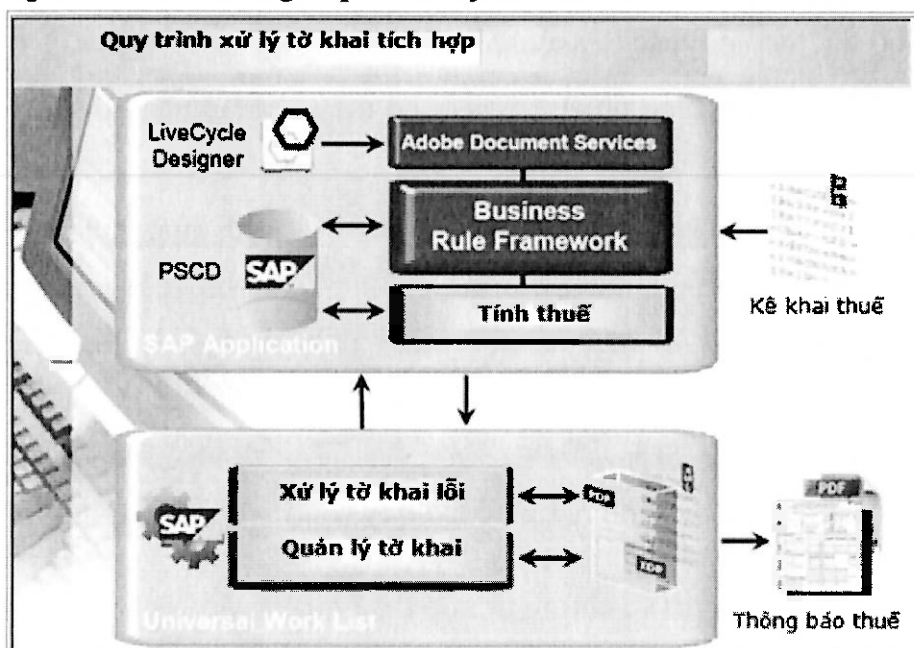
- Hỗ trợ tiếp nhận thông tin theo nhiều kênh đăng ký như: Đăng ký thuế điện tử, qua email, trực tiếp đến cơ quan thuế, qua cơ quan chi trả...

- Quản lý các thông tin xác định duy nhất người nộp thuế hỗ trợ cảnh báo trùng thông tin, có khả năng sinh mã người nộp thuế theo nguyên tắc sinh mã của Cục Thuế, quản lý trạng thái hoạt động của mã NNT (đang hoạt động, ngừng hoạt động, tạm nghỉ kinh doanh, chuyển địa điểm...).

- Hỗ trợ quản lý và xử lý các thay đổi thông tin đăng ký thuế như ngừng kinh doanh, phá sản, giải thể, thay đổi ngành nghề, chuyển địa điểm...

Xử lý tờ khai

Phân hệ xử lý tờ khai trên hệ thống quản lý thuế tập trung được thiết kế và tích hợp chặt chẽ với các công cụ hỗ trợ Adobe Document Services, Business Rule Framework và Universal Work List sẽ cung cấp cho hệ thống quản lý thuế tập trung giải pháp hoàn hảo cho nghiệp vụ xử lý tờ khai.



Mô hình kiến trúc các thành phần xử lý tờ khai

Các chức năng nghiệp vụ Xử lý tờ khai cung cấp các tính năng đáp ứng toàn diện quy trình nghiệp vụ kê khai và xử lý tờ khai của Cục Thuế như:

- Quản lý nghĩa vụ kê khai, theo dõi đơn đốc kê khai, tiếp nhận thông tin tờ khai, tính thuế, xử lý tờ khai kê khai sai hoặc chậm kê khai, ra thông báo thuế cho NNT, hạch toán nghĩa vụ thuế vào tài khoản NNT.

- Hỗ trợ nhiều phương thức tiếp nhận thông tin kê khai như: cập nhật thủ công, tự động nạp theo lô, kê khai điện tử và theo các khuôn dạng khác nhau như mã vạch, dạng text, xml v.v...

- Cho phép định nghĩa sẵn các quy tắc nghiệp vụ, công thức kiểm tra, cách tính thuế tuân thủ các công thức quy định trong luật thuế, áp dụng các biểu thuế theo lịch sử và ngày hiệu lực v.v... Hệ thống tự động phát hiện các tờ khai sai hoặc vi phạm các quy tắc nghiệp vụ đã được định nghĩa trước, ví dụ như tờ khai nộp chậm sau ấn định ... và sẽ được đưa vào danh sách các tờ khai cần được cán bộ xem xét và xử lý.

- Có khả năng linh hoạt trong việc mở rộng cho nhiều loại tờ khai cũng như thay đổi mẫu biểu tờ khai hoặc các quy tắc tính thuế, kiểm tra...

- Hỗ trợ các chức năng tính thuế hàng loạt dựa trên căn cứ tính thuế ban đầu (ví dụ như tính thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm dựa trên căn cứ tính thuế là diện tích, loại đường, phố, giá đất ...).

- Cung cấp các chức năng chuyển và tính thuế cho các tờ khai ổn định như (tờ khai khoán...).

- Hỗ trợ quản lý việc xử lý tờ khai của NNT như: phân công cán bộ xử lý, điều chỉnh thông tin, theo dõi các vết sửa đổi tờ khai,...

- Quản lý tờ khai theo phiên bản khi có điều chỉnh hoặc bổ sung thông tin kê khai.

- Các chức năng tổng hợp quyết toán hỗ trợ việc tính lại nghĩa vụ thuế cho NNT trong các trường hợp nhiều nguồn căn cứ, nhiều nguồn thu nhập tại các địa bàn khác nhau. Ví dụ như tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế TNCN từ tiền lương tiền công và kinh doanh của người làm công ăn lương.

Xử lý chứng từ nộp thuế

Cung cấp tất cả các tính năng hỗ trợ quy trình xử lý chứng từ thu nộp và hoàn thuế, bao gồm các chức năng hỗ trợ:

- Tiếp nhận thông tin về chứng từ nộp thuế qua nhiều kênh khác nhau: cập nhật thủ công các chứng từ nộp, nạp tự động theo lô dữ liệu, chuyển từ kho bạc hoặc ngân

hàng...

- Hệ thống có khả năng xác định và ghi chép đúng các khoản nộp thuế cho các nghĩa vụ thuế, phạt, tiền lãi và kế hoạch trả nợ cho từng loại thuế.

- Hỗ trợ các tính năng xử lý các trường hợp sai sót thông tin của chứng từ, đối chiếu bù trừ nghĩa vụ nộp thuế, phát sinh các chứng từ hoàn thuế, theo dõi hạch toán các giao dịch nộp và hoàn thuế.

- Hỗ trợ tự động áp khoản nộp thuế với các nghĩa vụ thuế của người nộp thuế theo thứ tự bù trừ đã định nghĩa theo quy định nghiệp vụ quản lý thuế và cho phép cán bộ có thẩm quyền có thể can thiệp và thực hiện việc áp khoản nộp với các khoản nợ một cách thủ công.

- Các khả năng điều chỉnh chứng từ, bằng cách chuyển các khoản nộp giữa các kỳ, các tài khoản người nộp thuế hoặc đảo lại giao dịch, phân tách giao dịch các khoản thu để bù trừ đảm bảo vẫn theo dõi được đến chứng từ gốc, ...

- Hạch toán chứng từ vào tài khoản NNT và tài khoản cơ quan thuế theo các quy định và chế độ hạch toán kế toán thuế.

Kế toán thuế

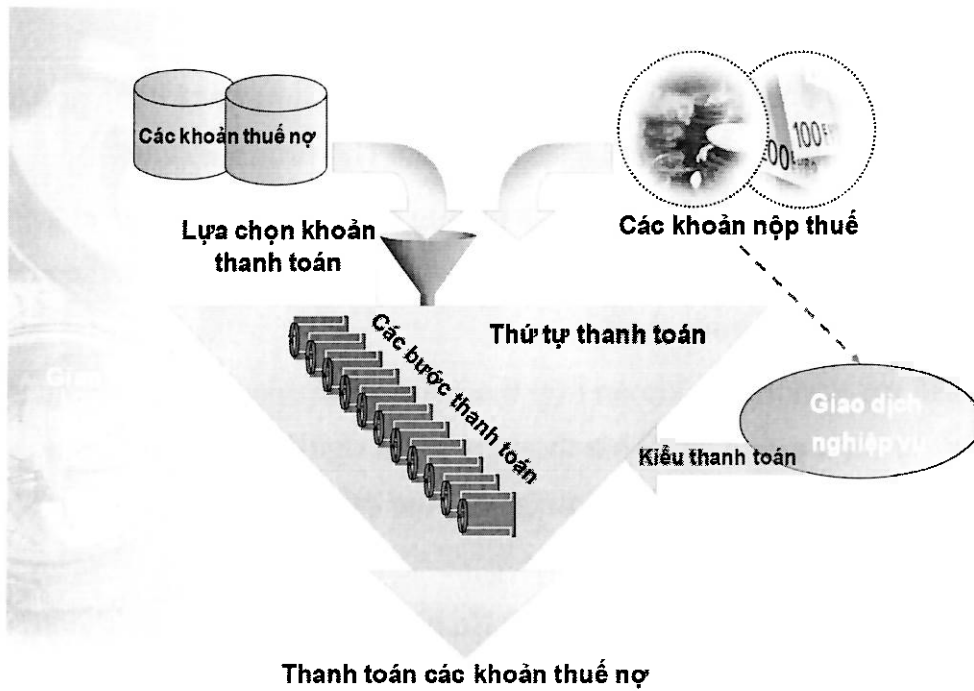
Phân hệ kế toán thuế với nền tảng kế toán tài chính của SAP, cung cấp dịch vụ kế toán đồng nhất, hoàn thiện, chính xác. Đây chính là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của giải pháp kế toán quản lý thuế tập trung. Phân hệ này gồm các chức năng chính sau:

- Cho phép người sử dụng tự định nghĩa cấu trúc tài khoản.

- Thực hiện ghi chép (ghi nợ/ ghi có) các giao dịch phải nộp phát sinh trong quá trình tính thuế, các giao dịch đã nộp phát sinh từ các chứng từ nộp thuế vào tài khoản kế toán của người nộp thuế và tổng hợp vào tài khoản kế toán ngân sách theo phương pháp kế toán kép.

- Đảm bảo ghi nhận, xử lý và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu tổng hợp và chi tiết về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của NNT theo các tài khoản chi tiết của NNT và phản ánh chính xác các khoản nợ thuế, các khoản nộp và số thuế còn phải nộp đối với từng tài khoản NNT. Hệ thống phát sinh các giao dịch kế toán hạch toán nợ có vào các tài khoản chi tiết của NNT và cho phép tìm kiếm hiển thị thông tin cũng như lập báo cáo chi tiết đến từng giao dịch.

- Hỗ trợ thanh toán (bù trừ) tự động theo các nguyên tắc thanh toán được định nghĩa trước.



Cơ chế xử lý thanh toán các khoản nộp thuế

- Đồng thời với kế toán chi tiết ở mức NNT, hệ thống tự động phát sinh các giao dịch kế toán nợ có trên các tài khoản tổng hợp về số thu của cơ quan thuế, cho phép thực hiện việc đối chiếu giữa số thu tổng hợp với các số dư tài khoản chi tiết ở mức NNT.

- Tính số dư tài khoản kế toán của NNT và tài khoản kế toán thuế.
- Ghi lịch sử việc sinh ghi chép các giao dịch kế toán.

Quản lý tuân thủ

Cung cấp chức năng hỗ trợ toàn diện quá trình đơn đốc kê khai và quản lý thu nợ từ việc xây dựng các chiến lược thu nợ, biện pháp, phân loại, phân công, thực hiện các hoạt động thu nợ và ghi nhận kết quả.

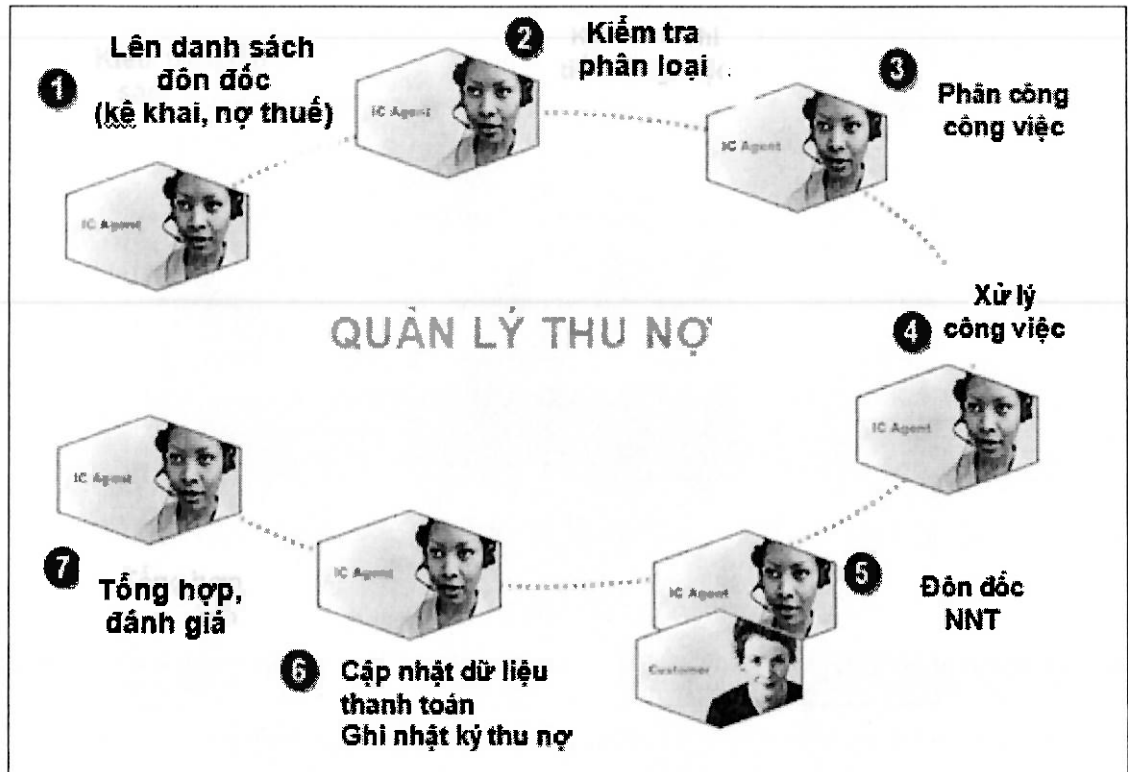
- Hỗ trợ định nghĩa các tiêu chí phân loại nợ, quy tắc phân công và các biện pháp thu nợ.

- Tự động xác định danh sách người nộp thuế có nợ thuế cần đơn đốc thu.

- Tự động thực hiện nhiều bước trong quy trình thu nợ như phân loại nợ, tính phạt nộp chậm, đề xuất các biện pháp thu nợ tiếp theo, dựa trên quy tắc nghiệp vụ và công thức tính phạt nộp chậm, quy tắc phân loại, phân công đã được định nghĩa sẵn trên hệ thống. Khi có nhu cầu thay đổi quy tắc, người sử dụng chỉ cần thực hiện cấu hình lại (sửa đổi công thức trong BRF) mà không cần phải lập trình.

- Cho phép định nghĩa các bước của quy trình thu nợ một cách linh hoạt và tự động tối đa luân chuyển thông tin, kích hoạt các bước xử lý trong quy trình. Mô

phòng quy trình theo dõi và thực hiện công tác quản lý thu nợ như sau:



Mô hình luồng nghiệp vụ quản lý nợ

- Xây dựng các chiến lược thu nợ khác nhau trong đó xác định các bước của quy trình thu nợ, đối tượng áp dụng (theo người nộp thuế, loại thu nhập chịu thuế, số tiền nợ thuế, mức độ rủi ro v.v...).

- Các khuôn mẫu thư tín (thư nhắc nhở, thông báo nợ v.v...) sử dụng trong từng bước của quy trình thu nợ cũng có thể được định nghĩa cho phù hợp với ngôn ngữ của vùng miền hay mức độ nghiêm trọng tương ứng.

- Tự động tính phạt nộp chậm của tờ khai bổ sung hoặc tính định kỳ hàng tháng cho các khoản nợ thuế của NNT đã quá hạn.

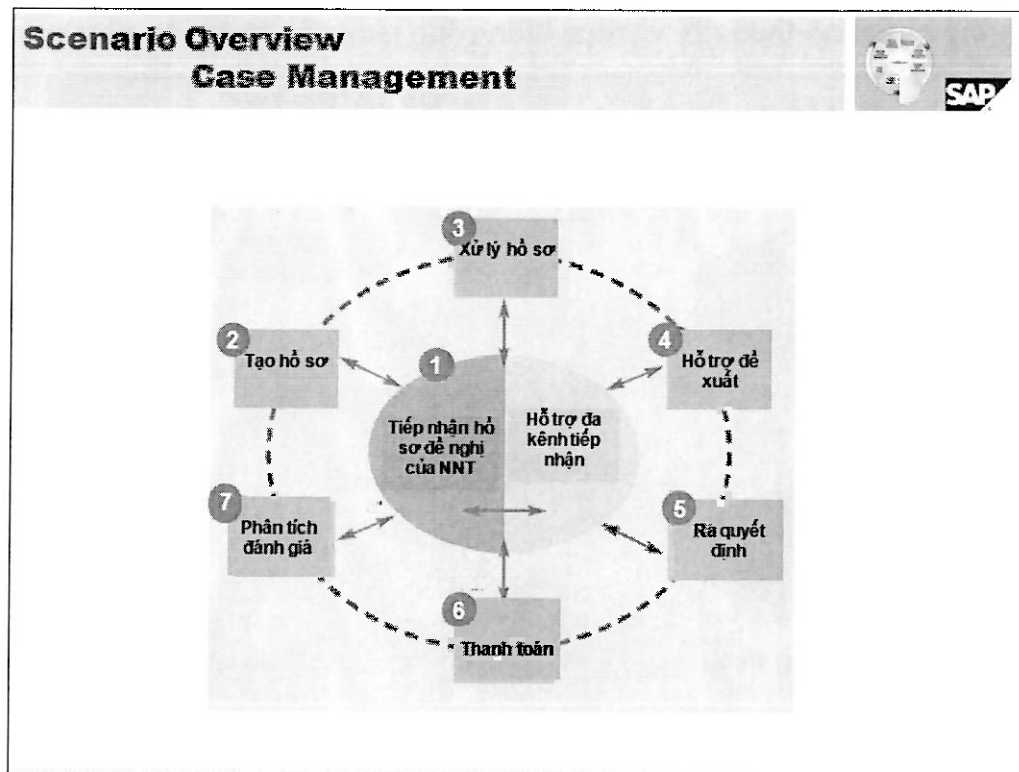
- Hỗ trợ ra quyết định ấn định thuế và bãi bỏ ấn định.

- Hỗ trợ các chức năng giải quyết các trường hợp xóa nợ, gia hạn nợ, tắt toán cho NNT.

Xử lý quyết định

Cấu phần xử lý quyết định được thiết kế hỗ trợ cho quy trình xử lý hồ sơ và ra Quyết định xử lý của CQT. Cấu phần này hỗ trợ các quy trình miễn giảm, hoàn thuế, xử lý khiếu nại và một số loại quyết định khác của cơ quan thuế.

Luồng quy trình cơ bản các nghiệp vụ được đáp ứng bởi CASE Management cho nghiệp vụ xử lý quyết định như sau:



Quy trình xử lý hồ sơ quyết định

Các chức năng cơ bản của quy trình sẽ được hỗ trợ:

- Cung cấp các tính năng hỗ trợ việc tiếp nhận, cập nhật thông tin đề nghị giải quyết của NNT.
- Tính toán và đề xuất số tiền thuế có thể được giải quyết (thu thêm hoặc được hoàn) cho NNT.
- Có các chức năng cho phép tạm treo số thuế còn thiếu hoặc nộp thừa của NNT trong quá trình giải quyết xử lý hồ sơ.
- Hỗ trợ lập quyết định và ban hành quyết định. Khi quyết định được phê duyệt, các thông tin chính thức về số thuế được hoàn, được giảm sẽ được hạch toán vào tài khoản NNT.
- Đối với quy trình hoàn thuế có các chức năng hỗ trợ lập lệnh hoàn hoặc lệnh hoàn kiêm bù trừ.
- Hệ thống cho phép xây dựng luồng công việc xử lý tương ứng với từng loại quyết định trong đó xác định các bước xử lý, cán bộ chuyên trách/phòng ban liên quan.
- Cho phép ghi nhận toàn bộ thông tin liên quan đến quá trình xử lý bao gồm các tương tác với người nộp thuế, các hồ sơ tài liệu liên quan cũng như kết quả xử lý.

Báo cáo phân tích, dự toán, phân tích rủi ro

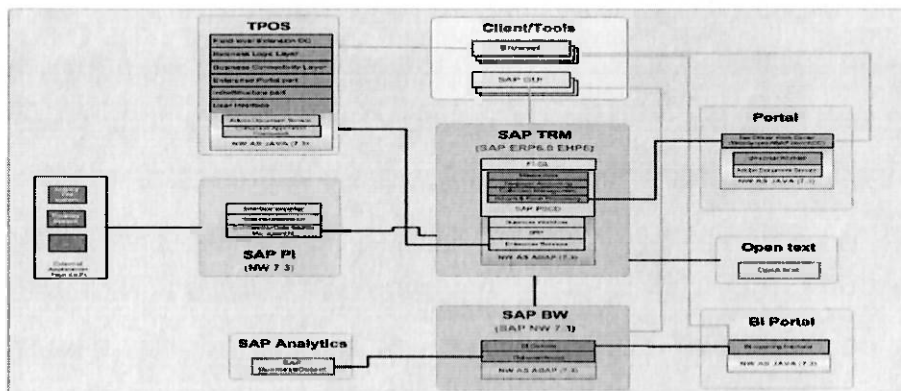
Phân hệ Báo cáo phân tích, dự toán, phân tích rủi ro cho phép nhập các chỉ tiêu phân tích SAP BI cung cấp khả năng tạo lập các phân tích, tính toán số liệu nhiều chiều với các biểu đồ trực quan sinh động.

(3) Sơ đồ kiến trúc kỹ thuật của hệ thống TMS

Các phân hệ trong SAP phục vụ cho ngành Thuế

SAP có rất nhiều phân hệ khác nhau, chúng liên kết và hỗ trợ với nhau rất chặt chẽ, kết quả của phân hệ này có thể là đầu vào của các phân hệ khác. SAP đã phát triển 1 phân hệ TRM (Tax and Revenue Management) để phục vụ cho quản lý thuế, ngoài ra nó còn có các phân hệ và thành phần hỗ trợ như:

1. SAP EP (Enterprise Portal)
2. SAPBI (Business Intelligence)
3. SAP PI (Process Integration)
4. TPOS (Taxpayer Online Service)



Sơ đồ logic tổng quan các phân hệ của SAP áp dụng cho ngành Thuế

SAP Tax and Revenue Management (SAP TRM)

SAP TRM là giải pháp trọn gói được hãng phần mềm SAP xây dựng trên nền tảng giải pháp ứng dụng và công nghệ hàng đầu thế giới của mình. SAP TRM hỗ trợ một cách toàn diện các nghiệp vụ quản lý thuế đồng thời chứa đựng các kinh nghiệm, quy trình tốt nhất trong lĩnh vực thuế. Giải pháp đã được minh chứng qua thực tiễn triển khai thành công tại nhiều cơ quan thuế trên toàn thế giới.

Các đặc điểm chính của giải pháp SAP TRM:

- SAP TRM là giải pháp thương mại đóng gói được thiết kế sẵn đáp ứng những yêu cầu đặc thù cho lĩnh vực quản lý thuế, áp dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất cũng như kinh nghiệm sâu sắc về quản lý thuế tích lũy được trong quá trình triển khai thành công tại nhiều nước trên thế giới, xin đơn cử một số cơ quan thuế đã triển khai thành công giải pháp của SAP là: Florida State Department of Revenue - USA, Her Majesty Revenue and Customs - UK, Queensland Government, Office of State Revenue - Australia, thuế TNCN tại Việt Nam.

- SAP TRM là một hệ thống quản lý thuế tích hợp, toàn diện được xây dựng trên nền tảng phần mềm thương mại số một trên thế giới thế giới. Giải pháp kế thừa

những đặc tính ưu việt về tổ chức thiết kế, nền tảng công nghệ, các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, khả năng mở rộng, nâng cấp và cải tiến đã được minh chứng qua thực tiễn sử dụng thành công của hơn 47,800 khách hàng với 12 triệu người sử dụng trên hơn 120 quốc gia trên toàn thế giới.

- Giải pháp cung cấp thông tin toàn diện và nhất quán về người nộp thuế bao gồm thông tin đăng ký thuế với các lịch sử thay đổi, toàn bộ nghĩa vụ thuế của họ bao gồm nhiều loại thuế khác nhau, mối quan hệ giữa người nộp thuế và các cơ quan chi trả hay với người nộp thuế khác cũng như lịch sử chi tiết về tất cả các giao dịch, chứng từ, các quyết định và các thông tin thư tín trao đổi giữa cơ quan thuế và người nộp thuế.

- Giải pháp hỗ trợ một cách toàn diện các nghiệp vụ quản lý thuế từ các chức năng cơ bản như đăng ký, kê khai, xử lý và tính thuế, thu nộp và hoàn thuế, kế toán thuế, đơn đốc thu nợ, kiểm tra thanh tra, quản lý hồ sơ và luồng công việc xử lý đến những tính năng đặc biệt hơn như dịch vụ trực tuyến cho người nộp thuế bao gồm đăng ký, kê khai, thanh toán trực tuyến, tra cứu thông tin, trao đổi tương tác với cơ quan thuế, giải pháp cho trung tâm dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế (Tax Payer Interaction Center/Call Center), giải pháp hỗ trợ các chiến dịch vận động, đào tạo, quảng bá chính sách thuế v.v... Tất cả các mô đun này đều nằm trong bộ giải pháp tích hợp sẵn có của SAP do đó đã được thiết kế để hoạt động trong môi trường kỹ thuật đồng nhất có khả năng kết nối chia sẻ thông tin một cách hoàn hảo.

- SAP TRM là hệ thống có hiệu năng và tính sẵn sàng cao dựa trên kinh nghiệm thiết kế và nền tảng công nghệ ưu việt đã được minh chứng tại các môi trường với số lượng giao dịch vô cùng lớn như trong ngành thuế, bảo hiểm, viễn thông, dịch vụ công cộng. Với thiết kế tận dụng khả năng xử lý song song (parallel processing), giải pháp đã được kiểm chứng trong môi trường hoạt động thực tế có thể xử lý trên 14,3 triệu giao dịch/ giờ.

- Giải pháp TRM cho phép việc cấu hình lại theo yêu cầu và phát triển đơn giản trên nền tảng kiến trúc hướng dịch vụ SOA. Điều này cho phép giải pháp đáp ứng được sự phát triển của tổ chức cơ quan Thuế và các điều chỉnh của chính sách. Khả năng tích hợp sâu và trong suốt của giải pháp TRM cho phép tích hợp với các hệ thống và công nghệ khác nhau hiện có và trong tương lai của Cục Thuế cũng như các cơ quan khác trong ngành Tài chính giúp cho hệ thống có khả năng hoạt động thống nhất và đáp ứng được yêu cầu triển khai thuế Thu nhập cá nhân toàn quốc.

SAP Enterprise Portal (SAP EP)

Đây là cầu phần cho phép chạy các ứng dụng dạng Web. Các ứng dụng không định nghĩa business logic ngay tại đây mà thực chất đây chỉ là tầng trình diễn (Presentation layer). EP bao gồm các thành phần sau:

1. Tax Officer Work Center

- Là tập hợp các giao diện đã có logic được định nghĩa tại phân hệ ERP để phục vụ cho mục đích quản lý và tính toán cho tờ khai.
- Thực chất các ứng dụng đều được chạy trên ERP nhưng phần giao diện chạy trên Portal.

2. BI Reporting Interface: Là công giao diện để trình bày các báo cáo từ phân hệ BI

3. Universal WorkList

- Dựa trên sơ đồ tổ chức được định nghĩa, những công việc mà nhân viên phải làm sẽ được hiển thị trên phần này, để nhân viên có thể kiểm soát được công việc của mình.
- Từng công việc nó có trạng thái (Mới, xử lý 1 phần và đã hoàn thành) để nhân viên có thể biết được công việc của mình đã được xử lý tới đâu.

4. Adobe Document Service: Adobe Document Service (ADS) là bộ máy (engine) để chuyển đổi dữ liệu dạng XML thành dữ liệu dạng Acrobat được sử dụng để sinh ra form nhập liệu hoặc form in ấn. ADS nhận yêu cầu chuyển từ phân hệ ERP.

5. Guided Procedure: Guided Procedure là phần engine giúp cho việc định nghĩa luồng công việc thực thi trên giao diện Web.

SAP Business Intelligence (SAP BI)



Mô hình tổng quan kho dữ liệu SAP BW

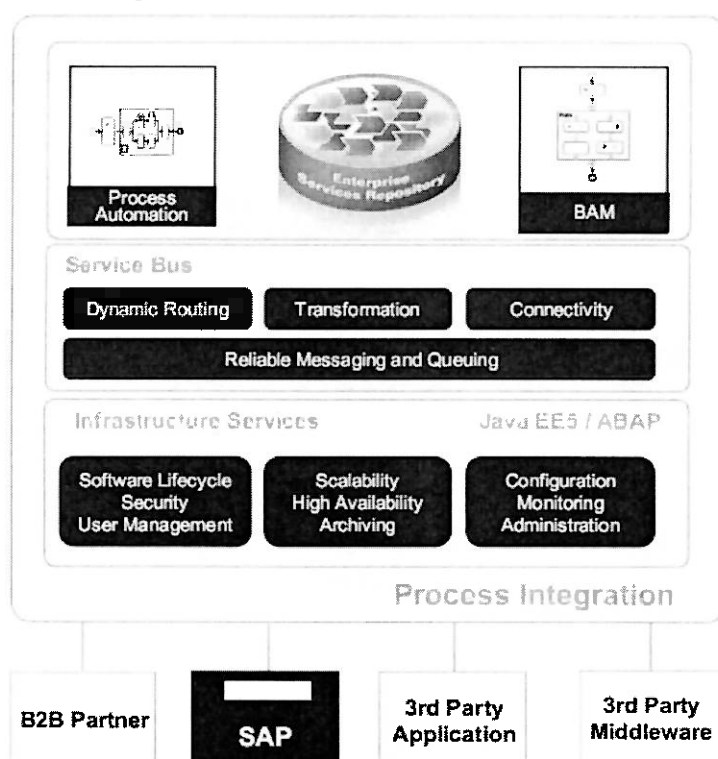
SAP Netweaver Business Intelligence là một bộ phần cấu thành trong giải pháp SAP Netweaver. Cấu thành này đáp ứng tất cả các nhu cầu về việc lập báo cáo chi tiết cũng như tổng hợp về số liệu trong công tác quản lý thuế, thực hiện việc phân tích đánh giá hiệu quả công tác quản lý thu thuế. Cấu phần SAP Netweaver Business Intelligence bao gồm các cấu thành nhỏ hơn như sau:

1. Data Warehousing - cung cấp tất cả các tính năng của một ngân hàng dữ liệu từ khả năng thiết kế xây dựng mô hình dữ liệu đa chiều đến công cụ chiết xuất - chuyển đổi - nạp (Extraction-Transformation-Loading ETL) cũng như công cụ quản lý vận hành ngân hàng dữ liệu.

2. BI Platform- Cung cấp tất cả các tính năng tính toán, phân tích, khai thác dữ liệu cũng như các công cụ lập kế hoạch, mô phỏng.

3. BI Suite: Business Explorer - Đây là cấu thành ở lớp trình bày (Presentation) bao gồm các công cụ cho phép xây dựng các báo cáo do người dùng tự định nghĩa, cung cấp khả năng tạo lập các phân tích, tính toán số liệu nhiều chiều với các biểu đồ trực quan sinh động.

SAP Process Intergration (SAP PI)



Mô hình tổng quan SAP Netweaver Process Intergration

SAP Netweaver Process Intergration dùng để tích hợp giữa hệ thống SAP với những hệ thống khác hoặc giữa 2 hệ thống không phải là SAP với nhau thông qua các công cụ sau:

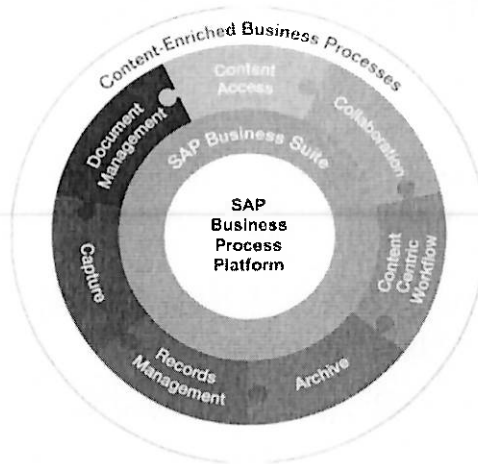
1. Ánh xạ về cấu trúc trao đổi (Interface mapping): Dùng để ánh xạ giữa 2 cấu trúc của bên gửi và bên nhận với nhau

2. Chuyển đổi dữ liệu (Data Tranformation: chức năng này dùng để chuyển đổi dữ liệu sao cho phù hợp với từng hệ thống, trong trường hợp cùng 1 trường nhưng nó được định nghĩa khác nhau giữa 2 hệ thống

3. Quản lý phương thức kết nối (Connectivity/Datasource management): Quản lý phương thức kết nối giữa 2 hệ thống, kết nối qua JDBC, JMS hoặc là tập

tin...

Quản lý hồ sơ (OpenText)



Mô hình tổng quan quản lý hồ sơ (Open Text)

Các chức năng của Open Text

1. Document management

- Quản lý hồ sơ là chức năng chính của Open Text, nó cho phép quản lý nội dung của tất cả các loại định dạng như (Các ứng dụng office của Window, email, hình ảnh, ...).
- Quản lý việc check in/ check out và nó quản lý được phiên bản của những tài liệu này.

- Cho phép tìm kiếm tài liệu và quản lý phân quyền
- Có thể quản lý được những dữ liệu có cấu trúc phức tạp
- Có thể kiểm soát được trạng thái của tài liệu.

- Capture

- Hỗ trợ xử lý dữ liệu hình ảnh và xử lý các loại mã vạch
- Nó có thể xử lý dữ liệu hình ảnh từ những nguồn khác nhau như

2. File import/ File input (TIFF, BMP and JPG files)

3. Scanner (ISIS scanners, Kofax®-certified scanners)

4. Fax Input (Lotus Notes®, Microsoft® Exchange)

5. Records Management: Là mở rộng của Document management, nó quản lý không gian lưu trữ và cho phép lên kế hoạch lưu trữ, di chuyển hoặc hủy nội dung lưu trữ

6. Archiving: Giúp cho quản lý dữ liệu 1 cách khoa học và thông minh, lưu trữ trở thành chiến lược và nhiệm vụ quan trọng của 1 tổ chức vì nó giúp đạt được

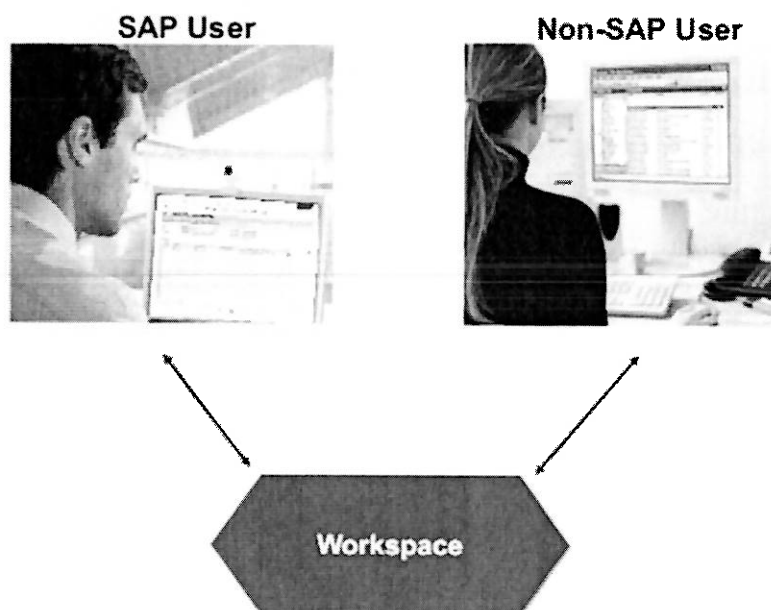
những mục tiêu sau đây:

- Lưu trữ cho phép người dùng lưu trữ nội dung từ nhiều nguồn khác nhau như tài liệu từ SAP từ những hệ thống không phải SAP vào 1 trung tâm lưu trữ
- Nó giúp lên kế hoạch sử dụng phần cứng lưu trữ một cách hữu ích và tiết kiệm được chi phí
- Lưu trữ cho phép quản lý lưu trữ một cách thông minh mà có thể di chuyển nội dung giữa 2 hệ thống khác nhau dựa vào.

7. Content-Centric Workflow: Chức năng này giúp định nghĩa, kiểm soát và quyết định luồng xử lý tài liệu

- Định nghĩa hoặc thay đổi người dùng hoặc nhóm người dùng trong một luồng công việc
- Định nghĩa các bước và khởi gán hồ sơ
- Chỉ định bước nào yêu cầu được xác nhận
- Tạo các luồng xử lý song song mà nhiều bước có thể thực hiện cùng một lúc
- Gắn những tài liệu hoặc thư mục tới luồng xử lý trong khi duy trì quản lý tài liệu và kiểm soát tài liệu
- Xác định mốc quan trọng trong luồng xử lý

8. Content Access:



Mô hình content address

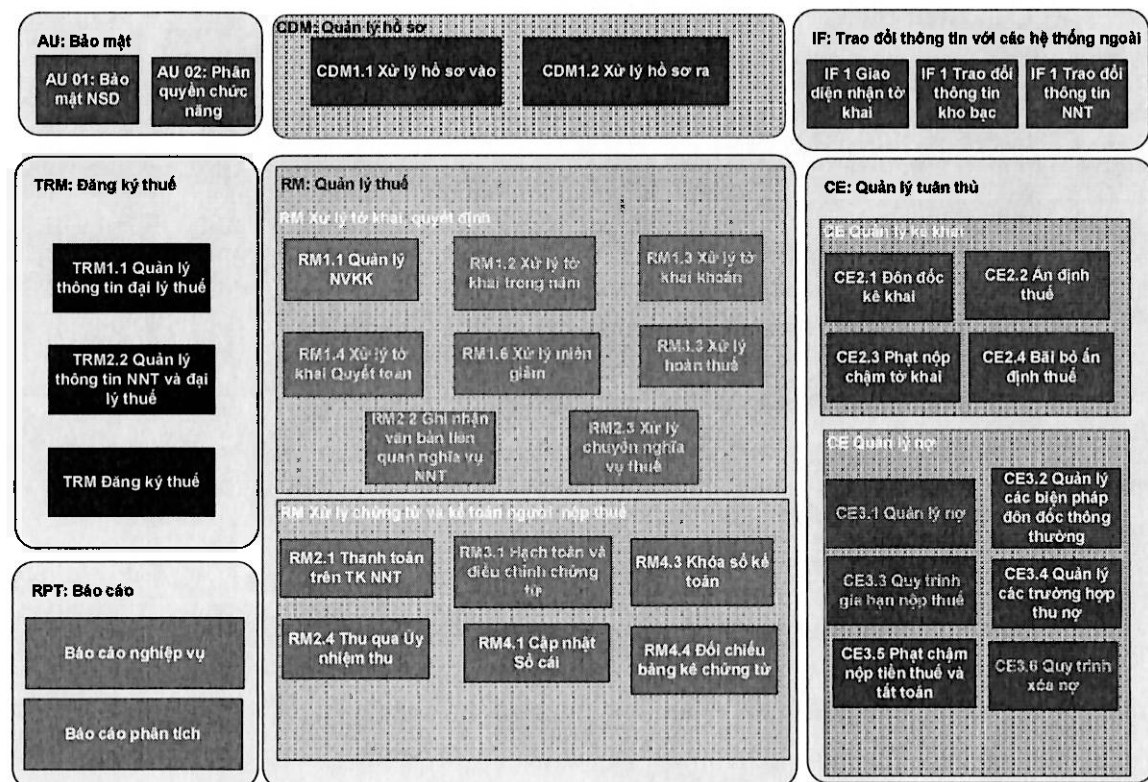
- Khi người dùng hệ thống SAP có thể muốn dùng những nội dung (từ email hay từ tài liệu office) không thuộc hệ thống SAP. Khi đó người dùng sẽ phải coi từ

nhiều ứng dụng, lúc đó sẽ làm mất thời gian và có thể bỏ sót những thông tin quan trọng.

- Chức năng này sẽ giúp giải quyết vấn đề trên, dữ liệu giữa 2 hệ thống SAP và không phải SAP sẽ được kết hợp lại, khi đó người dùng sẽ chỉ dùng 1 ứng dụng duy nhất nhưng họ có thể nhìn được toàn bộ những dữ liệu liên quan được cung cấp một cách tối đa và minh bạch. Điều này đạt được bằng cách quản lý tất cả các quy trình liên quan tới nội dung trong Workspace.

Phạm vi triển khai

Triển khai ứng dụng cho các Cục Thuế, Thuế tỉnh/TP và các Thuế cơ sở trực thuộc
Các chức năng ứng dụng



Phân hệ Quản lý hồ sơ:

- Quản lý danh mục hồ sơ
- Quản lý hồ sơ nhận/gửi
- Nhập Quyết định thanh tra, kiểm tra
- Tra cứu hồ sơ
- Báo cáo

Phân hệ đăng ký thuế:

- Xử lý hồ sơ đăng ký thuế
- Tra cứu thông tin NNT

- Quản lý, in thông tin NNT
- Cập nhật phòng, ban/cán bộ Quản lý
- Đăng ký Đại lý thuế
- Quản lý thông tin người phụ thuộc
- Báo cáo

Phân hệ đăng ký thuế:

- Xử lý hồ sơ đăng ký thuế
- Tra cứu thông tin NNT
- Quản lý, in thông tin NNT
- Cập nhật phòng, ban/ cán bộ Quản lý
- Đăng ký Đại lý thuế
- Quản lý thông tin NPT
- Báo cáo

Xử lý tờ khai:

- Quản lý nghĩa vụ kê khai
- Xử lý tờ khai/Quyết toán
- Báo cáo

Xử lý quyết định:

- Cập nhật Quyết định
- Xử lý Quyết định gian lận thương mại
- Tra cứu Quyết định
- Báo cáo

Xử lý miễn giảm thuế:

- Cập nhật Quyết định miễn giảm cho 1 NNT
- Cập nhật Quyết định miễn giảm theo danh sách
- Tra cứu Quyết định miễn giảm

Xử lý hoàn thuế:

- Nhập hồ sơ hoàn thuế
- Tra cứu hồ sơ hoàn thuế
- Hạch toán báo nợ do phân bổ hoàn thuế từ CQT trụ sở chính
- Hạch toán đề nghị hoàn tạo tài sản cố định

- Nhập lệnh hoàn chuyển đổi

Xử lý thu qua ủy nhiệm thu:

- Đăng ký ủy nhiệm thu
- Lập bảng kê giao ủy nhiệm thu
- Phê duyệt bảng kê giao ủy nhiệm thu
- Nhận bảng kê ủy nhiệm thu
- Kiểm soát dữ liệu bảng kê ủy nhiệm thu nhận từ file
- Hạch toán file bảng kê biên lai thu từ Ủy nhiệm thu

Kế toán thuế:

- Xử lý chứng từ
- Chuyển nghĩa vụ thuế
- Kế toán sổ cái
- Khóa sổ kế toán
- Sổ thuế
- Trao đổi thông tin

Quản lý nợ:

- Quản lý nợ
- Quản lý nợ khó thu
- Phân công công việc
- Báo cáo

Xử lý thông tin giao dịch:

- Tra cứu thông tin giao dịch
- Cập nhật giao dịch hệ thống

Quản lý việc in thông báo và liên lạc với NNT:

- Quản lý việc in thông báo
- Quản lý việc in thông báo/ mời NNT làm việc
- In Quyết định cưỡng chế
- In thông báo hóa đơn tiếp tục, hết giá trị sử dụng

Quản lý danh mục:

- Danh mục địa bàn hành chính
- Danh mục địa bàn thu

- Danh mục PNN
- Danh mục tài khoản kho bạc
- Danh mục địa bàn theo khu vực

Quản lý danh mục:

- Quản trị NSD
- Thiết lập hệ thống

Đánh giá và phân tích hiện trạng ứng dụng

Ứng dụng quản lý thuế tập trung là ứng dụng có liên quan cung cấp rất nhiều dữ liệu quan trọng cho hệ thống phần mềm kết nối, chia sẻ dữ liệu:

- Dữ liệu danh mục: Danh mục cơ quan thuế, Danh mục phòng ban, Danh mục cán bộ, Danh mục phường/xã, Danh mục quận/huyện, Danh mục tỉnh/thành phố, Danh mục loại hình kinh tế, Danh mục trạng thái MST, Danh mục lý do đóng cửa,...;
- Thông tin đăng ký thuế;
- Thông tin đại lý thuế;
- Thông tin các loại tờ khai;
- Sổ nợ;
- Sổ thuế;
- Quyết định cưỡng chế nợ thuế;
- Quyết định chấm dứt cưỡng chế nợ thuế;
- Dữ liệu hoàn thuế;
- Dữ liệu quyết định;
- Chứng từ.

E. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương này, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

F. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Căn cứ quy mô và tính chất của gói thầu, hai bên sẽ tiến hành lập kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng, nghiệm thu tiếp nhận nhân sự (nếu có) và nghiệm thu các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng, cụ thể như sau:

1. Lập kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, hai bên thống nhất Kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng làm cơ sở triển khai nội dung công việc của hợp đồng.

2. Nghiệm thu tiếp nhận/thay thế nhân sự (nếu có)

Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên B gửi công văn cử nhân sự tham gia triển khai hợp đồng để hai bên tiến hành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự.

Trường hợp thay thế nhân sự, Bên B gửi công văn cử nhân sự thay thế trước 03 ngày kể từ ngày nhân sự thay thế bắt đầu tham gia triển khai thực hiện hợp đồng. Nguyên tắc tiếp nhận/thay thế nhân sự: Bên A chỉ tiếp nhận nhân sự có năng lực, kinh nghiệm bằng hoặc cao hơn năng lực, kinh nghiệm của nhân sự của hợp đồng.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên lập ***Biên bản nghiệm thu tiếp nhận nhân sự***.

Sau khi hoàn thành nghiệm thu, tiếp nhận nhân sự thay thế (nếu có), hai bên lập ***Biên bản nghiệm thu tiếp nhận nhân sự thay thế (theo lần)***.

3. Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng

Căn cứ vào Biểu tiến độ cung cấp và kế hoạch triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên nghiệm thu/phê duyệt các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng. Chi tiết trình tự kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao các sản phẩm/hạng mục của hợp đồng sẽ được hai bên thống nhất khi hoàn thiện hợp đồng.